

# PHẦN MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài:

Du lịch ngày nay đã trở thành một hoạt động phổ biến trên thế giới, theo đánh giá chung thì công nghiệp du lịch đã trở thành một ngành công nghiệp lớn nhất hành tinh, với những tiềm năng kinh tế to lớn. Đa dạng là trụ cột chính của ngành công nghiệp du lịch bất kể là phong cảnh, đời sống văn hóa vật thể hay phi vật thể. Một môi trường đa dạng và giàu có là một nhân tố quan trọng để xác định được sự lựa chọn của du khách về nơi tham quan. Hoạt động du lịch là một động lực mạnh để duy trì sự đa dạng của thiên nhiên, văn hóa- xã hội. Sự đa dạng về văn hóa là một trong những nguồn tài nguyên chính và là tài sản hàng đầu của ngành công nghiệp du lịch. Giữa văn hóa và du lịch luôn có mối quan hệ biện chứng và trực tiếp, mối quan hệ này ngày càng thể hiện rõ hơn trong sự liên hệ giữa bảo vệ và phát huy các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa và thiên nhiên, một bộ phận quan trọng của tài sản văn hóa và cũng đồng thời là một trong những bộ phận chủ yếu nhất của nguồn tài nguyên du lịch.

Hoạt động du lịch ngày nay đang góp phần mở rộng mối quan hệ về văn hóa, kinh tế giữa các vùng, miền khác nhau, giữa quốc gia này với quốc gia khác; là cầu nối giữa các bộ phận dân cư thuộc các nền văn hóa khác nhau, đồng thời tạo lập mối quan hệ trực tiếp giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của mỗi vùng, mỗi dân tộc. Người làm công tác du lịch giống như là một đại sứ của quê hương xứ sở, có nhiệm vụ giới thiệu những nét đẹp riêng biệt của địa phương mình, đất nước mình đến với bạn bè và du khách.

Từ xưa tới nay, trong tâm hồn người Việt Nam, Hạ Long bao giờ cũng là một danh thắng tuyệt vời, là niềm kiêu hãnh chân chính về non sông gấm vóc. Đại thi hào Nguyễn Trãi, thế kỷ XV trên đường đến Vân Đồn, chu du ngang dọc vịnh Hạ Long với niềm đắm say ngổ ngàng và đã thốt lên:

Đường đến Vân Đồn lăm núi sao  
Kỳ quan đất dựng giữa trời cao!

Vâng quả thật với hai lần được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, Hạ Long thực sự là một kỳ quan thiên nhiên. Chỉ riêng điều đó thôi, đối với người Việt Nam đã là một món quà tặng rất đỗi lớn lao của tạo hóa. Nhưng nếu là một thiên nhiên vắng bóng người thì thiên nhiên ấy dù đẹp đến bao nhiêu vẫn chưa đủ. Hạ Long của chúng ta không chỉ đẹp và có một lịch sử địa chất phong phú, cổ xưa mà còn là một khu vực ẩn chứa lịch sử văn hóa lâu đời bậc nhất trên đất nước ta. Trong lòng di sản thế giới này không chỉ có những cảnh quan kỳ vĩ mà còn ôm ấp cả những con người. Họ sinh sống trên những con thuyền trong lòng Vịnh, coi đây như mảnh đất, như mái nhà yêu mến của mình. Họ cũng không biết rằng chính họ đã làm nên một nét độc đáo cho Vịnh Hạ Long. Đó chính là cộng đồng ngư dân ở các làng chài trên Vịnh, họ mang trong mình đầy đủ những đường nét của người dân thành phố di sản và có thêm một nền văn hóa biển rất khác biệt và độc đáo.

Với môi trường sống đặc biệt của mình, ngư dân làng chài đang được UBND Tỉnh Quảng Ninh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ninh quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế và nhận thức. Lại thêm nét văn hóa độc đáo sẵn có, họ tạo ra một môi trường du lịch tuyệt vời mà hiện nay du lịch Quảng Ninh đang đầu tư khai thác. Đó sẽ là một loại hình du lịch mới mẻ ở một nơi có tiềm năng du lịch lớn như Vịnh Hạ Long.

Với lý do trên, em đã chọn đề tài: “ *Tìm hiểu tài nguyên du lịch ở làng chài Cửa Vạn. Hiện trạng và giải pháp khai thác phát triển du lịch.*”

Hy vọng khóa luận này sẽ đóng góp một phần nhỏ vai trò một đại sứ du lịch của quê hương khi giới thiệu về một nét văn hóa độc đáo cũng như khám phá về một loại hình du lịch đầy mới mẻ.

## **2. Mục đích nghiên cứu:**

Mục đích tìm hiểu tiềm năng khai thác du lịch ở làng chài trên Vịnh Hạ Long. Từ đó, đóng góp những giải pháp nhằm triển khai các hoạt động du lịch để khai thác tiềm năng to lớn này.

## **3. Ý nghĩa của đề tài:**

Giới thiệu và khám phá một nét văn hóa độc đáo của cư dân vịnh chài, trong bộ phận văn hóa Hạ Long nói riêng và kho tàng văn hóa Việt Nam nói chung. Đồng thời đưa ra một loại hình du lịch mới mẻ theo hướng phát triển bền vững, qua góp phần làm đa dạng các sản phẩm du lịch của Quảng Ninh.

#### **4. Lịch sử nghiên cứu đề tài:**

Hiện nay, đã có nhiều nhà khoa học và các đơn vị nghiên cứu về cuộc sống của ngư dân trên biển Hạ Long. Từ tháng 8/ 2002 Ban Quản lý Vịnh Hạ Long cùng với UBND Tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành khảo sát và nghiên cứu về các làng chài trên Vịnh ( mà tập trung chủ yếu là làng chài Cửa Vạn ) để có một kết quả chính xác nhất mô tả về cuộc sống của họ. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có một tài liệu chính thức nào về cộng đồng các làng chài trên Vịnh nói chung và làng chài Cửa Vạn nói riêng.

#### **5. Phạm vi nghiên cứu:**

Khu vực các làng chài trên Vịnh Hạ Long ( gồm 4 làng chài: Ba Hang, Cống Tàu, Vòng Viêng, Cửa Vạn). Trong đó tập trung nghiên cứu tại làng chài Cửa Vạn vì dân số đông, cộng đồng dân cư Cửa Vạn mang đầy đủ những đặc trưng của một làng chài thủy cư có mặt lâu đời trên Vịnh Hạ Long.

#### **6. Phương pháp nghiên cứu:**

- Phương pháp thu thập và xử lý tư liệu
- Phương pháp nghiên cứu thực địa
- Phương pháp điều tra xã hội học
- Phương pháp xử lý bằng các công cụ tin học

#### **7. Bố cục của đề tài : Gồm 3 chương**

**Chương 1:** Cơ sở lý luận của đề tài

**Chương 2:** Hiện trạng phát triển du lịch ở làng chài Cửa Vạn

**Chương 3:** Giải pháp phát triển du lịch ở làng chài Cửa Vạn

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

## 1.1: Tài nguyên du lịch.

### 1.1.1. *Khái niệm: tài nguyên du lịch.*

Tài nguyên du lịch có các đặc trưng như: khối lượng tài nguyên, tính chất và sức hấp dẫn của chúng. Các đặc trưng đó sẽ quyết định quy mô hoạt động du lịch của một quốc gia, một lãnh thổ; quyết định tính mùa, tính nhịp điệu của các dòng khách du lịch.

Theo Luật du lịch Việt Nam (năm 2005), tài nguyên du lịch được định nghĩa như sau: “ Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá- lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục, phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ. Những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp cho việc sản xuất dịch vụ du lịch”.

Theo PTS. Nguyễn Minh Tuệ cùng các tác giả trong cuốn Địa lý du lịch thì : “ Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá- lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp cho việc sản xuất dịch vụ du lịch”.

Trên đây là hai khái niệm về Tài nguyên du lịch, tuy có sự khác nhau về mặt ngôn từ nhưng cả hai đều thống nhất một nội dung chung đó là: tài nguyên du lịch là tiền đề quan trọng để phát triển du lịch của một quốc gia.

Như vậy, về thực chất, tài nguyên du lịch là điều kiện tự nhiên, là các đối tượng văn hoá- lịch sử đã bị biến đổi ở mức nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích du lịch.

### 1.1.2: *Đặc điểm và phân loại tài nguyên du lịch.*

#### 1.1.2.1: Đặc điểm.

- Tài nguyên du lịch có tính đa dạng, phong phú và đặc sắc. Tài nguyên du lịch gồm những giá trị hữu thể và vô thể. Các giá trị này của tài

nguyên du lịch nhiều khi kết hợp với nhau chặt chẽ, bổ sung cho nhau làm tăng thêm giá trị của các điểm tài nguyên. Đây là đặc điểm tạo nên sự phong phú của các sản phẩm du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu đa dạng của du khách. Ví dụ: tài nguyên du lịch ở Hội An bao gồm các giá trị hữu thể của hệ thống khu phố cổ như chùa, cầu, các di tích khảo cổ, di tích lịch sử văn hoá,... cùng các giá trị vô thể như: lịch sử phát triển, giá trị văn hoá, giá trị lịch sử. Từ đó, du khách sẽ cảm nhận hết vẻ đẹp cũng như các giá trị của khu phố cổ.

- Khối lượng của các nguồn tài nguyên và diện tích phân bố các nguồn tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi, du lịch.

- Thời gian có thể khai thác tài nguyên du lịch ( như thời kỳ khí hậu thích hợp, mùa tắm, thế nằm của lớp tuyết phủ ổn định) xác định tính mùa của du lịch, nhịp điệu dòng du lịch. Nói cách khác là tài nguyên du lịch có thời gian khai thác khác nhau. Trong số các tài nguyên du lịch thì các tài nguyên có khả năng khai thác quanh năm như di tích lịch sử văn hoá và tài nguyên du lịch nhân văn khác; nhưng cũng có những tài nguyên chỉ khai thác theo thời vụ; ví dụ: du lịch biển thời gian khai thác thích hợp nhất là vào thời kỳ mà thời tiết có nhiều ánh nắng mặt trời, nhiệt độ từ 20<sup>0</sup> C- 25<sup>0</sup> C sự phụ thuộc này chủ yếu dựa theo quy luật diễn biến của thời tiết. Vì thế các địa phương, các nhà quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ cũng như du khách đều phải quan tâm đến tính chất này để có biện pháp chủ động điều tiết tổ chức nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh du lịch.

- Tính bất biến về mặt lãnh thổ của đa số các loại tài nguyên tạo nên lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tới nơi tập trung các loại tài nguyên đó. Tài nguyên du lịch được khai thác tại chỗ để tạo ra sản phẩm du lịch. Các sản phẩm du lịch sẽ được khách đến tận nơi thưởng thức. Đây là điểm mà tài nguyên du lịch khác với các loại tài nguyên khác và là lợi thế của tài nguyên du lịch.

- Vốn đầu tư tương đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cao cho phép xây dựng tương đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu

quả kinh tế- xã hội cũng như khả năng sử dụng độc lập từng loại tài nguyên. Vì vậy, muốn khai thác tốt các loại tài nguyên này có hiệu quả cần phải chuẩn bị tốt cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận chuyển khách du lịch chất lượng tốt, số lượng và quy mô phù hợp.

- Tài nguyên du lịch có khả năng tái sử dụng nếu con người biết khai thác và sử dụng hợp lý. Tài nguyên du lịch được xếp vào loại tài nguyên có khả năng phục hồi và được sử dụng lâu dài. Đó là một ưu thế của tài nguyên du lịch, cơ sở quan trọng để hoạt động du lịch có thể phát triển theo hướng bền vững.

Vấn đề chính là phải nắm được quy luật tự nhiên, lường trước được sự thử thách khắc nghiệt của thời gian và những biến động đổi thay do con người tạo lên. Từ đó, có định hướng lâu dài và các biện pháp cụ thể để khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên du lịch. Không ngừng bảo vệ tôn tạo và hoàn thiện tài nguyên nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch.

### **1.1.2.2: Phân loại tài nguyên du lịch.**

Tài nguyên du lịch có thể chia làm 2 nhóm:

- Tài nguyên tự nhiên:
  - + Địa hình
  - + Khí hậu
  - + Nguồn nước
  - + Thực, động vật.
- Tài nguyên nhân văn:
  - + Các di tích lịch sử- văn hoá, kiến trúc
  - + Các lễ hội
  - + Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học
  - + Các đối tượng văn hoá- thể thao và hoạt động nhân thức khác.

## **1.2: Tài nguyên du lịch tự nhiên.**

### ***1.2.1: Định nghĩa.***

Tài nguyên du lịch có nhiều định nghĩa khác nhau:

Theo Luật du lịch Việt Nam ( năm 2005): “Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể được sử dụng vào mục đích du lịch”.

Theo PTS. Nguyễn Minh Tuệ cùng các tác giả trong cuốn Địa lý du lịch thì “ tài nguyên du lịch tự nhiên là các đối tượng và hiện tượng trong môi trường tự nhiên bao quanh chúng ta”.

Các thành phần tự nhiên có tác động mạnh nhất đến du lịch là địa hình, khí hậu, nguồn nước và tài nguyên thực động vật.

### ***1.2.2: Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên.***

#### **1.2.2.1: Địa hình.**

Địa hình hiện tại của bề mặt trái đất là sản phẩm của các quá trình địa chất lâu dài. Trong chừng mực nhất định, mọi hoạt động sống của con người trên một lãnh thổ đều phụ thuộc vào địa hình. Tất nhiên tùy thuộc vào mục đích hoạt động kinh tế mà sự phụ thuộc đó nhiều hay ít hay phụ thuộc vào khía cạnh này hay khía cạnh khác của địa hình.

Đối với hoạt động du lịch, điều quan trọng nhất là đặc điểm hình thái địa hình, nghĩa là các dấu hiệu bên ngoài của địa hình và các dạng đặc biệt của địa hình có sức hấp dẫn khai thác cho du lịch.

#### ***Một số dạng địa hình có ý nghĩa quan trọng với phát triển du lịch:***

- **Địa hình đồng bằng:** Đồng bằng là nơi hình thành nuôi dưỡng phát triển các nền văn hóa, văn minh của một đất nước. Địa hình đồng bằng thuận lợi cho phát triển loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, du lịch văn hoá. Song do địa hình đồng bằng tương đối đơn điệu về ngoại hình ít gây cảm hứng nhất định cho tham quan du lịch nên có ảnh hưởng gián tiếp đến du lịch.

- **Địa hình vùng đồi:** có ý nghĩa lớn đối với phát triển du lịch. Vùng đồi có sự phân cắt địa hình tạo nên cảnh quan đẹp, thêm vào đó không gian thoáng đãng, bao la nên thu hút được sự chú ý của khách du lịch. Vùng đồi là nơi có những di tích khảo cổ và tài nguyên văn hoá- lịch sử độc đáo thích hợp phát triển loại hình du lịch tham quan theo chuyên đề.

- **Địa hình miền núi:** có ý nghĩa lớn nhất với phát triển du lịch. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch như: leo núi, nghỉ dưỡng, du lịch thể thao.

Ngoài ba dạng địa hình trên thì kiểu địa hình Karst và kiểu địa hình ven bờ có giá trị lớn với du lịch.

+ **Kiểu địa hình Karst** được tạo thành do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hoà tan. Kiểu Karst được quan tâm nhất đối với du lịch là hang động Karst. Đây chính là một nguồn tài nguyên du lịch, một loại hàng hoá đặc biệt có thể sinh lợi dễ dàng. Hiện nay, trên thế giới có khoảng 650 hang động đã được sử dụng cho du lịch, hàng năm thu hút khoảng 15 triệu khách tới thăm. Ở Việt Nam hang động Karst không dài, không sâu nhưng rất đẹp như động Phong Nha (Quảng Bình), Tam Cốc- Bích Động (Ninh Bình), động Hương Tích (Hà Tây).

+ **Kiểu địa hình ven bờ:** Tận dụng khai thác du lịch với các mục đích khác nhau: tham quan du lịch theo chuyên đề khoa học, nghỉ ngơi an dưỡng, tắm biển, thể thao nước.

#### 1.2.2.2: Khí hậu.

Khí hậu là thành phần quan trọng của môi trường tự nhiên đối với hoạt động du lịch. Khí hậu gồm những yếu tố như: nhiệt độ và độ ẩm khí hậu, lượng mưa, áp suất khí quyển, ánh sáng mặt trời và các hiện tượng thời tiết đặc biệt.

Nhiều nhà khí hậu trên thế giới đã sử dụng những chỉ tiêu khí hậu sinh học để xác định mức độ thích nghi của khí hậu đối với con người. Qua nghiên cứu cho thấy ở nước ta điều kiện khí hậu dễ chịu nhất với con người là nhiệt độ trung bình từ 15<sup>0</sup>C đến 23<sup>0</sup>C, độ ẩm trung bình trên 80%, lượng mưa trung bình năm từ 500-2000mm. Các điều kiện này tương ứng với các điểm du lịch nổi tiếng như Sa Pa, Tam Đảo, Ba Vì...

Điều kiện khí hậu ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến du lịch hoặc hoạt động du lịch. Ví dụ: để phát triển du lịch tắm biển cần các điều kiện như số ngày mưa tương đối ít, số ngày nắng trung bình trong ngày cao, nhiệt độ nước biển thích hợp nhất là từ 20<sup>0</sup>C- 25<sup>0</sup>C.



### 1.2.2.3: Nguồn nước.

Nguồn nước đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Nó tham gia vào vòng tuần hoàn của cả trái đất. Tài nguyên nước của nước ta phong phú gồm nước trên mặt và nước ngầm.

- **Nước trên bề mặt:** gồm có ao, hồ, sông, suối. Bề mặt nước rộng lớn, không gian thoáng đãng, nước trong xanh. Đây là những yếu tố sẽ cùng hàng loạt yếu tố khác như địa hình, cơ sở vật chất kỹ thuật tạo nên một cảnh quan đẹp hấp dẫn thơ mộng. Thêm vào đó các vùng bãi biển, bờ ven hồ, sông...có thể sử dụng phát triển hàng loạt loại hình du lịch như du lịch tắm biển, du lịch thể thao. Ngoài ra, nước bề mặt có thể kết hợp với địa hình, dòng chảy trên địa hình có sự thay đổi đột ngột tạo lên thác nước đẹp.

- **Nước ngầm:** gồm các điểm nước khoáng, suối khoáng nóng là tài nguyên thiên nhiên quý giá để phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh. Ở nước ta theo điều tra có trên 400 nguồn nước khoáng. Nước khoáng là nước thiên nhiên chứa một số thành phần vật chất đặc biệt (các nguyên tố hoá học, các khí..) hoặc một số tính chất vật lý (nhiệt độ cao, độ PH) có tác dụng sinh lý đối với con người.

Ví dụ: nhóm nước khoáng cacbôníc tác dụng giải khát rất tốt và chữa một số bệnh như cao huyết áp, vỡ động mạch nhẹ, các bệnh về hệ thần kinh ngoại biên.

### 1.2.2.4: Sinh vật.

Sinh vật bao gồm nguồn động vật, thực vật tiêu biểu có thể phục vụ mục đích du lịch. Tài nguyên sinh vật ở các quốc gia, cũng như ở Việt Nam phục vụ cho mục đích du lịch thường tập trung ở:

- Các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu rừng sinh thái. Hiện nay, ở nước ta có 28 vườn quốc gia, 57 khu bảo tồn thiên nhiên, 46 khu dự trữ thiên nhiên, 46 khu bảo tồn sinh cảnh, 37 khu bảo vệ cảnh quan, 4 khu dự trữ sinh quyển thế giới.

- Một số hệ sinh thái đặc biệt như: hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái vùng đất ướt...được bảo vệ khai thác phát triển du lịch.

- Các điểm tham quan sinh vật như: vườn thú, viện bảo tàng sinh vật, các sân chim...

Trong tài nguyên tự nhiên thì di sản thiên nhiên thế giới có sức hấp dẫn đặc biệt với du khách không chỉ trong nước mà cả thế giới. Hiện nay, ở Việt Nam có hai di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới: Vịnh Hạ Long hai lần được công nhận (tháng 12/1994 và tháng 12/ 2000), vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng (Quảng Bình) tháng 7/2003.

### **1.3: Tài nguyên du lịch nhân văn.**

#### ***1.3.1: Khái niệm.***

Theo Luật du lịch Việt Nam ( năm 2005): “ Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hoá, các yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch”.

Theo PGS.TS Trần Đức Thanh trong bài giảng Địa lý du lịch : “ Tài nguyên du lịch nhân văn là các đối tượng và hiện tượng xã hội cùng các giá trị văn hoá lịch sử của chúng có sức hấp dẫn với du khách và được khai thác để kinh doanh du lịch”.

Như vậy, tài nguyên du lịch nhân văn đều được khai thác để phục vụ mục đích du lịch. Trong các loại tài nguyên du lịch nhân văn thì di sản văn hoá có giá trị lớn. Di sản văn hoá là nguồn lực để phát triển và mở rộng hoạt động du lịch. Với mỗi quốc gia thì di sản văn hoá như một tài sản vô giá mà thế hệ trước để lại cho thế hệ sau. Nó chứng minh cho những sáng tạo to lớn về văn hoá, tôn giáo và xã hội loài người.

Di sản văn hoá bao gồm di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể.

Di sản văn hoá vật thể: là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học bao gồm di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật cổ vật, bảo vật quốc gia.

Di sản văn hoá phi vật thể: là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết; được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu truyền khác bao gồm: tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn hoá nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống nếp sống, lễ hội, bí quyết về làng nghề thủ công truyền thống, tri thức về y dược cổ truyền và văn hóa ẩm thực.

### **1.3.2: Đặc điểm.**

Nhóm tài nguyên du lịch nhân văn do con người tạo ra, hay nói cách khác, nó là đối tượng và hiện tượng được tạo ra một cách nhân tạo. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho tài nguyên du lịch nhân văn có những đặc điểm khác biệt so với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên:

- Tài nguyên du lịch nhân văn có tác dụng nhận thức nhiều hơn. Tác dụng giải trí không điển hình hoặc có nhiều ý nghĩa thứ yếu. Bởi tài nguyên du lịch nhân văn là sản phẩm văn hoá, khi du khách đến thăm quan chủ yếu muốn tìm hiểu lịch sử, giá trị văn hoá dân tộc.

- Việc tìm hiểu các đối tượng trong tài nguyên du lịch nhân văn diễn ra trong thời gian rất ngắn. Nó thường kéo dài một vài giờ, cũng có thể một vài phút. Do vậy, trong khuôn khổ một chuyến du lịch người ta có thể hiểu rõ nhiều đối tượng nhân văn. Tài nguyên du lịch nhân văn thích hợp với loại hình du lịch nhân thức theo lộ trình.

- Tài nguyên du lịch nhân văn thường tập trung ở các điểm quần cư và các thành phố lớn. Khi đến thăm nguồn tài nguyên nhân văn có thể sử dụng cơ sở vật chất của du lịch đã được xây dựng trong các điểm quần cư mà không cần xây thêm cơ sở riêng.

- Tài nguyên du lịch nhân văn khác với tài nguyên du lịch tự nhiên ở chỗ nó có thể bị xuống cấp, thậm chí mất ngay đi ngay cả không được khai thác. Điều này được thể hiện rõ nét ở nhiều di tích lịch sử, tôn giáo, văn hoá bị bỏ hoang ngày càng xuống cấp trầm trọng. Hay những làn điệu dân ca có thể bị biến mất nếu không được bảo tồn, khai thác có hiệu quả.

- Ưu thế lớn nhất của tài nguyên du lịch nhân văn là đại bộ phận không có tính mùa, không bị phụ thuộc vào các điều kiện khí tượng và các điều kiện tự nhiên khác. Vì thế, tạo nên khả năng sử dụng tài nguyên du lịch nhân văn ngoài giới hạn các mùa chính do các tài nguyên du lịch tự nhiên gây ra và giảm nhẹ tính mùa chung của các dòng du lịch.

- Sở thích của những người tìm đến tài nguyên du lịch nhân văn rất phức tạp và rất khác nhau. Nó gây nhiều khó khăn trong việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn. Khác với tài nguyên du lịch tự nhiên có một số phương pháp đánh giá định lượng tài nguyên. Tiêu chuẩn đánh giá tài nguyên nhân tạo chủ yếu dựa vào cơ sở định tính xúc cảm và trực cảm.

### ***1.3.3: Các loại tài nguyên du lịch nhân văn.***

#### **1.3.3.1: Các di sản văn hoá thế giới và di tích lịch sử- văn hoá.**

Là một trong những nguồn tài nguyên du lịch quan trọng. Là nguồn lực để phát triển và mở rộng hoạt động du lịch. Các di sản văn hoá thế giới và di tích lịch sử, văn hoá gắn liền với môi trường xung quanh... bảo đảm sự sinh động của quá khứ đã nhào nặn nên chúng và bảo đảm cho khung cảnh cuộc sống đa dạng của xã hội.

Qua các thời đại, những di sản văn hoá thế giới và di tích lịch sử văn hoá đã chứng minh cho những sáng tạo to lớn về văn hoá, tôn giáo và xã hội loài người. Việc bảo vệ, khôi phục và tôn tạo những vết tích hoạt động của loài người trong các thời kỳ lịch sử, những thành tựu văn hoá, nghệ thuật.. không chỉ là nhiệm vụ lớn của nhân loại trong thời kỳ hiện đại, mà còn có giá trị rất lớn với mục đích du lịch.

#### **- Di sản văn hoá thế giới:**

Di sản văn hoá được coi là kết tinh của những sáng tạo văn hoá của một dân tộc. Việc một di sản quốc gia được công nhận, tôn vinh là di sản thế giới mang lại nhiều ý nghĩa. Tầm vóc giá trị của di sản được nâng cao, đặt nó trong mối quan hệ có tính chất toàn cầu; trở thành tài sản vô giá, có sức hấp dẫn với khách du lịch, nhất là khách du lịch quốc tế. Hiện nay, Việt Nam có 3 di sản văn hoá vật thể được UNESCO công nhận di sản văn hoá

thế giới: Cố đô Huế công nhận ngày 14/12/1993, Thánh địa Mỹ Sơn và Phố cổ Hội An được công nhận ngày 14/12/1999.

Đối với các di sản văn hoá thế giới có 6 tiêu chuẩn:

1. Là tác phẩm nghệ thuật độc nhất vô nhị, tác phẩm hàng đầu của tài năng con người.

2. Có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật cấu tạo không gian trong một thời kỳ nhất định, trong một khung cảnh nhất định.

3. Chứng cứ xác thực cho một nền văn minh đã biến mất.

4. Cung cấp một ví dụ hùng hồn cho một thể loại xây dựng hoặc kiến trúc phản ánh một giai đoạn lịch sử có ý nghĩa.

5. Cung cấp một ví dụ hùng hồn về một dạng nhà ở truyền thống nói lên được một nền văn hoá đang có nguy cơ bị huỷ hoại trước những biến động không cưỡng lại được.

6. Có mối quan hệ trực tiếp với những sự kiện, tín ngưỡng đáp ứng được những tiêu chuẩn xác thực về ý tưởng sáng tạo, về vật liệu, về cách tạo lập cũng như về vị trí.

#### **- Di tích lịch sử văn hoá:**

Di tích lịch sử văn hoá là tài sản văn hoá quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá nghệ thuật của mỗi quốc gia. Di tích lịch sử văn hoá có khả năng rất lớn, góp phần vào việc phát triển trí tuệ, tài năng của con người, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi đất nước.

Theo PTS Nguyễn Minh Tuệ cùng các tác giả trong cuốn Địa lý du lịch: “ Di tích lịch sử văn hoá là những không gian vật chất cụ thể, khách quan trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử để lại.”

Di tích lịch sử văn hóa chứa đựng nhiều nội dung lịch sử khác nhau. Mỗi di tích có nội dung, giá trị văn hoá, lượng thông tin riêng biệt khác nhau. Cần phải phân biệt các loại di tích khác nhau để xác định tên gọi đúng với nội dung của nó và khai thác, sử dụng và bảo vệ di tích một cách có hiệu quả.

Di tích lịch sử văn hoá ở mỗi dân tộc, mỗi quốc gia được phân chia thành:

+ **Di tích văn hoá khảo cổ:** Là những địa điểm ẩn giấu một bộ phận giá trị văn hoá, thuộc về thời kỳ lịch sử xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại. Đa số các di tích văn hoá khảo cổ nằm sâu trong lòng đất, cũng có trường hợp tồn tại trên mặt đất. Di tích văn hoá khảo cổ còn được gọi là di chỉ khảo cổ, nó được phân chia thành di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng.

+ **Di tích lịch sử:** Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều có những đặc điểm lịch sử riêng, được ghi dấu lại ở những di tích lịch sử. Sự ghi dấu ấy có khác nhau về số lượng, sự phân bố và nội dung giá trị. Di tích lịch sử thường bao gồm: Di tích ghi dấu về dân tộc học, ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng tiêu biểu, ghi dấu chiến công chống xâm lược, ghi dấu những kỷ niệm, ghi dấu sự vinh quang trong lao động, ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến.

+ **Di tích văn hoá nghệ thuật:** Là các di tích gắn với những công trình kiến trúc có giá trị, những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà chứa đựng cả giá trị văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần.

+ **Các danh lam thắng cảnh:** Là những khu vực thiên nhiên có cảnh đẹp, hoặc có công trình xây dựng cổ nổi tiếng. Danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên bao la, hùng vĩ, thoáng đãng mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay, khối óc của con người tạo dựng nên. Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử văn hóa và vì vậy nó có giá trị quan trọng đối với hoạt động du lịch.

### 1.3.3.2: Các lễ hội.

- Quan niệm:

Theo PTS Nguyễn Minh Tuệ cùng các tác giả trong cuốn Địa lý du lịch: “ Lễ hội là loại hình văn hoá tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc hoặc là một dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống hoặc là để giải quyết những nỗi lo âu, những khao khát, ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.”

Theo PGS.TS Trần Đức Thanh trong Bài giảng địa lý du lịch: “ Lễ hội là bộ sách bách khoa đồ sộ, là một bảo tàng sống văn hoá tinh thần của người Việt. Nó đã và sẽ tác động mạnh mẽ, sâu sắc vào tâm linh, vào việc khuôn đúc tâm hồn và tính cách Việt Nam xưa nay và mai sau.”

- Đặc điểm:

+ Tính thời gian của lễ hội: các lễ hội không phải diễn ra quanh năm mà chỉ tập trung trong thời gian ngắn. Các lễ hội thường diễn ra vào mùa xuân và mùa thu nhưng nhiều nhất vào mùa xuân. Mỗi địa phương tổ chức lễ hội theo phong thái riêng mang tính độc đáo hấp dẫn khách du lịch. Du khách tham gia vào lễ hội ở địa phương nào thì sẽ thấy được đời sống tinh thần của người dân nơi đó.

+ Quy mô của lễ hội: Các lễ hội có quy mô lớn, nhỏ khác nhau. Có lễ hội diễn ra trên địa bàn rộng và có lễ hội chỉ bó gọn trong một địa phương nhỏ hẹp. Điều này rõ ràng ảnh hưởng đến hoạt động du lịch và nhất là khả năng thu hút du khách.

+ Địa điểm tổ chức lễ hội: Thường được tổ chức tại những di tích lịch sử văn hoá. Điều đó cho phép khai thác tốt hơn cả di tích lẫn lễ hội vào mục đích du lịch. Di tích và lễ hội là hai loại hình hoạt động văn hoá song đôi và đan xen ở nước ta. Lễ hội gắn với di tích và không tách rời di tích. Nếu như di tích là dấu hiệu truyền thống được đọng lại, kết tinh lại ở dạng cứng thì lễ hội là cái hồn nó truyền tải truyền thống đến cuộc đời ở dạng mềm.

- Nội dung của lễ hội: gồm 2 phần Lễ và Hội

+ Phần Lễ: Theo Từ điển Tiếng Việt “ Lễ” là những nghi thức tiên hành nhằm đánh dấu hoặc kỷ niệm một sự việc, sự kiện có ý nghĩa nào đó. Như vậy, lễ là cách ứng xử của con người trước tự nhiên rộng lớn bí ẩn. Các

nghi thức, nghi lễ của lễ toát lên sự cầu mong phù hộ, độ trì của thần phật linh thiêng cứu giúp con người tìm ra được lối thoát. Lễ ở Việt Nam chủ yếu tập trung trong các nghi thức, nghi lễ liên quan đến sự cầu mùa, người an vật linh. Có thể nói, “lễ là phần đạo tâm linh của cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và đảm bảo nề nếp, trật tự cho hội được hoàn thiện hơn.”

+ Phần Hội: Diễn ra những hoạt động biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng, văn hoá dân tộc, chứa đựng những quan niệm của dân tộc đó với thực tế lịch sử, xã hội và thiên nhiên. Phần hội gồm các trò chơi giải trí hết sức phong phú.

Xét về nguồn gốc các trò chơi này đều xuất phát từ những ước vọng thiêng liêng của cư dân nông nghiệp. Bao gồm các trò chơi thể hiện ước vọng cầu mưa như các trò chơi tạo ra tiếng nổ mô phỏng tiếng sấm trong hội mùa xuân để nhắc trời làm mưa (thi đốt pháo, ném pháo, đánh pháo đất).

Xuất phát từ ước vọng cầu an là trò chơi: thi thả diều vào các hội mùa hè mong gió lên, nắng lên để nước lụt mau rút.

Xuất phát từ ước vọng phồn thực là các trò chơi: cướp cầu thả lỗ, đánh đáo ném còn, nhún đu, bắt trạch trong chum,..

Xuất phát từ ước vọng rèn luyện sự nhanh nhẹn, tháo vát là các trò: thi thổi cơm, thi luộc gà, thi dọn cỗ, thi bắt lợn, thi dệt vải,..

Như vậy, lễ hội là sự tổng hợp uyển chuyển của cái linh thiêng (lễ) và cái trần thế (hội). Lễ hội là một sinh hoạt văn hoá lâu đời của các dân tộc trên thế giới trong đó có Việt Nam. Lễ hội có sức hấp dẫn lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội, đã trở thành nhu cầu, một khát vọng của nhân dân trong nhiều thế kỷ.

### **1.3.3.3: Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học.**

Mỗi một dân tộc có những điều kiện sinh sống, những đặc điểm văn hoá, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang những sắc thái riêng của mình và có địa bàn cư trú nhất định. Những đặc thù của từng dân tộc có sức hấp dẫn riêng đối với khách du lịch.

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa với du lịch là các tập tục lạ về cư trú, về tổ chức xã hội, về thói quen ăn uống sinh hoạt, về



kiến trúc cổ, các nét truyền thống trong quy hoạch cư trú và xây dựng, trang phục dân tộc... Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều thể hiện những sắc thái riêng biệt của mình để thu hút khách du lịch.

Việt Nam có 54 dân tộc còn giữ gìn nguyên vẹn những phong tục tập quán, hoạt động văn hoá nghệ thuật đặc sắc, nhiều kỹ năng độc đáo. Ở Việt Nam có hàng trăm làng nghề truyền thống với những sản phẩm mang tính nghệ thuật cao, đặc biệt nghề chạm khắc, đúc đồng, dệt tơ lụa, sơn mài,.. các món ăn dân tộc độc đáo với nghệ thuật chế biến, nấu nướng cao.

#### **1.3.3.4: Các đối tượng văn hoá, thể thao và hoạt động nhân thức khác.**

Các đối tượng văn hoá cũng thu hút khách du lịch với mục đích tham quan, nghiên cứu. Đó là các trung tâm của các viện khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn và nổi tiếng, các thành phố có triển lãm nghệ thuật, các trung tâm thường xuyên tổ chức liên hoan âm nhạc, sân khấu điện ảnh, các cuộc thi đấu thể thao quốc tế, biểu diễn balê, các cuộc thi hoa hậu, thi giọng hát hay,...

Các đối tượng văn hoá thường tập trung ở các thành phố lớn và các thủ đô. Các đối tượng văn hoá- thể thao thu hút không chỉ khách du lịch với mục đích tham quan, nghiên cứu, mà còn thu hút khách đi du lịch với mục đích khác, ở các lĩnh vực khác. Tất cả các khách du lịch có trình độ văn hoá trung bình trở lên đều có thể thưởng thức các giá trị văn hoá của đất nước mà họ đến thăm. Do vậy, tất cả các thành phố có các đối tượng văn hoá hoặc tổ chức những hoạt động văn hoá- thể thao đều được nhiều khách tới thăm và đều trở thành những trung tâm du lịch văn hoá.

### **1.4. Mối quan hệ giữa du lịch và tài nguyên du lịch.**

#### ***1.4.1: Vai trò của tài nguyên du lịch với sự phát triển du lịch.***

Trong giai đoạn hiện nay, du lịch là nhu cầu rất quan trọng trong đời sống văn hoá xã hội của con người, Du lịch được xã hội hoá và trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam.

Theo Luật du lịch Việt Nam ( năm 2005): “ Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.”

Du lịch là một trong những ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến việc hình thành, chuyên môn hoá các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động dịch vụ. Tổ chức lãnh thổ du lịch hợp lý sẽ góp phần tạo nên hiệu quả cao trong việc khai thác các tài nguyên du lịch nói riêng cũng như trong mọi hoạt động du lịch nói chung.

Ví dụ: Ở Việt Nam có con đường di sản thế giới ở miền Trung bao gồm: Động Phong Nha (Quảng Bình)- cố đô Huế (Huế)- phố cổ Hội An (Đà Nẵng). Đây là những điểm du lịch thu hút đông khách tới tham quan không chỉ trong nước mà cả khách quốc tế.

Tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên, các đối tượng văn hoá lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng phục vụ trực tiếp vào mục đích du lịch. Loại tài nguyên nào thì sẽ quyết định loại hình du lịch ấy, như tài nguyên tự nhiên cho phép phát triển loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, nghiên cứu, thể thao, chữa bệnh... Tài nguyên nhân văn phát triển loại hình du lịch văn hoá, nghiên cứu học tập, tôn giáo tín ngưỡng. Đây là những tài nguyên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển du lịch của một địa phương, một vùng, một quốc gia.

Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản hình thành sản phẩm du lịch. Sản phẩm du lịch được tạo nên bởi nhiều yếu tố xong trước hết phải kể đến tài nguyên du lịch. Sự phong phú đa dạng, đặc sắc của tài nguyên du lịch đã tạo nên sự đa dạng phong phú của sản phẩm du lịch. Số lượng và chất lượng của tài nguyên là yếu tố cơ bản tạo nên chất lượng của sản phẩm du lịch, quy mô và hiệu quả của hoạt động du lịch.

Du lịch phát triển là nơi có tài nguyên du lịch đa dạng, đặc sắc và có sự khác biệt so với các nơi khác. Ví dụ: Tỉnh Quảng Ninh hàng năm thu hút

rất nhiều khách du lịch tới thăm đặc biệt là khách du lịch quốc tế do có Vịnh Hạ Long là Di sản thiên nhiên thế giới.

Tác động tổng hợp của tài nguyên thiên nhiên (khí hậu, địa hình, động vật, nguồn nước) tạo ra những loại hình du lịch: du lịch nghỉ biển, du lịch núi, du lịch đồng bằng. Sự đa dạng của các loại địa hình sẽ đáp ứng được mọi nhu cầu của khách du lịch.

Trong giai đoạn hiện nay, khi quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ. các khu công nghiệp mọc lên nhiều. Con người không thích nơi ồn ào náo nhiệt mà có nhu cầu tới những nơi có không khí trong lành (vùng đồi, vùng biển, vùng nông thôn) nên hướng di chuyển của dòng khách cũng có sự thay đổi. Thích đến nơi có cảnh quan thiên nhiên hoang sơ gần gũi với tự nhiên hơn. Chính vì vậy, tài nguyên có ảnh hưởng lớn đến du lịch.

Như vậy, tài nguyên có vai trò rất lớn đối với sự phát triển du lịch. Nó là cơ sở cho việc hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch. Do đó cần có biện pháp khai thác tài nguyên du lịch có hiệu quả và khoa học phục vụ cho du lịch. Nhưng cũng không quên công tác bảo vệ tài nguyên để khai thác lâu dài.

#### ***1.4.2: Ảnh hưởng của sự phát triển du lịch tới tài nguyên môi trường.***

Du lịch phát triển thì các tài nguyên sẽ được khai thác để phục vụ nhu cầu của con người. Du lịch phát triển có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực tới tài nguyên.

##### **Tác động tích cực:**

Khi đi du lịch con người có cơ hội tìm hiểu, thưởng ngoạn những vẻ đẹp độc đáo, hùng vĩ và nên thơ của cảnh quan tự nhiên ở mọi vùng đất nước. Điều này giúp con người hiểu biết sâu sắc hơn về thiên nhiên, giá trị của nó đối với đời sống con người. Thông qua các chuyến đi đó giáo dục ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên của con người.

Những chuyến du lịch tham quan tại các di tích lịch sử văn hoá giúp cho con người hiểu biết về cội nguồn, về tài sản quý giá mà thế hệ trước để lại. Qua chuyến đi giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào về truyền thống

văn hoá của dân tộc, mở mang sự hiểu biết về kiến thức chung, góp phần khôi phục và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc.

Để thu hút nhiều khách du lịch thì nhiều điểm có tài nguyên du lịch tăng cường công việc sửa chữa, tu bổ và bảo vệ môi trường như giành những khoảng đất có môi trường ít bị xâm phạm xây dựng công viên bao quanh thành phố làm khu vui chơi giải trí cho người dân địa phương và du khách, có những biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

Du lịch phát triển mang lại một nguồn thu lớn cho địa phương, quốc gia. Một phần lợi nhuận có được từ du lịch sẽ quay trở lại để xây dựng, tu bổ và bảo vệ các tài nguyên du lịch để tạo ra sự hấp dẫn với khách du lịch.

Du lịch phát triển góp phần bảo vệ tôn tạo giá trị văn hoá đặc sắc của cộng đồng dân cư địa phương. Ví dụ: Khách du lịch tới Bản Lác- Mai Châu ( Hoà Bình) ngoài việc nhìn ngắm cảnh tự nhiên nơi đây. Họ còn có nhu cầu mua những sản phẩm bằng thổ cẩm do chính bàn tay các cô gái Thái dệt như: Túi sách, quần áo, khăn.

Đồng thời du lịch phát triển làm cho người dân địa phương thấy được giá trị của các tài nguyên và lợi nhuận mà du lịch mang lại cho họ. Vì thế, họ sẽ có ý thức bảo vệ tài nguyên.

### **Tác động tiêu cực:**

Du lịch phát triển thì việc xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ hoạt động du lịch là một điều tất yếu. Việc xây dựng tại nơi có tài nguyên tự nhiên đã phá vỡ sự hoang sơ vốn có của tự nhiên.

Vào mùa vụ du lịch số lượng khách đông kèm theo là lượng rác thải nhiều không kịp xử lý đã thải luôn vào tự nhiên, làm mất cảnh quan thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước.

Theo thống kê du lịch là ngành sử dụng và tiêu thụ nhiều nước, thậm chí nhu cầu sử dụng và tiêu thụ nước còn nhiều hơn cả nhu cầu địa phương. Trung bình mỗi ngày lượng nước mà khách du lịch sử dụng thường gấp 2 đến 3 lần nhu cầu của người dân. Điều này có nghĩa: lượng nước thải từ hoạt động du lịch cũng lớn gấp 2 đến 3 lần so với lượng nước thải của người dân địa phương.

Du lịch phát triển làm suy thoái tài nguyên du lịch do có sự tập trung quá nhiều người và thường xuyên tại các điểm du lịch làm cho thiên nhiên không kịp phục hồi. Sự có mặt của những đoàn người đã uy hiếp tới đời sống một số loài động vật hoang dã, có nguy cơ tuyệt chủng. Ngày nay, đến Vườn Quốc gia Cúc Phương du khách khó có thể nhìn thấy các loài thú đặc trưng như vượn và khỉ. Phát triển du lịch làm cho nhiều phong cảnh thiên nhiên mất dần vẻ hoang sơ của nó do hành động thiếu ý thức của con người như bẻ nhũ đá tại các hang động, xả rác thải, kẻ viết vẽ lên cây.

Mặt khác, sự di chuyển của các phương tiện vận chuyển du lịch không những thải vào không khí một số lượng lớn khói bụi mà còn gây tiếng ồn phá vỡ bầu không khí trong lành và yên tĩnh của tự nhiên.

Như vậy, du lịch phát triển làm cho con người mở rộng sự hiểu biết về thế giới xung quanh. Đồng thời, qua du lịch các giá trị văn hoá cũng được bảo tồn để phục vụ hoạt động du lịch. Đó là những tác động tích cực của du lịch phát triển. Bên cạnh đó, du lịch phát triển cũng gây ra những tác động xấu như: phá vỡ sự hoang sơ yên tĩnh của tự nhiên, lượng rác thải nhiều, ô nhiễm bầu không khí và môi trường nơi đến. Đây là những yêu cầu đặt ra với ngành du lịch và cần có biện pháp để khắc phục, có thể phát triển du lịch bền vững.

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 1:**

Tóm lại, để biết về tài nguyên của một địa phương hay một quốc gia cần phải có sự hiểu biết cơ bản về các loại tài nguyên. Ở chương này đã nêu ra những khái niệm cơ bản, đặc điểm, phân loại của tài nguyên du lịch bao gồm cả tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn. Các tài nguyên này có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển du lịch. Nó là cơ sở cho việc hình thành các sản phẩm du lịch để phục vụ nhu cầu của du khách. Do đó, du lịch và tài nguyên du lịch có mối quan hệ hai chiều.

Trên đây là những cơ sở lý luận cần thiết phục vụ cho việc định hướng, nghiên cứu và phát triển đề tài: “Tìm hiểu tài nguyên du lịch ở Làng chài Cửa Vạn. Hiện trạng và giải pháp khai thác phát triển du lịch”. Qua nghiên cứu chương 1, sinh viên muốn tìm một hướng nghiên cứu mới về đối

tượng nghiên cứu của đề tài, khi xem xét Làng chài Cửa Vạn dưới góc độ là một nguồn tài nguyên nhân văn. Qua đó, giúp người đọc có một cái nhìn tổng thể và mới mẻ hơn khi tìm hiểu về nguồn tài nguyên du lịch nhân văn hết sức độc đáo và sẵn có này.

## CHƯƠNG II: HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở LÀNG CHÀI CỬA VẠN

### 2.1: Khái quát về làng chài Cửa Vạn.

#### 2.1.1: Lịch sử phát triển của làng chài Cửa Vạn.

##### 2.1.1.1: Làng chài Cửa Vạn xưa.

*Về nguồn gốc tên* gọi làng chài Cửa Vạn, có hai cách giải thích:

- *Cách giải thích thứ nhất*: tên làng chài Cửa Vạn được bắt nguồn từ sự cư trú, sinh sống của ngư dân vạn chài trong một vũng vịnh kín gió, gần một cửa biển có tên Cửa Vạn, vì vậy làng chài có tên là Cửa Vạn.

- *Cách giải thích thứ hai*: tên làng chài Cửa Vạn là từ ghép của 2 từ Cửa và Vạn.

+ Cửa: là lối thông ngoài cửa biển, chỗ tàu thuyền thường ra vào

+ Vạn: là làng của những người làm nghề đánh cá trên mặt sông, mặt biển.

Làng chài Cửa Vạn có từ bao giờ thì không ai biết chính xác, dân làng chỉ nhớ được rằng: tổ tiên của họ ít nhất từ 7, 8 đời nay đã sinh sống ở làng chài nhỏ bé này. Theo những ý kiến của các nhà khoa học mà Ban Quản lý vịnh Hạ Long đã sưu tầm được, có ý kiến cho rằng: họ là di duệ của những tổ tiên thu lượm hải sản và làm nghề chài lưới xuất hiện ở đây từ thời đồ đá mới thuộc nền văn hoá Hạ Long cách ngày nay từ 2500 đến 5000 năm. Nhà sử học Trần Quốc Vượng thì lại cho rằng: họ là hậu duệ của những tổ tiên người Đán- Man, con cháu của những người bà con anh em Mạc Đăng Dung. Cư dân bản địa của Cửa Vạn chủ yếu là ở hai làng chài cổ xưa sinh sống ven khu Cửa Lục là Giang Vững và Trúc Vững.

Về cơ cấu tổ chức của hai làng này, trước hết là Giang Vững hồi đầu thế kỷ XIX vẫn còn là phường thuỷ cơ Giang Vững thuộc tổng An Khoái, huyện Hoàn Bồ, phủ Hải Đông, trấn An Quảng. Chưa rõ từ bao giờ, từ phường chuyển thành vạn, rồi thành làng chài và thành một xã. Đến đầu thập kỷ 40 của thế kỷ này thuộc tổng Cẩm Phả, châu Cẩm Phả, tỉnh Quảng Yên.

Còn Làng Trúc Võng vào đầu thế kỷ XIX vẫn còn là phường thủy cơ thuộc tổng Vạn Yên, huyện Hoàn Bô, và cũng chưa rõ được chuyển thành vạn và làng rồi xã từ bao giờ. Vào đầu thập kỷ 40, đã có xã Trúc Võng thuộc tổng Vạn Yên, huyện Hoàn Bô.

Sau cách mạng tháng 8, làng Giang Võng đổi tên thành xã Độc Lập, còn Trúc Võng đổi là Thành Công. Từ giữa năm 1946, giặc Pháp quay lại chiếm đóng Hòn Gai, Bãi Cháy và tiếp đó là cuộc kháng chiến chống Pháp quyết liệt, dân chài hai xã Giang Võng và Trúc Võng phiêu dạt, tan tác. Năm 1948, chính quyền ta củng cố lại tổ chức các xã. Xã Giang Võng cùng với hai xã Xích Thổ, Đá Trắng hợp nhất thành xã Cộng Hoà, thuộc huyện Hoàn Bô. Thực chất, dân làng Giang Võng lúc này chỉ còn một ít thuyền đậu ở bến Bang và bến Gạo Rang, còn phần lớn đã di chuyển ra tuyến đảo ngoài. Xã Trúc Võng cũng vậy. Cũng năm 1948, huyện Cẩm Phả được thành lập. Phần lớn dân chài từ Hòn Gai, Yên Hưng tản cư ra được tổ chức lại theo các xã mới hình thành, có xã thuộc huyện Cẩm Phả, có xã lại thuộc thị xã Cẩm Phả.

Sau ngày vùng mỏ được giải phóng ( 25-4-1955), một số dân chài trụ lại vùng đảo Bái Tử Long, còn phần lớn trở về vùng vịnh Hạ Long. Những năm 1956-1960, trong cao trào hợp tác hoá, các hộ dân chài sống lênh đênh được tổ chức định cư trên đất liền và vào các hợp tác xã nghề cá, đồng thời trở thành cư dân của các xã Thành Công (Hoàn Bô), Hùng Thắng (Hòn Gai). Năm 1958, xã Thành Công nhập vào thị xã Hòn Gai; năm 1994, xã Thành Công giải thể, dân cư nhập vào phường Cao Xanh. Xã Hùng Thắng dân cư rất phân tán, năm 1963 được chia làm hai. Thôn Quảng Đông chủ yếu ở tuyến đảo ngoài thành xã Tân Hải. Năm 1966, xã Tân Hải của Hòn Gai và xã Thắng Lợi của thị xã Cẩm Phả đều ở tuyến đảo ngoài được cắt về huyện Cẩm Phả. Năm 1981, xã Tân Hải giải thể nhập vào xã Ngọc Vũng ( huyện Cẩm Phả). Năm 1963, xã Hùng Thắng có các thôn: Cửa Vạn, Cặp Dè, Cặp La ở giữa Vịnh Hạ Long và các thôn cũng lênh đênh trên thuyền nhưng ở sát bờ là các thôn Lán Bè, Bến Than, Cọc Năm. Nhưng sau đó, các hộ sống lênh đênh đều được vận động định cư trên đất liền thuộc địa phận phía Tây thị xã, gần Bãi Cháy và trông ra đảo Tuần Châu.



Như vậy, dân chài xã Hùng Thắng có thể coi như một phần dân gốc của hai xã Giang Võng và Trúc Võng trước cách mạng tháng Tám. Từ năm 1955 tới nay, tuyệt đại bộ phận cư dân của hai làng này trở thành dân của xã Hùng Thắng và một số đông đã chuyển lên sinh sống trên bờ, trên địa phận xã Tiêu Giao cũ. Một số thuộc xã Thành Công nay đã nhập vào phường Cao Xanh thuộc thành phố Hạ Long. Theo các bô lão đã từng là dân chài của hai làng Giang Võng và Trúc Võng hiện đang sống ở xã Hùng Thắng thì xưa kia hải phận của xã Giang Võng từ ven quả đồi Cái Mắm của xã Tiêu Giao trở về Bang Trới thuộc khu vực Đá Trắng. Còn xã Trúc Võng từ ven quả đồi đó trở về Hòn Gai. Tuy nhiên, do làm nghề chài lưới nên dân hai làng hỗn cư tại các khu vực chính là Ba Hang, Cửa Vạn, Đầu Bê, Cặp Dè và Cặp La trong Vịnh Hạ Long.

Công tác quản lý Nhà Nước đối với các hộ dân cư thủy cư là một vấn đề khó khăn. Vào những năm 60 trong cao trào hợp tác hoá, các làng chài được vận động định cư trên bờ và hoạt động sản xuất trong các hợp tác xã. Mục đích của chủ trương này là nhằm nâng cao đời sống văn hoá cho nhân dân; mặt khác là để nâng cao hiệu quả sản xuất, sản lượng thu mua tập trung. Nhu cầu tiêu dùng và sinh hoạt của họ như gạo, muối, gỗ đóng thuyền và ngư cụ đánh bắt được bán theo giá của Nhà Nước. Ngư dân được sinh hoạt tập thể, thanh niên được tham gia nghĩa vụ quân sự. Đây là thời gian ngư dân chấp hành một cách nghiêm túc quy định của Nhà Nước, song đời sống kinh tế của họ thời kỳ này rất khó khăn. Khi Nhà Nước xoá bỏ bao cấp, hợp tác xã đánh cá bị giải thể, ngư dân không còn ràng buộc gì về các chính sách bao cấp nữa thì họ chuyển thẳng xuống thuyền sinh sống, tiếp tục cuộc sống lênh đênh. Việc đánh bắt cá theo tập đoàn trong thời gian ngắn bị xé lẻ, mỗi người một nơi tùy theo sở thích. Cùng với việc xuống thuyền thì họ cũng lãng quên mối quan hệ với chính quyền xã về mặt quản lý hành chính. Họ sống không khai sinh, chết không khai tử, cưới không cần đăng ký kết hôn.

#### **2.1.1.2: Làng chài Cửa Vạn ngày nay.**

Làng chài thuộc phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long. Đây là một trong 4 làng chài độc đáo trên vịnh Hạ Long, với số lượng dân cư đông nhất

( 3 làng chài còn lại là: Ba Hang, Cống Tàu, Vòng Viêng). Thôn Cửa Vạn có 176 hộ, gồm 733 nhân khẩu, hầu hết đều sống bằng nghề chài lưới. Trong đó có 122 hộ với 582 nhân khẩu là dân gốc của làng Giang Vông và Trúc Vông xưa.

Thành phần dân tộc chủ yếu là người Kinh, có một trường hợp là người Hoa. Cửa Vạn có lực lượng lao động trẻ sung sức. Số người trên độ tuổi lao động thấp so với cơ cấu dân số của làng. Do môi trường sống có những đặc thù riêng: sống dựa vào biển cả, nghề nghiệp chủ yếu là đánh bắt cá nên nhiều khi những đối tượng ở dưới độ tuổi lao động cũng đã là một lực lượng lao động quan trọng giúp gia đình trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là thiếu niên.

Về tổ chức chính quyền : Để có thể quản lý tới từng hộ, tạo cho dân vạn chài cuộc sống ổn định hoà nhập với cư dân trên bờ; cũng như để họ nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà Nước thì giờ đây làng chài đã có một cơ cấu tổ chức riêng. Các nhóm ngư dân thủy cư được tổ chức sống trong các thôn: Ba Hang, Cửa Vạn, Vòng Viêng, Cặp La. Trong thôn lại chia thành các nhóm như tại thôn Cửa Vạn có các tổ: Vạn Gia, Cống Tàu, Bò Nâu. Mỗi tổ tụ cư tạo một khu vực riêng. Về cơ cấu quản lý đứng đầu là 1 thôn trưởng và 1 thôn phó. Trưởng thôn có trách nhiệm theo dõi quản lý các hộ dân trong thôn của mình và hàng tháng phải về uỷ ban xã họp, báo cáo tình hình thôn xóm của mình; cũng như tiếp thu các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà Nước. Do tính chất nghề nghiệp đánh bắt hải sản nên khi trưởng thôn muốn tập họp đầy đủ các hộ dân phải chọn ngày. Ngoài ra, ở thôn có các tổ chức đoàn thể như: Chi Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Cựu chiến binh, Chi Hội Nông dân, Trung đội dân quân biển, Ban công tác Mặt trận Tổ Quốc, Ban bảo vệ dân phố . Tuy nhiên, hoạt động của các tổ chức này chưa có hiệu quả cao. Mỗi thôn đều có quy ước riêng, nhằm quản lý bảo vệ trật tự trị an và đánh bắt nuôi trồng hải sản.

Thôn Cửa Vạn có nhiều dòng tộc nhưng đông nhất là họ Nguyễn, Dương và Phạm. Thôn có một tổng đài điện thoại mini đặt tại nhà trưởng

thôn, qua số điện thoại này bà con có thể liên lạc với đất liền một cách thuận tiện hơn.

Về văn hoá, giáo dục: trước năm 1998, làng chài chưa có lớp học, hầu hết ngư dân đều không biết chữ. Đến nay các làng chài đều có các lớp tiểu học. Số người không biết chữ hiện nay ở Cửa Vạn là 211 người. Theo số liệu của năm học 2004-2005 thì học sinh lớp 1 có 20 em; học sinh lớp 2 có 26 em; học sinh lớp 3 có 25 em, học sinh lớp 4 có 29 em, học sinh lớp 5 có 16 em ( theo số liệu điều tra ngày 18/04/2005), do nhóm giáo dục- đào tạo của Ban quản lý vịnh Hạ Long thực hiện). Bên cạnh đó còn có một lớp xoá mù dành cho người lớn. Cơ sở đào tạo này được dựng trên diện tích 150m<sup>2</sup>, neo đậu dưới chân núi Ngọc, gồm 7 lớp học và 3 phòng nhỏ dành cho giáo viên. Cửa Vạn có 5 giáo viên đều đã tốt nghiệp ngành học sư phạm và tuổi đời còn rất trẻ. Từ khi có lớp học, số người biết đọc biết chữ tăng nhanh. Năm học 2000-2001, Cửa Vạn có 6 lớp học( 1 lớp xoá mù và 5 lớp từ lớp 1 đến lớp 5) với 76 học sinh. Năm học 2003-2004, Cửa Vạn có 6 lớp học với 115 học sinh. Trung bình mỗi năm, ở Cửa Vạn có hơn 100 học sinh đến trường. Tuy nhiên, các cô giáo sinh sống luôn trên biển, điều kiện sinh hoạt và làm việc rất thiếu thốn và gặp nhiều khó khăn. Các em học sinh vẫn phải học theo ca vì điều kiện phòng học chưa đủ. Nhiều học sinh có điều kiện học lên cấp II nhưng chưa có trường học và giáo viên. Các trang thiết bị học tập, giảng dạy như sách giáo khoa, giấy, bút, mực còn thiếu. Các lớp học nổi của làng chài là do Mặt trận tổ quốc tỉnh Quảng Ninh và 1 tổ chức bảo hiểm của Pháp tài trợ xây dựng. Ban Quản lý Vịnh Hạ Long đã hỗ trợ các cô giáo làng chài mỗi tháng 100.000 đồng cho mỗi người.

Có thể nói, mặc dù chỉ cách trung tâm thành phố hơn chục cây số nhưng cuộc sống của ngư dân thuỷ cư vạn chài Hạ Long nói chung và ngư dân làng chài Cửa Vạn nói riêng là tách biệt hẳn với cư dân trên bờ. Cuộc sống của họ thua thiệt cả về kinh tế và văn hoá xã hội.

## **2.2: Tài nguyên du lịch tại làng chài Cửa Vạn.**

### **2.2.1: Tài nguyên tự nhiên.**

### **2.2.1.1. Vị trí địa lý:**

Làng chài Cửa Vạn thuộc phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, nằm ở phía nam vịnh Hạ Long, là một phần của Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long.

Làng chài Cửa Vạn thuộc khu đảo Hang Trai, cách thành phố Hạ Long và Cảng tàu du lịch Bãi Cháy 30 km về phía nam, giáp huyện đảo Cát Bà và thành phố Hải Phòng.

Nằm trong vùng Tùng Sâu, có hình dáng giống như một chiếc túi, làng chài Cửa Vạn được bao bọc xung quanh bởi những dãy núi đá vôi, bên cạnh có nhiều luồng lạch. Đây là một vị trí lý tưởng cho các tàu bè neo đậu tránh gió bão và giao thông thuận lợi an toàn.

Đường đi tới làng chài Cửa Vạn theo hai cách :

- Từ cảng tàu du lịch Cái Dăm hoặc cảng tàu khách Hòn Gai, đi khoảng 30km về phía đông nam là tới làng chài Cửa Vạn.
- Từ bến Bèo, thị trấn Cát Bà thành phố Hải Phòng đi khoảng 20km về phía đông bắc vào lạch Vạn là đến làng chài Cửa Vạn.

### **2.2.1.2 Khí hậu:**

Làng Chài Cửa Vạn nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Thời tiết trong năm biểu hiện bốn mùa rõ rệt. Nhiệt độ trung bình cả năm  $22,8^{\circ}\text{C}$ . Nhiệt độ trung bình mùa hè  $26,4^{\circ}\text{C}$ , nóng nhất có khi đến  $35,7^{\circ}\text{C}$ . Nhiệt độ trung bình mùa đông  $20^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ thấp nhất có khi đến  $4,2^{\circ}\text{C}$ . Lượng mưa bình quân trong năm khoảng 4mm. Thời gian mưa nhiều nhất ( từ 100mm trở lên) là từ tháng 5 đến tháng 10. Từ tháng 3 đến tháng 8 chịu ảnh hưởng của gió mùa đông- nam, mang đặc điểm chung của một miền chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa đông bắc, vừa có nét riêng của nhiệt đới khí hậu chịu ảnh hưởng ít hơn của gió mùa đông nam so với các nơi cùng khí hậu. Mùa đông thường kéo dài tới 4-5 tháng. Mùa hạ ngắn hơn. Giữa hai mùa chính đó có những tháng chuyển tiếp mang hương vị đậm đà của mùa xuân và mùa thu.

Như vậy, với một vị trí địa lý đặc biệt, làng chài Cửa Vạn nằm trong vùng lõi của Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long. Nằm giữa khu vực

núi đá nhấp nhô và xanh mướt trong lòng di sản, từ trên cao nhìn xuống, Cửa Vạn trông tựa như hình mặt trăng tròn ở giữa giếng làng. Có thể đánh giá điều kiện về tài nguyên du lịch tự nhiên của làng chài Cửa Vạn mang đầy đủ các giá trị vẻ đẹp của Vịnh Hạ Long.

### **2.2.2. Tài nguyên nhân văn.**

Do điều kiện sống khác biệt ấy, mà làng chài Cửa Vạn mang trong mình những nét văn hoá riêng biệt, những giá trị văn hoá độc đáo ẩn mình trong khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp ấy.

#### **2.2.2.1. Đời sống xã hội:**

##### **2.2.2.1.1 Cơ cấu tổ chức làng xã:**

Hầu hết các làng chài có ba dạng tổ chức làng xã:

1, Dạng mới là vạn, bao gồm dân chài sống trong các vụng không thành phe giáp, không có bộ máy tự quản. Về bộ máy hành chính, họ phụ thuộc vào cư dân trên bờ. Cả vạn chỉ có một trưởng vạn do lý trưởng trên bờ chọn để gánh vác trách nhiệm về sưu thuế, phu dịch của dân chài cho xã hội trên bờ. Loại tổ chức như vậy thấy rõ ở vùng Cửa Ông, Cái Rồng...

2, Cũng là vạn nhưng đã chuyên thành phường và đã có bộ máy tự quản, song về mặt hành chính, vẫn phụ thuộc vào xã trên bờ. Đó là trường hợp của ngư dân Yên Trì ( Yên Hưng- Quảng Ninh).

3, Dạng sống thành làng đông đúc, đôi khi phân tán, song đã có tổ chức tự quản, có bộ máy hành chính riêng, có hội đồng kỳ mục riêng, tức là đã hình thành đơn vị hành chính cấp xã với hệ thống lý dịch, có con dấu riêng, hoàn toàn tách biệt với cư dân trên bờ. Tiêu biểu cho mô hình này là hai làng Giang Vĩng và Trúc Vĩng ở khu vực vịnh Cửa Lục thuộc vịnh Hạ Long tức làng chài Cửa Vạn ngày nay.

Trong thời phong kiến, về mặt tổ chức, đứng đầu mỗi chòm là một thôn trưởng thường do lý trưởng cất cử từ những người tương đối khá giả, tuổi từ 30 trở nên. Ông ta chịu trách nhiệm thu thuế, điều động phu dịch, quản lý nhân khẩu và các việc hành chính khác cùng việc an ninh trong cụm dân cư của mình. Nhiệm kỳ của thôn trưởng là 3 năm, về cơ bản ông ta

không được hưởng quyền lợi gì. Hết hạn, nếu không vi phạm thì được tăng thêm ngôi thứ cùng với xã đoàn cụ.

Bên cạnh thôn còn có giáp, một thiết chế theo lớp tuổi cũng giống như các làng nông nghiệp. Cả hai làng Giang Võng và Trúc Võng, mỗi làng đều có hai giáp Đông và Nam, mỗi giáp có một trưởng giáp điều hành công việc, chủ yếu là quản lý đình nam, căn cứ vào đó mà cắt cử người làm tế đám. Những người này có nghĩa vụ phải đóng góp lễ vật cho công việc tế thần hàng năm. Nhiệm kỳ của trưởng giáp là 3 năm, nếu được nhân dân tín nhiệm thì ông ta có thể được làm thêm một nhiệm kỳ tiếp theo. Về quyền lợi, trưởng giáp được miễn một lần tế đám nếu ông ta phải đảm nhiệm những lần tế đám sau. Về ngôi thứ, trưởng giáp được ngồi cùng với các cụ mới lên lão.

Cư dân vạn chài không có ruộng đất và sống nay đây mai đó nên giáp ở đây có nhiều khác biệt với giáp ở trong nội đồng. Nó không phải là một đơn vị để phân cấp và quản lý công điền, càng không phải là nơi để người không có con trai gửi hậu. Giáp cũng không phải là đơn vị để thu thuế. Nhiệm vụ này do các thôn trưởng đảm nhiệm. Giáp ở đây chỉ duy nhất làm nhiệm vụ quản lý nhân đình để cắt cử người làm đăng cai hay tế đám, tức là những người phải biện lễ vật trong các dịp tế thần trong năm. Việc này được quy định cụ thể như sau: Cả hai làng Giang Võng và Trúc Võng đều thờ Trần Quốc Tảng (Đức ông Cửa Sót- tức Cửa Ông ), có đình riêng dựng trên bờ. Riêng làng Giang Võng còn có cả miếu. Giang Võng hàng năm có hai lệ sự vào ngày 10-11 ở đình và 14-12 ở miếu. Vào đầu những năm 40. làng quy định phí tổn sự lệ ở đình là 50 đồng, sự lệ ở miếu là 20 đồng. Mỗi năm, mỗi giáp cắt cử người 5 người cai đám để chu biện các lễ vật này. Mỗi người phải nộp 30 cân thịt, 20 cân xôi và 10 chai rượu. Trúc Võng coi tháng 10-11 là đại lệ và 15-2, muộn hơn Giang Võng một này là tiểu lệ. Đại lệ có 6 thủ lợn và 120 cân thịt, 70 cân xôi, 8 chai rượu và 7 hào hoa quả. Tiểu lệ có 4 thủ lợn, 80 cân thịt, 50 cân xôi, 12 chai rượu và 5 hào hoa quả. Giống như làng Giang Võng, mỗi năm mỗi giáp cử 5 người cai đám sửa lễ.

Tại cả hai làng, tất cả các đình nam từ 18 đến 60 tuổi không có phẩm hàm chức tước đều lần lượt phải làm cai đám. Các cụ già kể lại rằng từ

những năm 40 trở về trước, một đời người phải 3 lần làm cai đám. Lần đầu vào tuổi 18, lần thứ hai vào tuổi 25 và lần thứ ba vào tuổi 30. Lần làm cai đám đầu là bắt buộc và ổn định, các lần sau có thể xê dịch sớm hoặc muộn vài năm tùy thuộc vào số trai đình trong giáp và gia cảnh người đến lượt phải làm cai đám năm đó. Nếu trong năm, số người làm cai đám lần đầu, trong một giáp không đủ 5 người đến tuổi 18 thì mặc nhiên những người ở trên tuổi ấy phải quay lại làm cai đám lần thứ hai hoặc thứ ba. Người nghèo không có khả năng biện lễ thì có thể nộp thay bằng tiền. Mức nộp năm 1942 là 5 đồng. Người nào đến tuổi đăng cai mà bỏ đi xa thì làng bắt nhân thân người đó nộp thay. Những người đăng cai chỉ phải biện lễ vật. Nếu năm làng mở hội mà mới các gánh hát thì phải gọi thêm người đăng cai nộp tiền là 5 đồng. Những người nộp tiền trong lễ hội đó được coi là đã làm lễ đám một lần.

Bộ máy quản lý làng chài cũng không có gì khác biệt lắm so với làng nông nghiệp, gồm hai thiết chế kỳ mục và lý dịch. Nhưng có một điều khác nổi bật ở làng chài là số người có phẩm hàm không nhiều; do đó, hội đồng kỳ mục chỉ gồm những người đã làm việc trong hội đồng chức dịch khi từ nhiệm không mắc lỗi và một số người cựu chiến binh đã khao vọng. Hội đồng này cũng trải qua các đợt cải lương hành chính vào các năm 1921, 1927, và 1941 như trong nội đồng. Hội đồng lý dịch cũng gồm các chức danh: lý trưởng, phó lý cùng các tay chân giúp việc như xã đoàn, hộ lại, thủ quỹ, thư ký, nhưng không có chương bạ vì làng hầu như không có ruộng đất để phải chịu thuế.

Tuy nhiên, làng chài lại có nét khác biệt ở việc đăng ký sổ thuyền. Mọi gia đình có thuyền đều có một sổ thuyền do Nhà Đoan cấp. Trong sổ thuyền ghi rõ họ tên chủ thuyền, những người trong gia đình, loại thuyền to hay nhỏ. Mỗi năm phải đổi sổ một lần và có nộp lệ phí. Nếu đăng ký thuyền mới thì phải nộp thuế là 3 đồng. Đổi sổ vào cuối năm dương lịch. Lý trưởng phải có sổ theo dõi thuyền xã mình để khi Sở đoan hỏi đến thì có đủ chứng lý để làm việc.

Nhìn chung, cả hai hội đồng kỳ mục và lý dịch ở hai làng chài không nhiều việc như ở làng nông nghiệp, vì cuộc sống của cư dân làng chài, do môi trường và nghề nghiệp của họ nên việc hành chính không nhiều, nguồn thu cho không lớn. Khác với các làng nông nghiệp, ở các làng chài các tổ chức phường, hội, họ... ít xuất hiện, hoạt động không đậm nét. Nổi nhất chỉ có họ tiền, họ gạo. Về vấn đề bảo vệ an ninh, khác với các làng xã trên bờ, làng chài không có điểm canh phòng. Khi phiên tuần đi tuần phải sử dụng thuyền công của làng hay thuyền tư của các gia đình được cắt cử đưa ra làm việc công. Dưới thời Pháp thuộc, trên loại thuyền này bao giờ cũng có một lá cờ tam tài, một cái trống cùng 4-5 cái mác. Phiên tuần ở các làng chài gọi là giang tuần. Tùy từng làng mà số người này nhiều hay ít. Trước đây, làng Giang Vông thường dùng 4 người, còn Trúc Vông thì dùng 5 người. Đến vụ thuế hoặc vào tháng củ mật, số giang tuần bao giờ cũng tăng lên gấp đôi.

Giống như một số thành viên phục dịch các công việc khác ở trong làng, những người đi giang tuần cũng đều là nam giới từ 18 đến 50 tuổi, không có thứ vị gì trong làng. Mỗi năm, làng phải cắt cử một nửa số người trẻ ( 18 đến 20 tuổi) và một nửa số người già ( 45 đến 50 tuổi) làm công việc giang tuần. Ngay từ đầu tháng giêng, lý trưởng phải thông báo danh sách giang tuần viên ở đình và phải gửi cho quan trên hoặc lưu tại xã một bản để mọi người cùng biết và thực hiện. Nhiệm kỳ của giang tuần là một năm. Chỉ huy đội giang tuần là xã đoàn. Ông này cũng nằm trong bộ máy hành chính của xã. Nhiệm kỳ của ông ta là 3 năm. Mỗi buổi tối, xã đoàn nổi hiệu lệnh gọi giang tuần đi tuần phòng trong giang phận của làng. Người nào bỏ công việc không có lý do thì bị phạt một hào. Ai bận có thể nhờ anh em đi thay. Giang tuần cũng có thể nhờ người khác đi thay trong cả nhiệm kỳ hoặc nộp tiền vào công quỹ để không phải đi tuần ( Giang Vông 5 đồng, Trúc Vông 10 đồng). Nhiệm vụ của giang tuần là đi tuần phòng, bảo vệ an ninh chung như phiên tuần trên bờ. Tuy nhiên vì làng chài không có đồng điền cũng không có công quỹ nên giang tuần không được hưởng lúa sương túc hay bằng tiền như phiên tuần trên bờ. Họ làm là do nghĩa vụ, do bổn phận và cũng là do thân phận của người nghèo không có ngôi thứ trong làng. Riêng



xã đoàn khi hết nhiệm kỳ, nếu không có gì sai phạm thì được xếp ngôi thứ tương đương với phó lý mua. Trong khi làm nhiệm vụ, nếu giang tuần có công bắt trộm cướp hoặc bị hại sẽ được làng khen thưởng hoặc bồi thường.

Có một số mức khen thưởng hoặc bồi thường như sau:

- Bắt được một tên trộm thì được thưởng 3 đồng, bắt được một kẻ cướp thì được thưởng 5 đồng ( làng Trúc Vĩng ). Con số tương tự ở làng Giang Vĩng là 2-5 đồng và 5-20 đồng.

- Nếu bị thương tật thì cấp tiền thuốc 3 đồng và cho ngôi thứ ở đình.

- Nếu bị chết thì cấp tiền tuất là 10 đồng và các kỳ lý phải đi đưa đám ( làng Trúc Vĩng ). Hình thức và số tiền trong hoàn cảnh tương đương ở Giang Vĩng là 2-5 đồng và 5- 20 đồng.

- Nếu bỏ bê nhiệm vụ để trong làng xảy ra mất trộm thì vừa phải bồi thường vừa bị phạt.

Về ngôi thứ trong đình, giống như ở làng nông nghiệp, cư dân làng chài cũng có một ngôi đình làm nơi tế lễ và sinh hoạt cộng đồng. Sự phân hạng cư dân được thể hiện qua ngôi thứ đình trung ở làng Giang Vĩng như sau: Ban thượng dành cho các chánh phó lý đương chức, các cựu binh đã làm thêm một lễ, xã đoàn đương chức. Ban hạ dành cho các thành viên trong hội đồng kỳ mục, sau là hội đồng tộc biểu, các trưởng giáp, các tuần phiên đã mãn nhiệm, những người đã làm xong 3 lễ, những người mua ngôi thứ. Ngoài hiên là các trai đình của hai giáp, giáp Đông bên trái và giáp Nam bên phải.

#### **2.2.2.1.2.Nơi ngụ cư:**

Cũng như cư dân nông nghiệp ở nội đồng, ở làng chài, gia đình là đơn vị xã hội cơ bản nhỏ nhất. Tuy nhiên, do nghề nghiệp và môi trường của họ là đánh cá trên biển nên gia đình của cư dân vạn chài có nhiều nét khác biệt, Toàn bộ gia đình cả đời sống trên một con thuyền. Thuyền có hai loại:

1) Lãng là thuyền nhỏ có một cột buồm thường dài 17 thước, ngang 4 thước, dùng cho những gia đình dưới 10 người.

2) Thuyền to là loại thuyền có hai cột buồm, nhiều người ở được.

Dù to hay nhỏ, thuyền đều được chia thành hai bên theo chiều dọc:

1) Bên vuôn hay bên guôn- ở bên trái của đằng lái thuyền. Đó chính là phía “bè” của thuyền.

2) Bên nước - ở bên tay phải tính từ đằng lái thuyền.

Nếu theo mặt ngang, mỗi thuyền được chia thành 3 khoang:

1, Khoang lái ở bên vuôn, là nơi tiếp khách phụ nữ, nơi ăn cơm của cả gia đình, nơi ngủ của con cái lớn nhưng chưa xây dựng gia đình. Bên nước là nơi đặt bếp nấu ăn, cả khoang lái còn là nơi phơi phóng, dưới sạp của khoang lái là nơi chứa đựng nước ngọt, củi, lương thực, thực phẩm.

2, Khoang giữa hay khoang ở là khoang quan trọng nhất, giống như gian giữa của một căn nhà của cư dân ở trên bờ. Đây là nơi ngủ của chủ gia đình cùng bố mẹ già và con cái nhỏ. Đây còn là nơi tiếp khách, nơi thờ cúng tổ tiên. Bàn thờ đặt ở một góc vuôn, tiếp giáp với khoang lái. Giữa khoang lái và khoang giữa có một vách ngăn và có một cửa thông nhau. Dưới sạp của khoang giữa là nơi để quần áo, chăn chiếu theo mùa.

3, Khoang mũi là nơi để làm nghề như câu cá, thả lưới, đan lát, sửa chữa đồ dùng gia đình.

Toàn bộ khoang giữa được che mui nửa cố định và chắc chắn. Những khi đẹp trời người ta có thể ngủ ở trên đó. Trên khoang mũi và khoang lái, mui được làm theo kiểu có thể kéo ra từng nấc từ phía khoang giữa. Nếu trời tạnh và râm mát thì mui được đóng lại để tiện cho sinh hoạt và sản xuất. Khi trời nắng hoặc mưa gió thì mui được kéo ra.

Có thể kể một số loại thuyền của ngư dân một số vùng khác như:

- Thuyền của cư dân vùng Yên Hưng- Hòn Gai là loại thuyền 3 vách. Những năm xa xưa không có đinh đóng thuyền, các tấm vách được liên kết bằng lỗ khoan, dùng dây mây và guột để làm mối buộc, lấy sấn thuyền để sảm, dùng các thanh tre để nẹp giữ các đường sảm và nêm chặt các mối buộc. Khi thuyền ở dưới nước, các thứ này ngấm với nước tạo cho các tấm vách và đáy thuyền liên kết chặt chẽ với nhau. Khác với thuyền 3 vách của ngư dân Giang Võng và Trúc Võng; cũng là thuyền 3 vách nhưng có lòng sâu, mũi cao, ở mũi thuyền có “căng” để sổng cá, loại thuyền này còn được gọi là thuyền cá nóc.

- Ngư dân vùng Đầm Hà, Hải Hà, Móng Cái thì lại dùng thuyền 3 vách lườn bé, thành sâu, lái rộng, mũi cao, gọi là thuyền “mũi rắn ráo, lái chèo pheo”; sau lại chuyển thành “thuyền lườn tròn vỏ dưa”, có lợi thế nông mớn nước, độ cạn thấp, chèo lái nhẹ nhàng, ra vào bến dễ dàng nhưng khi có sóng to gió lớn thuyền hay bị bạt.

- Ngư dân vùng Cống Yên, Cô Tô do ngày đêm trực tiếp với sóng gió biển khơi nên dùng loại “thuyền cóc”, đít bằng, có buồm cánh dơi để đánh lưới giã.

- Còn ngư dân miền Trung, miền Nam do tính chất đánh bắt xa bờ, biển lại có nhiều bão táp nên thuyền của họ chủ yếu là loại thuyền gỗ to. Do chức năng chủ yếu là phương tiện đánh bắt, không dùng làm nơi ở nên khoang giữa không rộng như thuyền vạn chài mà nhỏ hơn; mặt khác mũi lại rộng, dài để chứa cá và ngư cụ phục vụ đánh bắt dài ngày.

#### **2.2.2.1.3. Tổ chức gia đình:**

Gia đình của ngư dân chài lưới ở vịnh Hạ Long là một đơn vị kinh tế tự chủ, là khung tổ chức sản xuất gồm hai thế hệ. Do làm nghề đánh cá nên các thành viên từ 7-8 tuổi trở lên đã trở thành một lao động thực thụ. Mỗi khi đi đánh cá người chồng chèo lái, vợ hoặc con từ 10 đến 11 tuổi trở lên chèo đặng mũi. Khi đánh lưới thì người vợ cầm lái còn người chồng thả lưới và chỉ đạo người vợ lái thuyền theo chiều lưới đánh để bắt (đẩy chèo cho thuyền sang phải) hay cạy (kéo chèo vào cho thuyền rẽ trái), con cái phụ giúp bố thả lưới hoặc kéo lưới bắt cá, cũng có thể giúp mẹ chèo thuyền. Thu cá xong, nếu không có thuyền buôn đến mua tại chỗ thì cả hai vợ chồng hoặc vợ cùng con lớn lên bờ bán cá.

Trong gia đình cư dân thuỷ cư, vai trò của người đàn ông rất quan trọng, họ là trụ cột gia đình. Hôm nào họ đi vắng thì hôm đó việc đánh bắt bị dừng lại. Gia đình ngư dân các vùng ven biển khác từ Thanh Hoá, Nghệ An...phổ biến chỉ có chồng ra biển còn vợ ở nhà trên đất liền. Nhưng với ngư dân Hạ Long thì cả hai vợ chồng cùng đi biển- chính vì vậy họ luôn ở trên thuyền, mặc dù có nhà trên bờ, song chỉ đóng cửa để đẩy và họ xuống thuyền sinh sống.

Người phụ nữ ở dưới thuyền không chỉ đảm đương những công việc như chợ búa, com nước, con cái mà họ còn cùng người chồng thả lưới, buông câu, điều khiển thuyền... nên thời gian lao động của họ còn nhiều hơn đàn ông ít nhất từ 3-4 tiếng. Nếu người đàn ông chỉ lao động trong thời gian từ 5-6 tiếng/ ngày khi đánh cá, thì người phụ nữ sau khi giúp chồng đánh cá họ còn bán cá và làm việc gia đình. Trẻ con khi biết bò, cha mẹ chúng thường buộc dây vào chân phòng chúng ngã xuống nước. Từ lúc sinh ra đã lênh đênh trên sông nước nên chúng thích nghi với việc này rất nhanh. Từ 4-5 tuổi đã được học bơi, 7-8 tuổi đã có thể giúp cha mẹ làm công việc gia đình như gỡ lưới, nấu com. Nhìn chung, trong gia đình thủy cư chỉ mới giáo dục cho con cái nghề đi biển, kinh nghiệm sống... còn chưa quan tâm đến giáo dục văn hoá xã hội, càng ít quan tâm đến sức khoẻ mọi người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Bởi ít hiểu biết nên đời nghèo luôn đeo bám họ như nỗi lo thường trực.

Với nghề chài lưới, tuyệt đại đa số các gia đình là gia đình hạt nhân. Mỗi tế bào xã hội đó phải có ít nhất một con thuyền vừa là nhà ở vừa là công cụ sản xuất đồng thời cũng là phương tiện đi lại. Trường hợp gia đình gồm 3 thế hệ, có người già yếu thì phải sắm thêm một con thuyền nữa. Nếu thuyền này không đủ to để làm thuyền ở thì nó được dùng để đi đánh cá hàng ngày, còn thuyền to thì để người già và trẻ con ở. Khi con cái lấy vợ thì phải sắm thuyền và cho ở riêng luôn. Những nhà có lực thì sắm thuyền cho con trai ngay khi vừa đến tuổi trưởng thành. Trường hợp bố mẹ quá nghèo chưa sắm nổi thuyền, cặp vợ chồng mới buộc phải ở chung và buồng lái là khu vực riêng của họ, trừ khi cả gia đình dùng nơi này làm chỗ ăn com. Có trường hợp sau khi cưới một thời gian ngắn, cặp vợ chồng tuy vẫn ở chung nhưng được bố mẹ bố trí cho ăn riêng, tự lo kinh tế để sắm thuyền.

Nhìn chung, những trường hợp con trai sau khi cưới vẫn phải tiếp tục sống cùng bố mẹ là không nhiều. Do diện tích của mỗi con thuyền rất hẹp nên bố mẹ phải gắng lo bằng được con thuyền cho con khi sắp sửa lấy vợ và tạo điều kiện để đôi vợ chồng trẻ có cuộc sống tự lập. Sau đó, lần lượt từng người con lập gia đình và ra ở riêng. Người con trai lấy vợ sau cùng thường

được hưởng thuyề của bố mẹ. Sau khi hoàn tất bổn phận của mình với con cái, nếu còn sức lao động thì bố mẹ vẫn muốn sống riêng, tự mình kiếm sống mà không muốn nhờ vả con cái. Khi về già không thể lao động được nữa, bố mẹ sẽ ở với con cả hoặc chia ra mỗi người sống với một người con. Với cư dân nông nghiệp, khi bố mẹ qua đời, ngoài nhà cửa thường có ruộng đất để lại cho con cái. Trong khi đó, dân chài lưới chỉ lo cho mỗi con được một con thuyề hoặc một hai tấm lưới đánh cá, ngoài ra ít khi còn thứ tài sản giá trị nào khác. Nếu có thì phần nhiều con trưởng hoặc con út được hưởng. Con thứ chỉ được trong trường hợp cha mẹ đang sống với người đó. Khi cha mẹ chết, dù trước đó sống với con nào thì con trưởng vẫn phải chịu trách nhiệm phần lớn chi phí cho tang lễ, phần còn lại sẽ do những người con thứ tính toán với nhau. Nếu bố mẹ chết mà em chưa có vợ có chồng thì người anh cả phải đứng ra lo liệu cho các em thành gia thất.

#### **2.2.2.1.4. Quan hệ gia tộc: dòng họ**

Cũng như trong nội đồng, mặc dù đã bị vỡ ra thành vô vàn mảnh vụn là các gia đình hạt nhân, mặc dù cuộc sống lên đênh nay đây mai đó trên mặt biển, nhưng các gia đình ở các làng chài vẫn giữ vai trò quan trọng đối với các cá nhân. Họ trước hết vẫn là tập hợp của những người có cùng huyết thống. Tuy nhiên khác với trên đất liền, cư dân vịnh chài ít được học hành, không biết chữ nên tuyệt đại bộ phận các dòng họ không có gia phả. Vì vậy, thông thường ông tổ mà họ biết hay nhớ được chỉ đến 5 đời. Dòng họ có trách nhiệm cúng ông tổ đó vào ngày mất của ông. Nếu không nhớ thì ngày giỗ thường được tiến hành vào dịp cuối năm

Nét khác biệt thứ hai của dòng họ cư dân vịnh chài là không có ruộng họ hay ruộng hương hoả cho nên không có quỹ họ thường trực như ở cư dân nông nghiệp. Quỹ chỉ hình thành vào dịp giỗ tổ sau khi cả họ đã bàn bạc nhất trí nên làm giỗ to hay nhỏ để căn cứ vào đó mà bỏ phần phải đóng góp cho từng gia đình. Xong việc nếu còn thừa tiền thì người ta cũng chia trả về cho các gia đình. Vậy là về cơ bản họ của cư dân vịnh chài không có quỹ thường trực, dù là quỹ do các thành viên đóng góp mà có.

Một nét khác biệt nữa của dòng họ ở làng chài là mặc dù họ không còn là đơn vị để tổ chức sản xuất nhưng từng gia đình trong cùng một dòng họ thường đi làm ăn với nhau trong những khu vực nhất định. Điều đó là cần thiết bởi nghề đi biển thường có nhiều rủi ro bất trắc nên các gia đình cần phải liên kết để giúp đỡ nhau khi khó khăn hoạn nạn. Tuy nhiên, tính tự cấp tự túc, tự lo, tự chủ của họ rất cao. Tinh thần cộng đồng huyết thống, ý thức về “ một giọt máu đào, hơn ao nước lã” thể hiện rất rõ nét ở cư dân chài lưới. Nhìn chung, ở hầu hết các vụng biển, nơi có thể đỗ thuyền an toàn và kín đáo, thường tập trung các chủ thuyền, các gia đình có quan hệ cha con, anh em, họ hàng với nhau. Khi chưa đến cơ nước, tức là giờ đi làm, các cụm gia đình có quan hệ huyết thống này cùng nhau neo thuyền trong một khu vực để nghỉ ngơi nấu nướng và bàn chuyện làm ăn. Đến cơ nước, tất cả các gia đình đó đều đến một khu vực nhất định để cùng nhau đánh cá. Do đặc điểm này nên mỗi dòng họ đều có một miếu thờ ông tổ và thờ thần biển, đặt trên núi, gần nơi cư trú. Vào ngày giỗ tổ hoặc các dịp lễ mùa (ngày cuối cùng của các tháng 3,6,9,12), cả họ phải sửa lễ để cầu khấn tại miếu này. Vào các ngày sóc, vọng các gia đình thường đến đây làm lễ. Những người thuộc các dòng họ khác cũng có thể đến đây lễ nhờ. Đây có thể coi là nhà thờ họ giống như nhà thờ họ của cư dân nội đồng. Khi nào cả họ chuyển đến nơi khác để sinh sống thì bát hương trong miếu thờ được đem đến nơi ở mới để lập một miếu mới.

So với cư dân nội đồng thì dân chài còn một nét khác biệt nữa, đó là trong một vại họ ở làng chài thường có những người chuyên về nghề cúng tế, gọi là ông thầy. Ngoài ra, ông ta còn thạo về tử vi, địa lý, có thể làm lễ lên đồng. Dù chạt chội thế nào đi nữa thì thuyền của ông ta cũng phải có một điện thờ. Nhân vật này có vai trò lớn trong đời sống tâm linh của cộng đồng dân chài. Trong một gia đình, mỗi khi có một đứa trẻ ra đời, có con dâu, con rể mới hoặc có người mua được chức vị mới hay khi gặp chuyện rủi ro, ốm đau hoặc sắm được thuyền mới, lưới mới.. đều phải mời đến thầy cúng. Người ta cũng nhờ ông chỉ hướng đi làm ăn vào dịp đầu năm, đầu mùa hoặc

đầu tháng cho một gia đình nào đó, thậm chí cho cả một dòng họ sau khi đã hành lễ.

Ngoài những khác biệt trên, cư dân vịnh chài vẫn mang những nét chung của dòng họ người Việt. Đó là việc nó không còn là một gia đình lớn, một đơn vị sản xuất và sở hữu nữa, mà là những gia đình hạt nhân với bếp ăn riêng, sở hữu riêng. Hơn nữa, cuộc sống lên đênh nay đây mai đó trên mặt nước càng đòi hỏi tính tự chủ, tự cấp, tự túc của từng gia đình. Điều đó cũng góp phần làm tăng ý thức sở hữu gia đình riêng. Còn dòng họ, thực chất là một chi thân thuộc trong vòng dăm thế hệ, chỉ có thể xem như một dạng đặc biệt của gia đình mở rộng mà tác dụng chính đối với các thành viên là sự tương trợ lúc khó khăn hiểm nghèo, còn thì cũng chỉ là để củng cố giữa những con người có chung huyết thống ấy một trường hợp cộng cảm mà thôi.

#### **2.2.2.1.5. Nơi cư trú và quan hệ cư trú:**

Nếu như trong nội đồng, nông dân quần tụ với nhau thành các xóm ngõ tạo ra các quan hệ về địa vực hay quan hệ láng giềng với nhau thì cư dân vịnh chài lại tụ thành các chòm trong các vụng. Đó là những nơi có mực nước nông, kín gió, thường được bao bọc bởi các ngọn núi, dưới chân núi thường có các hang động để thuyền vào trú khi có bão lớn. So với nội đồng, nơi cư trú của dân vịnh chài là hoàn toàn khác biệt.

Trước hết, đó là tính chất không ổn định. Ngoài lý do đi tìm ngư trường mới có nhiều nguồn cá, các chòm này phải di chuyển sang các vụng khác vì lý do tín ngưỡng, chẳng hạn như khu vực cũ bị “động”, bị hà bá quấy nhiễu gây mất mùa cá, dịch bệnh, hoả hoạn... đã cúng giải mà vẫn không được. Điều đó hoàn toàn khác với cư dân trong nội đồng sống ổn định truyền đời, thậm chí nhiều đời, tại một khu vực nhất định và khu vực đó thường xuyên được mở rộng do gia tăng dân số.

Thứ hai, do tính chất cư trú theo dòng họ bởi đặc trưng nghề cá trên biển mà ở mỗi chòm thường gồm những cụm gia đình có quan hệ anh em họ hàng với nhau. Trên thực tế, điều đó thể hiện rất rõ quan hệ huyết thống

trong cư trú. Trong trường hợp này, quan hệ láng giềng mờ nhạt hơn. Ngược lại, trong nội đồng, quan hệ láng giềng lại đậm nét hơn.

Thứ ba, không gian cư trú hay “khuôn viên” của mỗi gia đình vạn chài, nơi họ neo đậu thuyền, chỉ thuộc quyền chiếm dụng tạm thời: hôm nay là gia đình này nhưng mai có thể lại thuộc một gia đình khác nếu họ bỏ đi neo thuyền ở một nơi khác. Trong khi đó trong nội đồng, khuôn viên của mỗi gia đình nông dân bao gồm sân vườn với mốc cõi xác định thuộc quyền sở hữu riêng và có tính chất truyền đời. Do vậy, nếu như trong nội đồng khi hai gia đình sống gần nhau xảy ra những xích mích, bất đồng thì cách xử trí khôn ngoan hơn cả là chụi đựng, nhường nhịn và dàn xếp hoà giải theo châm ngôn “một điều nhịn bằng chín điều lành”. Vạn nhất nếu có phải tuyệt giao với nhau thì họ vẫn phải làm láng giềng với nhau nếu một trong hai gia đình này hay cả hai gia đình không bán nhà cửa, đất đai, vườn tược của ông bà tổ tiên để lại mà dời đi sống ở một nơi khác. Đối với cư dân nông nghiệp, trường hợp này là vô cùng hi hữu. Với dân chài, ngược lại, vấn đề sẽ được giải quyết thật đơn giản. Chỉ trong giây lát, một trong hai gia đình hoặc cả hai có thể dễ dàng chia tay nhau bằng cách dời thuyền đi nơi khác, và nếu muốn, có thể cả đời họ sẽ chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa.

Dù mỗi chòm dân chài, mối quan hệ giữa các gia đình là huyết thống hay láng giềng thì trên thực tế họ lại nương tựa vào nhau rất chặt chẽ. Có thể thấy rất rõ về điều này qua việc đỗ thuyền để nghỉ ngơi, sinh hoạt sau mỗi lần đi đánh cá về. Thông thường, 5-6 gia đình quay tụ bên nhau, có một chiếc thuyền thả neo, còn các thuyền khác chỉ cần buộc dây với chiếc thuyền đó hoặc buộc dây chuyền nhau. Việc neo buộc như vậy vừa để giữ thuyền đứng yên một chỗ, tránh trôi dạt, tránh gió bão vừa thuận tiện cho việc qua lại giữa gia đình này và gia đình khác. Ngoài ra, cách neo thuyền như vậy còn bảo đảm an ninh khi có trộm cướp. Trong trường hợp một gia đình từ nơi khác đến, chưa quen với những người dân ở đó, anh ta phải neo thuyền ở riêng một chỗ cho đến khi làm quen và hoà nhập với cư dân lâu đời ở đó. Khác với xóm ngõ của cư dân nông nghiệp, các chòm cư dân vạn chài không có các công trình công cộng như đình, đền, chùa, miếu thờ thổ công, giếng



nước.. Còn về mặt xã hội, từng chòm đó không được coi là đơn vị để tổ chức bảo vệ an ninh, không có tục đặt hậu xóm. So với dân vạn chài miền trung, miền nam tính chất quần cư của các vạn chài ở đó vẫn mang tính chất gần giống làng nông nghiệp định cư trên đất liền, chỉ khác nghề nghiệp của họ là đánh cá, cho nên về cơ bản nó hoàn toàn khác xa với tính chất thủy cư của vạn chài Hạ Long.

#### **2.2.2.1.6. Quan hệ cộng cư :**

Đặc điểm trong mối quan hệ cộng cư của dân làng vạn chài Hạ Long là cùng quan hệ huyết thống và cùng nghề. Quan hệ huyết thống thể hiện trong cư trú tại các thôn rất đậm đặc, quan hệ láng giềng thì nhạt hơn; trong khi đó với các xóm làng nông nghiệp thì quan hệ láng giềng lại nổi trội hơn quan hệ huyết thống.

Những người trong cùng một gia tộc hay có hành nghề cùng công cụ đánh bắt thường tập trung ở một khu vực, nơi đậu thuyền không cố định. Ngoài lý do tìm ngư trường mới có nhiều nguồn hải sản, các chòm này phải di chuyển sang các vụng khác vì lý do tín ngưỡng. Hay còn phụ thuộc vào con nước, mùa vụ, nơi nào gần nước sâu và gần nơi đánh bắt. Nơi đậu thuyền gần với cư dân trên đất liền, gần chợ để họ có thể dễ dàng trao đổi sản phẩm đánh bắt cũng như mua lương thực, thực phẩm và các ngư cụ đánh bắt. Có thể tìm thấy ngư dân tập trung quanh khu chân núi Bài Thơ rất đông vì gần chợ Hạ Long. Vì vậy, số gia đình trong thôn luôn biến động, nếu nói đến số lượng hộ gia đình trong thôn thì chỉ mang tính tương đối.

Người trong họ có nơi đậu thuyền nhất định. Nếu không cùng gia tộc mà muốn gặp nhau thì họ phải hẹn trước địa điểm tụ họp. Tuy nhiên, do tập trung từ nhiều nơi khác đến, không cùng họ hàng quê hương nên quan hệ láng giềng của ngư dân thủy cư không hoàn toàn giống với người trên bờ. Đối với trên bờ, ngôi nhà là vật bảo đảm mang tính ổn định cao nên họ có thể thường xuyên trông cậy vào sự giúp đỡ của láng giềng, nhưng với gia đình ngư dân do tính chất cư trú, sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên nên việc giúp đỡ nhau giữa các gia đình về vật chất là khó khăn, họ cần sự quan

tâm về mặt tinh thần, tương trợ kinh tế là rất hạn chế họ chỉ mong chờ vào anh em họ hàng vì vậy, quan hệ gia tộc ngày càng thắt chặt hơn.

#### **2.2.2.1.7. Quan hệ nghề nghiệp:**

Mặc dù có cùng quan hệ huyết thống hay cùng ngư cụ đánh bắt và đối tượng đánh bắt nhưng ngư dân thường không tổ chức đánh bắt cùng nhau. Mỗi gia đình thường có đời sống kinh tế và phạm vi đánh bắt riêng. Dân chài hoàn toàn tự do ngoài biển khơi, có khi họ theo đàn cá ra xa vượt khỏi ngư trường quen thuộc. Nếu một khu vực đã có người đánh bắt cá rồi thì thuyền đến sau sẽ tìm khu vực khác cách xa khu vực đó.

Để đánh bắt có hiệu quả đòi hỏi ngư dân phải có kinh nghiệm tìm và đánh bắt cá. Vì vậy, mỗi người có bí kíp nghề nghiệp riêng. Nếu phát hiện nơi nào có nhiều cá thì họ không dễ gì tiết lộ. Khi được hỏi hôm nay đánh bắt được bao nhiêu thì ít ai nói thật mà chỉ nói một nửa hay một phần ba sản lượng thu được, không phải vì khiêm tốn mà họ muốn giữ độc quyền khu vực đánh bắt. Tính độc lập trong kinh tế của mỗi gia đình rất cao nhưng bị thay đổi theo môi trường đánh bắt. Nếu đánh bắt gần bờ thì tính riêng lẻ cao hơn, nhưng nếu xa khơi thì họ lại cần đến sự tương trợ của nhau. Khoảng cách các thuyền đánh bắt không quá xa, thường rủ nhau cùng đi và cùng về phòng trường hợp bất trắc. Mặc dù mỗi gia đình đều có đời sống kinh tế riêng nhưng do điều kiện lên đênh trên biển lên họ luôn trông chờ vào quan hệ tương trợ lẫn nhau.

Về mặt quan hệ sở hữu và giai cấp thì khác biệt rõ nét nhất của các làng chài trên biển so với các làng chài trên sông hoặc các làng chài đánh cá sông biển nhưng đã có làng xóm trên bờ là tuy có hải phận, song cư dân các làng “hỗn canh hỗn cư” trong thế “du canh du cư”. Biểu hiện của nó như đã trình bày trong các chòm vụng, có thể bao gồm nhiều gia đình thuộc những làng xã khác nhau, hai người cùng đậu thuyền ở một chỗ nhưng lại thuộc hai làng khác nhau. Còn ở các ngư trường, mọi người được tự do đánh bắt cá và các loại thủy sản khác theo nguyên tắc “chim trời cá nước, ai được thì ăn” dù ngư trường đó thuộc hải phận làng nào. Tuy nhiên, việc đánh bắt hải sản

bằng các phương tiện di động tại các ngư trường vẫn phải tuân thủ các nguyên tắc lâu đời như sau:

- Nếu đánh lưới theo chiều nước, người đến sau phải thả lưới sau người đến trước, và phải tính được chiều lưới của mình với chiều dài lưới của người đã thả trước để khỏi mắc lưới vào nhau. Thông thường các ngư dân đánh cá trong cùng một ngư trường đều biết rất rõ lưới của nhau nên việc xác định vị trí thả lưới không mấy khó khăn, vì thế ít khi xảy ra sự cố mắc lưới. Trường hợp người đến sau chưa biết độ dài lưới của người đến trước thì cũng có thể đoán được nhờ vị trí cắm cò làm mốc và khoảng cách giữa cò mốc với người đang thả lưới đó.

- Nếu phát hiện được đàn cá đang di chuyển trong ngư trường thì thả lưới đón đường di chuyển đó. Trong trường hợp này người đến sau vẫn phải thả lưới sau người đến trước.

Nói chung trong cả hai trường hợp, quyền và vị trí thả lưới trước là rất quan trọng, là căn cứ để xác định vị trí của người đến sau. Việc tranh chấp của ngư dân chủ yếu xảy ra ở khâu này. Nhìn chung, dù cùng làng hay khác làng, ngư dân đều tôn trọng vị trí và quyền của người thả lưới trước. Vì hầu hết ngư dân hai làng Giang Võng và Trúc Võng đều có quan hệ quen biết nhau nên các hiện tượng tranh chấp ít khi xảy ra. Còn giữa họ với ngư dân các làng chài khác thì cũng theo những quy ước chung đã được tuân thủ từ lâu đời, người nơi khác đến “xâm canh” hải phận một làng lại càng phải tuân thủ những nguyên tắc đó.

Một vấn đề khác trong quan hệ sở hữu của cư dân vịnh chài là quyền chiếm hữu đất đậu thuyền hay bãi cát ven bờ biển. Thông thường, dân chài mỗi khi lên bờ để giao dịch hay mua bán thì phải đậu thuyền ở bãi cát. Để thuyền khỏi đổ, người ta thường cuốc bờ cát thành một cái hố rộng và khơi nước biển vào cái hố đó để thuyền có thể ra vào và đậu cố định tại đó. Cái hố được gọi là cái giằm. Tại những nơi ngư dân có nhiều quan hệ giao dịch mua bán ổn định với dân trên bờ thì có những bên tương đối ổn định với nhiều giằm. Trong trường hợp như vậy, các giằm cũng trở nên tương đối ổn định và thuộc quyền chiếm hữu của những chủ thuyền nhất định. Vì thế, mỗi

chủ thuyền phải có một cái nêu với những dấu hiệu riêng để thông báo về quyền chiếm hữu của mình đối với cái giằm đó để cho người khác để khỏi đổ nhảm vào giằm của mình. Ca dao cổ có câu:

Tiếc công cuốc đất đào giằm  
Thuyền mình không đổ, đổ nhảm thuyền ai.

#### **2.2.2.1.8. Quan hệ với đất liền:**

Người dân chài suốt ngày trên biển, thời gian họ lên đất liền rất ít, chỉ có người phụ nữ thường xuyên lên bờ. Trước kia khi sản phẩm đánh bắt chưa có thuyền trung gian đến mua thì họ ngày nào cũng phải lặn lội lên chợ bán cá. Nếu đánh cá đêm thì đi chợ sáng, đánh cá ngày thì đi chợ chiều. Hiện nay, cá đánh bắt được chủ yếu có các thuyền đến thu mua tận nơi. Chỉ khi nào giá bán rẻ họ mới lên chợ ngồi bán, song thời gian ngồi chợ không nhiều. Mỗi lần ngồi chợ như vậy họ phải cố gắng bán thật nhanh vì họ còn phải đảm nhận việc mua bán lương thực, thực phẩm. Hiện nay việc mua bán thuận tiện hơn nên sức lao động của người phụ nữ giảm nhẹ. Cá đánh bắt được thì bán tại thuyền. Nếu mua thực phẩm nước ngọt, chất đốt thì có người mang đến tận nơi cung cấp. Giá ở đây cao hơn một chút so với các chợ ở trên bờ nhưng họ không phải mất thời gian và nếu có lên chợ thì phải mất thêm vài ngàn tiền đò. Vì vậy, dần dần họ chỉ lên bờ sắm quần áo, ngư cụ, thăm người quen trên phường xã. Trong quan hệ với người trên đất liền, họ thường xuyên đi lại với các gia đình ở ven bờ, trên cơ sở đó họ có thể nhờ vả những lúc như ốm đau, xin nước..

Song nhìn chung, do cuộc sống lênh đênh, không được học hành mà sự giao tiếp xã hội, kiến thức của họ về nhiều mặt rất hạn chế. Xưa kia, quan niệm của cư dân trên bờ với cư dân vạn chài là những người sống vô gia cư, chết không địa táng hay những “ phường nước mặn”. Chính vì mặc cảm đó và sự xa lánh coi thường của cư dân trên bờ đã dần làm mối quan hệ này cách xa nhau. Vì vậy, việc kết hôn với người trên bờ rất hiếm. Nhìn chung tâm lý người dân trên bờ ưa tính ổn định, họ muốn con cái được sung sướng

khi lấy vợ chồng, trong khi đó người dân vạn chài quá nghèo làm gia đình, dòng họ phản đối.

Ngay cả những cô gái chấp nhận lấy chồng là dân vạn chài cũng là một khó khăn vì họ có thể nhìn thấy trước mắt một cuộc sống lênh đênh, nghèo khổ sinh hoạt trong không gian chật hẹp.

Chính từ những điều đó mà cư dân vạn chài ngại lên bờ, họ chỉ lên khi cần thiết và lại trở về với môi trường sống của mình. Điều này làm họ trở nên xa lánh đất liền và biển là nơi cư trú thường xuyên an toàn nhất với họ.

#### **2.2.2.2: Đời sống kinh tế.**

##### **2.2.2.2.1. Nghề đánh bắt hải sản:**

Nghề đánh bắt hải sản là nghề truyền thống và là nguồn sống chủ yếu của ngư dân trên Vịnh. Tính chung trên toàn phường Hùng Thắng, cả trên bờ dưới biển, có 61,67 % số hộ làm nghề đánh bắt hải sản.

- **Phương tiện đánh bắt** : Thuyền và các loại ngư cụ

Con thuyền là nhà đồng thời cũng là phương tiện đi lại, đánh bắt cá. Nó gắn liền với cuộc sống và nghề nghiệp. Xưa phổ biến là thuyền đan bằng tre già, trát bằng vôi vò hà, hắc ín, nhựa cây. Có được thuyền gỗ là một sự thay đổi to lớn vì thuyền nan dễ bục, rất chóng hỏng và không thể đan to.

Thuyền của ngư dân vùng vịnh sử dụng gồm 2 loại chính: Thuyền gỗ (gồm thuyền mũi bằng và lẳng) và cái bơi hay còn gọi là mủng. 2 loại này khác nhau về đặc trưng cấu tạo và mục đích sử dụng.

+ **Thuyền gỗ:**

Là loại thuyền phổ biến hiện nay ở vùng. Loại thuyền này rất tiện lợi cho việc sinh hoạt gia đình. Để làm loại thuyền này trước tiên ngư dân phải đi chọn gỗ kỹ lưỡng, phải chọn gỗ ở phần gốc và phần vỏ bởi phần này gỗ chắc và chịu nước tốt. Không lấy phần lõi do khi ngâm trong nước, gỗ chóng bị mục và hỏng; còn nếu lấy phần trên của cây gỗ thường nhiều mắt nên nước sẽ theo các mắt gỗ mà ngấm vào lòng thuyền. Gỗ được chọn làm thuyền chủ yếu là loại gỗ chịu nước tốt như: táu, sến... Sau khi chọn được gỗ ngư dân đem về thuê thợ ở các xưởng ven bờ để đóng.

+ **Mủng:**

Bên cạnh thuyền gỗ có một loại thuyền nữa được ngư dân sử dụng phổ biến để phục vụ cho việc đánh bắt là mủng (cái bơi). Nguyên liệu gồm: tre, son, nhựa đường, gỗ. Tre sử dụng ở đây phải là tre già, đốt thưa. Khi mua tre về đem chẻ thành từng thanh, chỉ lấy cật tre, mỗi thanh có chiều ngang khoảng 2cm. Sau đó đan thành hình mủng, lấy tre và dây thép để cạp miệng khi đã hoàn thành khung. Người ta dùng nhựa đường nấu lỏng quét để bó khối và phơi nắng cho khô lớp quét. Sau đó, dùng gỗ làm thang thuyền khoảng 4 chiếc và dùng “ khiếu” là những đoạn gỗ được xếp dựng từ đáy mủng, sát mạn thuyền để chống các thang, mỗi thang có 2 khiếu, 4 thang có 8 khiếu. Cuối cùng, người ta mới làm mái chèo, thông thường một chiếc mủng có 2 mái chèo 2 bên. Để hoàn thành 1 chiếc mủng, thời gian khoảng 4 đến 5 ngày. Mủng có thuận lợi là dễ luồn lách khi sử dụng. Ngư dân thường sử dụng loại mủng này để đu câu, thả lưới, chở đồ vào bờ.

#### ***Các loại ngư cụ đánh bắt:***

Phổ biến nhất là lưới. Lưới có nhiều loại khác nhau, mỗi loại có cấu tạo riêng phù hợp với từng loại hải sản. Một số loại lưới phổ biến như: lưới chã, lưới đánh cua ghe, lưới mực, lưới đục, lưới mòi,..

#### **+ Lưới chã:**

Là loại lưới 1 màn, mỗi mắt lưới rộng  $2\text{cm}^2$ , chiều cao của lưới hơn 1cm nên chủ yếu là đánh bắt tầng trên. Trên là phao, dưới là chì. Chì có 3 con còn phao có ít nhất 7,8 cái. Phao được dùng là phao xếp. Ngoài ra, còn có một vòng lưới túi vọt. Mỗi mắt lưới khoảng 1cm, để khi kéo lưới cá sẽ từ lưới chui vào túi lưới đằng sau và không thể thoát ra được.

#### **+ Dây chùng ( chã):**

Là loại ngư cụ có chiều dài khoảng 150cm. Buộc dây chùng vào 2 đầu lưới, lưới được đánh quay tròn. Khi cá đóng thì người ta kéo chã lên qua 3 trục tời 2 bên mạn thuyền. Để kéo được thì phải có 2 người đứng 2 bên trục tời cầm 2 đầu dây chùng và kéo.

#### **+ Lưới mực:**

Là loại lưới dùng để đánh mực lan. Lưới có 3 màn, 2 màn thưa và 1 màn mau. Màn mau ở trong sau đó đến màn thưa. Lưới có chiều cao 1m.

Lưới đánh mực lan đan bằng cước ni lông. Tổng cộng lượng chì có trong 1 vàng lưới là 7-8 kg. 1 lạng chì thì sắt thành 5 viên nhỏ. Phao được làm bằng xốp, có khoảng 30 phao. Khi đánh lưới người ta thả lưới theo chiều thẳng đứng từ mặt nước xuống đáy. Mực thường ở chỗ nước sâu, vì vậy người ta cần đo độ sâu của nước. Người ta dùng dây cước, một đầu buộc chì, một đầu buộc ống tre, khi đó chỉ cần thả đầu có chì xuống.

Bên cạnh ngư cụ lưới thì một loại phương tiện mà mỗi ngư dân dùng phổ biến là Câu. Câu có 2 hình thức: câu tay và câu chằng.

**+ Câu tay:**

Dây câu được làm bằng cước ni lông, dùng 1 ống tre để cuốn dây câu, một đầu buộc vài ống tre, một đầu buộc chì lưới câu. Người ta thả câu xuống nước, khi cá cắn mồi, giật nhanh dây câu lên, cá sẽ mắc vào lưới câu. Mồi câu thường là mồi tôm. Câu tay có thể câu được nhiều loại như: mực, cá chim, cá song,.. Phương tiện này rất dễ sử dụng và không nặng nhọc nên người già và trẻ em đều có thể làm được.

**+ Câu chằng:**

1 vàng câu khoảng 200 sợi dây câu, mỗi sợi dài 1m, 1 đầu buộc lưới câu, 1 đầu gắn vào 1 sợi dây cước làm triêng câu dài khoảng 300m, trên dây có buộc 1 hệ thống phao nhỏ, cách đều nổi trên mặt nước, khoảng từ 8 đến 9 chục mét thì cột thêm 1 phao cỡ lớn. Khi ra đến ngư trường, ngư dân cho thuyền đi chậm lại rồi lần lượt thả từng dây câu đã mắc mồi câu xuống biển. Sau 1 giờ họ trở lại vị trí ban đầu để thu lại dây câu. Trong những ngày trời lặng người ta có thể đánh 2 đến 3 mẻ, đối tượng của nghề cá này là loại cá lớn.

**- Phương thức đánh bắt:**

Với nguồn hải sản cực kỳ phong phú và đa dạng, phân bố ở những môi trường khác nhau, nghề đánh bắt hải sản của dân đảo Hạ Long có rất nhiều phương thức phong phú như:

- + ) Đánh cá trên lộng, ngoài khơi có cách đánh lưới vây, lưới rê
- + ) Đánh tôm cá trên các bãi triều có đặng, đụn, lờ, xiếc, lưới vùi.

- Đăng là lúc thủy triều lên, cá vào gần bờ ăn, chần lưới ở phía ngoài, khi nước cạn, cá mắc lưới.
- Độn là dùng gạch đá lấp thành bờ cao, khi nước thủy triều xuống, tôm cá bị mắc cạn.
- Xiếc là dùng đèn để đi soi, khi tôm “đóng” đèn thì dùng vợt xúc.
- Xăm là dùng chiếc que sắt dài khoảng 0,8m xăm vào các bãi bùn để bắt ngán,..

+) Đánh mực có câu, bóng,..

- **Mùa vụ đánh bắt:** Có 2 mùa vụ chính mùa cá Nam ( mùa cá nổi ) và mùa cá Bắc .

+) **Vụ cá Nam:** ở Hạ Long hay còn gọi là mùa cá nổi bắt đầu từ tháng Tư đến tháng Chín, là thời kỳ có nhiều gió mùa Tây Nam, thỉnh thoảng có gió Đông Nam. Nhiệt độ nước biển trung bình từ 28<sup>0</sup> đến 30<sup>0</sup>, lúc thấp xuống 24<sup>0</sup>C. Động vật phân bố chủ yếu ở vùng ranh giới giữa lòng và khơi, nơi có nồng độ muối thấp hơn 32%. Chúng ít sống vùng cửa vịnh và vùng gần bờ phía Bắc Vịnh. Biến động của sinh vật cao nhất là tháng Sáu. Mùa nóng biển ấm áp và sẵn thức ăn cho cá, cá nổi tập trung thành đàn, đi vào gần bờ kiếm ăn và đẻ.

Mùa cá nổi háo hức làm sao với vạn chài! Đó là mùa làm ăn phóng khoáng, thịnh vượng của họ. Khắp các bên cá ven bờ Hạ Long, vào mùa cá nổi, những đoàn thuyền vào ra tấp nập như thoi đưa. Công việc thả lưới lập tức được triển khai. Những ngọn đèn có sức cháy tương đương với bóng điện 2000- 2400 oát được thắp lên. Đèn treo quanh chiếc thuyền con dụ cá vào văng lưới đã vây sẵn dưới mặt nước. Sóng dập dềnh, đèn lắc lư chao đảo. Giữa ngư trường bao la trong đêm tối mịt mùng, hàng chục ngọn đèn sáng rực, lắc lư như trong ngày hội hoa đăng. Từng đàn cá nổi thấy ánh đèn, lập tức phóng đến. Khi cả đàn cá đã lọt vào trong văng lưới, thì đèn vụt tắt. Đàn cá đang còn quáng mắt, thì thuyền trưởng ra lệnh kéo lưới. Văng lưới cùng một lúc được cất lên cả bốn góc, thít chặt lại và nâng từng cá lên cao. Vào mùa cá nổi, có những mẻ lưới kỷ lục, kéo được những 20 tấn cá.



+) **Vụ cá Bắc:** kéo dài từ tháng Mười đến tháng Ba năm sau. Thời tiết giữa vụ cá Bắc là rét mướt và hanh. Gió mùa Đông Bắc trung bình mỗi tháng từ 3 đến 6 cơn. Nhiệt độ trong những đợt gió mùa từ  $16^0$  đến  $17^0$ , lúc cao là  $23^0\text{C}$ . Nồng độ muối từ 32 đến 34%. Giữa những đợt gió mùa Đông Bắc có khi triển miên kéo dài vài tuần lễ, trời bỗng hửng lên, nắng ấm. Đó là lúc làm ăn nhộn nhịp của vạ chà.

Vào mùa này, cá di cư từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông. Cá nổi đi xuống tầng nước sâu hơn để tìm chỗ ấm. Cá đánh bắt thường là gần đáy và xa bờ. Thuyền khơi, thuyền lộng, thuyền lưới, thuyền câu, thuyền giã đôi từ các bến bãi ủa ra biển cả. Biển vắng lạnh sau những ngày rét mướt, bỗng sáng rực lên, huyên náo với những cánh buồm đỏ, tím, nâu, trắng,...xuôi ngược.

Mùa cá nổi, trong các mẻ lưới đánh bắt, các loài cá chiếm tỷ lệ lớn là cá chỉ vàng, lằm, dớp, trích, nục, mòi. Nhưng loài cá ngon nổi tiếng của Hạ Long là cá song. Cá song là đặc sản của Hạ Long, được khách du lịch trong và ngoài nước ưa chuộng.

#### **2.2.2.2.2. Nghề nuôi trồng thủy sản:**

Ngư dân vùng Vịnh chủ yếu khai thác thủy sản gần bờ, với các phương tiện kỹ thuật như thuyền lớn, kỹ thuật đánh bắt hiện đại. Do truyền thống đánh bắt mà nguồn tài nguyên gần bờ đã cạn kiệt cả về chất lượng và số lượng, hiệu quả đánh bắt ít, dẫn đến cuộc sống của họ gặp nhiều khó khăn. Trong một vài năm gần đây với sự chỉ đạo, đầu tư, khuyến khích của Nhà Nước, các hộ ngư dân đã và đang chuyển sang cơ cấu kinh tế nuôi trồng thủy sản đặc biệt là nuôi cá lồng bè trên biển.

Nuôi cá lồng trên biển là loại hình mới phát triển từ năm 1995 trở lại đây. Các lồng bè được làm tương tự như các lồng bè nuôi cá ba sa, cá tra trên sông của bà con miền Tây Nam Bộ. Bè kết bằng các thùng phua sắt hoặc nhựa, trên lát gỗ dựng nhà ở, dưới bè là các lồng nhốt cá bằng lưới thép. Chủ bè mua gom cá con thả trong lồng, hàng ngày cho cá ăn bằng tôm cá nhỏ hoặc bằng thức ăn được chế biến sẵn. Mỗi lồng thường rộng 9m, thể tích  $18\text{m}^3$ , được thả 50 con cá giống. Tùy giống cá và trọng lượng cá, có thể

đặc hơn hay thưa hơn. Các giống cá thường nuôi là cá song, cá dò, cá hồng, cá trap, cá mú. Một công ty của Hồng Kông đã liên kết với Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh lập nhà bè mua gom cá nuôi trong lồng bè, vừa xuất đi Hồng Kông mỗi đợt gần chục tấn cá sống vừa cung ứng cho khách ăn tại nhà hàng Biển Mơ ngay trên lồng bè. Với ngư dân, đầu tiên được sự tài trợ của N.G.O, 20 hộ ở thành phố Hạ Long đã làm bè, ngay năm đầu mỗi bè thu 3 tạ cá. Từ hiệu quả này, nhiều ngư dân đã vay vốn hoặc chung vốn làm bè. Đến nay, trên vùng biển Quảng Ninh đã có 1.800 lồng bè. Có người làm ăn phát đạt, làm chủ nhiều lồng bè thuê người trông coi. Có người đặt lồng bè trên cả vùng biển đảo Cát Bà.

#### **2.2.2.2.3. Các hoạt động kinh tế khác:**

Bên cạnh hoạt động kinh tế đánh bắt và nuôi trồng thủy sản là chủ đạo, ngư dân ở đây còn làm nhiều nghề khác như: chở đò, làm dịch vụ thủy sản, buôn bán lương thực, thực phẩm... Đặc biệt là các thôn gần bờ có nhu cầu đi lại rất lớn. Họ đưa đón người từ chợ xuống thuyền để mua tôm cá hay đem chở những người từ thuyền lên bờ.

Điều kiện tự nhiên đã chi phối hầu hết các hoạt động kinh tế của ngư dân. Những người đánh bắt cá lâu năm chụi khó học hỏi những người giàu kinh nghiệm. Nếu như ở sản xuất nông nghiệp có những lão nông tri điền thì trong nghề cá có những lão ngư tri hải. Họ không những giỏi xem thời tiết, thạo các luồng lạch, am hiểu các sinh sống của các loài cá, biết rõ ngư trường, bãi cá và các thời vụ cá mà còn giỏi cả việc lái thuyền. Sai lầm của họ không chỉ ảnh hưởng đến việc đánh bắt cá mà nhiều khi còn trả giá bằng sinh mạng của mình.

Việc đánh bắt hải sản từ trước tới nay của ngư dân hoàn toàn tiến hành theo phương pháp thủ công, dựa vào sức mình là chính. Mặc dù đời sống kinh tế của ngư dân thủy cư trên vịnh Hạ Long đã có nhiều bước đổi mới hơn so với trước đây. Song nhìn chung, đời sống của họ vẫn gặp nhiều khó khăn. Ngư dân không có lương thực, thực phẩm dự trữ dài ngày như người nông dân. Chính vì vậy, ngư dân thường rơi vào tình trạng “giải dầu hôm nay, khó sớm mai” nghĩa là: kiếm được tiền nhanh mà tiêu tiền cũng

nhanh. Do thiếu dự trữ các điều kiện vật chất sinh sống nên đời sống của họ thường bấp bênh, nhất là những gia đình thiếu sức lao động và nghèo túng. Vào những mùa vụ đánh bắt cá kém, sản lượng thấp, ngư dân thường rơi vào cảnh đói triền miên. Mất mùa cá thì những ngành nghề khác phục vụ nghề cá cũng bị ảnh hưởng, song những người trực tiếp làm nghề cá thường bị đói triền miên.

### **2.2.2.3: Đời sống văn hoá.**

#### **2.2.2.3.1. Tín ngưỡng:**

Với ngư dân tín ngưỡng và nghi lễ chiếm vị trí rất quan trọng trong đời sống tinh thần. Điều đó được giải thích bởi điều kiện sống và lao động của họ trong môi trường biển cả vừa giàu có vừa ư ái vừa thử thách vừa đe dọa. Do vậy, tín ngưỡng là điểm bầu vùi gần như duy nhất của họ.

#### **- *Thờ cúng Thành Hoàng:***

Hai làng Giang Võng và Trúc Võng xưa tuy sinh hoạt và cư trú hoàn toàn trên thuyền, dưới biển nhưng mỗi làng đều có đình riêng trên bờ ( làng Giang Võng còn có miếu). Theo các cụ già kể lại thì đình làng Giang nằm ở phường Cao Xanh- thành phố Hạ Long, còn đình làng Trúc nằm ở ven vụng Cái Lân, gần đó là miếu Cái Lân của làng Giang Võng. Cả hai ngôi đình này trong những năm chống Pháp đều đã bị bỏ hoang rồi trở thành phế tích, chỉ có miếu của làng Giang còn giữ được.

Cả hai làng đều thờ thành hoàng là Trần Quốc Tảng- một danh tướng đời Trần, có công lớn trong 3 lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông nửa cuối thế kỷ 13. Ông được phong ấn và trấn giữ tại An Bang- Quảng Ninh ngày nay. Sau khi ông mất, nhân dân trong vùng đã tôn ông làm Phúc thần- thành hoàng.

Hàng năm, vào ngày 10.11 (âm lịch), cả hai làng Giang, Trúc đều tổ chức lễ hội để cúng thành hoàng cầu mong cho dân làng một vụ đánh bắt bội thu tôm cá, bà con ra biển tránh được tai ương bệnh tật. Lễ hội được tổ chức ở hai làng, hai bên của eo biển Cửa Lục nhưng mọi nghi thức đều giống nhau.

Trước ngày tổ chức lễ hội, lý trưởng giáp lên danh sách các cai đám- những trai đình tráng trong làng mà theo lệ phải chịu trách nhiệm chu biệnlễ vật cho làng trong các kỳ lễ hội. Ở làng Giang Võng theo lệ, mỗi giáp cắt lượt 5 cai đám, mỗi người phải nộp 30 cân thịt, 20 cân xôi, 10 chai rượu. Làng Trúc Võng cũng cắt cử 5 người cai đám gồm 6 thủ lợn, 120 cân thịt, 70 cân xôi, 8 chai rượu và số hoa quả có giá trị 7 hào.

Lễ hội diễn ra từ 3 đến 7 ngày. Phần lễ có đủ khai tịch, tế ngư, tế tạ. Nghi thức tế cũng mở cửa đình, trải chiếu ngang, chiếu dọc cho mạnh bái, bồi tế...Còn Phần hội cũng có đánh vật, tổ tôm, hát điếm, hát chèo. Vui nhất, sôi động nhất là hội thi bơi chải giữa hai làng. Mỗi làng cử ra 2 giáp thành 4 đội, mỗi đội gồm 18 tay chèo, 1 người cầm lái, 1 người đứng cổ vũ. Tất cả tròn 20 người trên mỗi thuyền. Thuyền đua là loại thuyền Lãng bỏ hết mũi, vòng và phải là những thuyền có cùng kích cỡ. Trước ngày hội, những người được giao phụ trách thuyền của mỗi giáp đã phải lo chọn thuyền, khi đã chọn được con thuyền như ý họ phải phơi thuyền, sơn, khảm lại thuyền để giảm thiểu ma sát của con thuyền với mặt nước. Ngoài ra, họ còn phải chọn tay chèo, đó là những người thạo chèo mà dai sức. Quãng đường đua kéo dài khoảng 4km, đội nào về đích trước sẽ được lĩnh thưởng, phần thưởng là tiền. Ngoài đại lễ diễn ra vào ngày 10.11 âm lịch, hai làng còn có tiểu lễ diễn ra vào ngày 14.2 của Giang Võng và 15.2 của Trúc Võng. Các nghi thức cũng như lễ vật đều giảm so với đại lễ.

**- Tục thờ cúng tổ tiên:**

Đồng bào dân chài cũng lập bàn thờ tổ tiên. Tuy diện tích trên thuyền rất chật hẹp nhưng bàn thờ vẫn được bố trí trang trọng trong khoang thuyền giữa của thuyền phía bên trái- bên vuôn. Đặc biệt, quan niệm tổ tiên là gốc, biển rộng sông dài, sông lớn nhờ có khe, suối. Vì thế, việc sao nhãng hương khói đối với tổ tiên là bất nhân bất nghĩa. Các dòng họ cũng đều duy trì việc thờ cúng các bậc thủy tổ. Mỗi dòng họ có một miếu thờ ông tổ đặt trên núi gần nơi cư trú. Vào các ngày giỗ tổ hay các ngày rằm họ đều sửa lễ để cầu khẩn tại miếu này. Khi vì một lý do gì đó mà họ chuyển sang vùng khác sinh sống thì họ chuyển bát hương đến nơi lập miếu mới.

**- Thờ cúng thần thánh:**

Với quan niệm “đất có Thổ Công, sông có Hà Bá”, tín ngưỡng thờ thần thánh, thủy thần là một “chỗ dựa” tâm linh vững chãi của ngư dân. Rải rác trên Vịnh Hạ Long, người ta thấy các miếu thờ của các dòng họ và các đền miếu nhỏ khác đều có bát hương thờ thủy thần. Trước khi làm một việc trọng đại, họ thường làm lễ thông báo, xin phép Thủy thần ( Hà Bá) và cầu xin được phù hộ. Vào các ngày lễ, tết, mừng một, ngày rằm.. ngư dân đều đi cúng lễ ở các đền gần làng. Sau lần đánh lưới được nhiều tôm, cá và sau mỗi lần tai qua, nạn khỏi...ngư dân đều có lễ đến “ tạ”. Vào ngày hội của các đền Bà Men, đền “Ông Vàng”, đền Bụt Đày, có tổ chức thi bơi chải. Hội nghề đánh cá của đồng bào là một trong những nghi thức sinh hoạt tín ngưỡng tiêu biểu cho tục thờ cúng thủy thần.

**2.2.2.3.2.Phong tục:**

Do cuộc sống trên biển, nên phong tục tập quán của ngư dân làng chài có nét độc đáo như: tôn giáo, kinh nghiệm sông nước, đặc biệt là các nghi lễ cưới hỏi, tang ma, cúng giỗ, và các lễ hội như: hội nghề cá, lễ giở mũi thuyền, tục trồng cây nêu, tục đàn ông đỡ đẻ cho vợ.

**- Lễ cưới:**

Cưới xin là một việc quan trọng trong đời người. Với dân chài xưa đó lại càng được coi trọng. Khi gia đình nhà trai muốn hỏi vợ cho con, trước tiên họ phải chọn người làm mối, đó phải là người ăn nói tốt, có sức thuyết phục để sang nhà gái thưa chuyện. Khi nhà gái ưng thuận, họ sẽ tiến hành các thủ tục sau:

+ **Bước 1:** Lễ Dạm. Nhà trai cử người làm mối đến nhà gái mang theo một số lễ vật nhỏ để đặt vấn đề.

+ **Bước 2:** Lễ Hỏi. Nhà trai cử đại diện cùng người làm mối mang theo một số lễ vật gồm: trầu cau, bánh nướng ( riêng cau và bánh nướng phải mang số lẻ vì họ quan niệm: số lẻ là số sinh sôi nảy nở), đến xin ngày dẫn trầu.

+ **Bước 3:** Dẫn Trầu- là bước quan trọng mà nhà trai phải tập trung nhiều lễ vật như mâm trầu cau, 1 mâm bánh nướng, 1 mâm bánh dẻo, 1 thủ lợn, 1

ván xôi, 1 mâm rượu, 1 mâm bánh chưng..Cô gái trẻ trong chòm, vạt mặc quần áo mớ 3 mớ 7 để đội lễ. Ngoài ra trong lần này, nhà trai phải chọn một người “ Bò Đa” (người đại diện cho nhà trai), đây là người đã có gia đình, kinh tế khá giả, có đủ con cái, sống hạnh phúc, có tài ăn nói và am hiểu phong tục tập quán. Cùng với Bò Đa bố mẹ chàng trai và những cô gái đội lễ vạt theo thuyền tới nhà gái. Trong lễ ăn hỏi nhà trai đặt vấn đề xin cưới và nếu được sẽ định ngày cưới. Trong lần này, nhà gái sẽ thách cưới, thông thường đồ thách cưới là số tiền và số lượng tùy theo yêu cầu nhà gái và kinh tế nhà trai.

+ **Bước 4:** Lễ Cưới. Trước lễ cưới khoảng 5 ngày, hai bên thông gia phải nộp “ cheo” cho quĩ. Nếu người làng lấy nhau thì nộp 3,5 đồng; nếu lấy người hàng tổng thì nộp 2 đồng; lấy người làng huyện thì nộp 4 đồng; lấy người tỉnh thì nộp 6 đồng. Để chuẩn bị cho lễ cưới, nhà trai phải lo đủ số tiền thách cưới kèm theo yêu cầu của nhà gái, ngoài ra họ phải chuẩn bị thêm ít tiền lẻ kẹp vào thêm với số tiền thách cưới rồi đặt vào tráp ( hay quả kem), trên tráp lại đặt mấy phong bì nhỏ màu hồng trong có chút tiền- mấy phong bì này được coi như chìa khoá để mở tráp nhỏ trên.

Do cuộc sống của đồng bào chủ yếu diễn ra trên thuyền, không có nhà, đất trên đất liền, tất cả các sinh hoạt chỉ diễn ra trong không gian chật hẹp bởi vậy, họ đã ghép các thuyền lại với nhau (các thuyền này có thể là thuyền của anh em, họ hàng, xóm láng). Và dùng cột buồm, cánh buồm để dựng rạp. Như vậy, đã có một rạp nổi di động, giải quyết được nhu cầu về diện tích của lễ cưới.

- Y phục chú rể : áo the, khăn xếp, đi chân trần
- Y phục cô dâu: áo dài tứ thân, thắt mớ ba, khăn mỏ quạ, đội nón

Nhà trai và nhà gái đều có vị cao niên gọi là “ chánh sứ ” là nam giới. Y phục áo the, khăn xếp. Nhà gái và nhà trai đều có ông bà “ Bò Đa ” ( ông bà mối ), là những người đứng tuổi.

- Ông bò đa mặc áo the, đội khăn xếp
- Bà bò đa mặc áo dài, quần lụa, khăn vắn trần.

Khi sang thuyền, sau khi chú rể, cô dâu làm lễ tạ tổ tiên thì đại diện nhà trai trao tráp đựng tiền cho nhà gái, đại diện nhà gái sau khi kiểm đủ số tiền sẽ lấy số tiền lẻ ( nhà trai đã chuẩn bị sẵn ) rồi bù thêm một phần tiền ( trong số tiền thách cưới ) trao lại cho cô dâu chú rể trước sự kiểm chứng của họ hàng đôi bên để cho đôi trẻ làm vốn sau này.

Sau khi mọi nghi lễ, lúc rước dâu nhà gái sẽ cử một số đại diện theo nhà trai đưa dâu về. Khi đến nhà trai, làm lễ nhập phòng mới đốt pháo mừng- đặc biệt cho rằng đốt pháo sớm thì vía con dâu sẽ bị tiếng pháo át đi, không tốt cho sau này.

Nói chung, trong lễ cưới xưa cư dân hai làng tuy có những khó khăn mang tính đặc thù của nghề chài lưới song vẫn diễn ra trang trọng, vui vẻ; coi đó là ngày vui chung của dân làng, nhất là thanh niên nam nữ. Khi trong vạn, chòm có gia đình có việc hiếu hỉ thì là lúc tình đoàn kết của họ hàng, của bạn thuyền được thể hiện rõ nhất, nhà có việc có thể huy động hầu như mọi thuyền lại để đón dâu. Phong tục đẹp nhất trong đám cưới của ngư dân vạn chài là tục Hát Đám Cưới.

#### **- Lễ tang:**

Việc tổ chức lễ tang ở Giang Võng và Trúc Võng xưa kia cũng tuân theo quy tắc truyền thống được ghi trong sách “ thọ mai giai lễ”. Tuy nhiên do những điều kiện khác biệt mang tính đặc thù mà còn có những khác biệt trong những nghi thức tang lễ.

+ Khi trong chòm, vạn có gia đình có người qua đời thì tang chủ có thể huy động các thuyền của anh em, họ hàng ghép lại với nhau thành một mảng lớn, dùng buồm và cột buồm để dựng rạp. Đây là một trong những hình thức thể hiện tính cộng đồng, tương trợ cao của cư dân hai làng chài.

+ Hai làng đều không có nghĩa địa riêng vì họ không có đất trên bờ và cũng vì hầu hết các đảo trong khu vực vịnh Hạ Long là đảo đá ít có đất để làm nơi mai táng chung. Do vậy, họ thường mai táng tùy tiện theo sự hướng dẫn của ông thầy cúng và những nơi đảo có đất để làm nơi mai táng.

+ Trước khi niệm, ông thầy cúng làm lễ “ phá công” để xua đuổi những ma tà lang thang không cho quấy quả linh hồn người quá cố. Sau khi

an táng, tang chủ không làm lễ 49 ngày mà đợi trong 100 ngày mới làm lễ bái nhật.

+ Do cuộc sống của họ hoàn toàn diễn ra trên thuyền, khi tổ chức tang lễ phải huy động nhiều thuyền khác của họ hàng, bạn chài nếu linh cữu lưu lại lâu trên thuyền sẽ mất vệ sinh vì mùi tử khí và ảnh hưởng đến sinh hoạt của các thuyền khác. Do vậy, họ không lưu linh cữu trên thuyền quá 24 giờ.

Nói chung, tang lễ xưa của 2 làng khá đơn giản song vẫn mang đậm tính nhân văn.

### **2.2.2.3.3.Các phong tục khác:**

Trong năm dân chài cũng có những ngày tết như mọi miền quê khác như: cúng Táo Quân ( 23/12), Thanh minh tảo mộ ( 15/1). Trong hai ngày lễ lớn này ngoài những lễ vật bình thường như xôi, gà, hoa quả...thì họ còn dâng cá rán, cá nướng. Ngoài ra họ còn có những ngày lễ riêng theo đặc thù của nghề chài lưới.

#### ***+ Hội nghề cá 1.4:***

Hàng năm, giữa 2 vụ cá nam và bắc trong ngày 1.4 âm lịch, các bạn thuyền ( hay anh em, họ hàng ) làm ăn trên cùng một ngư trường họp lại đóng tiền sửa lễ cúng thủy thần. Lễ vật khá đơn giản: gà, xôi, rượu vang và một con thuyền giấy- làm bằng khung tre dài khoảng 1m, bề ngang 0.5m, trên thuyền cắm 4 lá cờ nhỏ màu xanh, đỏ, tím, vàng, có thể dùng bất cứ màu gì trừ màu đen.

Sau khi soạn đủ lễ vật, các bạn thuyền cử ra một người chủ lễ đặt lễ vật lên trước mũi thuyền thắp hương cúng thủy thần cầu mong một vụ cá dồi dào, con người thuyền bè ra khơi gặp may mắn, tránh gió bão, tai ương, bệnh tật...sau một tuần hương, người ta đặt vàng hương lên con thuyền giấy rồi buông xuôi coi như một chút lòng thành dâng tới thủy thần.

#### ***+ Lễ giờ mũi thuyền:***

Xưa kia, khi đón xuân mới xong, vào ngày tốt ( thường mùng 4 tết ) người ta tiến hành ( lễ giờ mũi thuyền ). Bởi vì, trước khi đón tết các thuyền trong chòm, vạ hay anh em, họ hàng neo đậu thuyền vào bờ hay những nơi



kín gió, họ buộc chặt thuyền ở một nơi và không rời thuyền đi nơi khác cho đến ngày làm lễ.

Để tiến hành lễ này, gia chủ phải sắm: gà, xôi, tiền, gạo, hồ, vàng hương... Rồi mời thầy cúng đến tiến hành lễ. Thầy cúng thắp hương cầm một mảnh vải điều xin lệnh trời đất, thủy thần phù hộ cho gia chủ có một năm dồi dào sức khoẻ, làm ăn may mắn, rồi dùng án lệnh mang theo đánh dấu lên mảnh vải điều đó trao cho gia chủ để buộc vào mũi thuyền cầu may mắn.

Xong các nghi lễ, người ta nhổ neo, cởi dây buộc mũi thuyền rồi cho thuyền rời bến. Lúc thuyền rời bến, người ta chú ý xem có thuyền nào chắn trước mũi thuyền của mình không, nếu có thì phải dừng lại chờ thuyền kia đi qua rồi mới xuất bến vì người ta kiêng cho thuyền rời bến đầu năm mà có thuyền khác chắn ngang hướng đi thì làm ăn không may mắn trong cả năm đó.

**+ Tục trồng cây nêu:**

Vào cuối năm khi các thuyền đã neo đậu ổn định ở những nơi an toàn chờ đón năm mới, người ta tiến hành trồng cây nêu. Cây nêu là một cành dừa dại được tước bớt lá treo lên cột buồm chính. Đó không phải là cây nêu của đồng bào vùng châu thổ sông Hồng và cũng không mang ý nghĩa xua đuổi quỷ ma mà mang ý nghĩa: cuộc sống lên đênh trên biển cả nay đây mai đó đôi khi tổ tiên cũng không biết con cháu mình ở đâu, do vậy cây nêu là dấu hiệu để linh hồn tổ tiên theo đó mà về với con cháu.

**+ Tục đàn ông đỡ đẻ cho vợ:**

Cuộc sống của ngư dân hai làng Giang Vĩng và Trúc Vĩng có điểm khác biệt với các làng chài khác là họ sinh hoạt và cư trú ngay trên thuyền và trong khi ra khơi đánh bắt cá thì cả gia đình cùng đi. Trong khi đó nếu người phụ nữ trở dạ thì họ không đủ thời gian cập thuyền vào bến hay tìm bà mụ để đỡ đẻ; trách nhiệm đó được trao cho người chồng. Khi đó, người ta sẽ neo thuyền vào nơi kín gió rồi phải lo chuẩn bị mọi thứ đón chào đứa con chào đời.

Do điều kiện môi trường sống cũng như nghề nghiệp khác với cư dân trên bờ nên ngư dân ở đây có những đặc trưng riêng về phong tục tập quán được thể hiện rõ nét ở những kiêng kỵ trong đời sống hàng ngày như:

- Vào đầu năm mới cũng như những ngày sóc, vọng họ kiêng kỵ xin lửa, vay tiền, vay dầu, vay muối.

- Khi làm lễ hạ thủy, kiêng không cho người phụ nữ đặt chân đầu tiên lên thuyền, nhất là người đang có thai.

- Kiêng khi chim lợn bay đến thuyền.

- Kiêng đại tiểu tiện giữa mũi thuyền vì họ quan niệm mũi thuyền là bộ mặt của thuyền.

- Khi đánh bắt được nhiều kiêng không nói: cá đóng nhiều quá.

- Khi đi làm mà bị hắt xì hơi thì quay lại không đi làm nữa.

- Khi đi thấy hòn đất rơi từ trên núi xuống thì quay về vì họ cho đó là điềm xấu.

Như vậy, ngư dân vạn chài với cuộc sống lênh đênh trên biển đã tạo cho họ những đặc trưng văn hoá riêng. Đó chính là cách ứng xử của con người nơi đây với cuộc sống khó khăn may rủi.

#### **2.2.2.3.4. Tri thức dân gian:**

##### ***- Kinh nghiệm đi biển:***

Biển là nguồn sống duy nhất của ngư dân Giang Võng và Trúc Võng, kinh nghiệm đi biển của họ rất phong phú, trong đó lịch con nước là một tri thức dân gian quan trọng. Qua lịch con nước người ta biết được các quy luật của biển trên một khung thời gian nhất định và người ta biết trước và tính được ngày “ nước sinh”, ngày “ nước đứng”, ngày “ nước ròng”. Ngư dân luôn theo dõi con nước một cách sát sao, nếu ai không nắm được chính xác giờ con nước thì coi như hôm đó đánh bắt không hiệu quả và sẽ có một ngày lao động thất bại. Cơ sở tích lũy con nước là dựa vào tuần trăng, ngày nước sinh là các mốc chuẩn được tính. Một chu kỳ biến động của mực nước từ lúc nước rút tối đa là 15 ngày, và được gọi là một con nước. Hết chu kỳ ấy có một chu kỳ khác được lập nhưng thời gian mực nước lên, xuống lại hoàn

toàn ngược lại so với chu kỳ trước. Như vậy, mỗi tháng có hai con nước. Nước lên hay xuống hoàn toàn ăn khớp với tuần trăng tròn hay khuyết.

Theo quan niệm của ngư dân, ngày nước sinh rất quan trọng, họ bảo rằng đây là ngày thiên nhiên biến đổi nhiều. Vì vậy, trong những ngày này việc đánh bắt rất khó khăn, năng suất không cao. Họ đã tổng kết được lịch con nước như sau:

Tháng giêng: 5, 19

Tháng hai: 3, 17, 29

Tháng ba: 3, 27

Tháng tư: 11, 25

Tháng năm: 9, 23

Tháng sáu: 7, 21

Từ tháng 7 con nước lặp lại đúng theo chu kỳ của tháng 1.

Bên cạnh lịch con nước, ngư dân còn có căn cứ vào thời tiết để dự báo. Người ta quan sát bầu trời, mặt nước, gió và con sóng, dòng chảy thậm chí cả trên đất liền trong những ngày này và từ đó cho quyết định phương thức và kỹ thuật đánh bắt thuỷ sản. Ngư dân căn cứ vào dòng chảy để tính độ lưới trôi khi buông lưới hay dựa vào gió để quyết định gõ bao nhiêu lớp sóng để đến đúng nơi đã định xa hàng chục km. Căn cứ vào hiện tượng tự nhiên của thiên nhiên như: bọt sóng, sắc trời, màu mây... họ có thể đoán định một cách chính xác nắng, mưa, bão... Họ biết trời đang xanh bỗng nhiên âm u, đang gió mùa mà có gió nồm đông nam, trên biển bỗng nhiên có các bọt nước nổi dài màu đen hay trời nhiều mây và mây bay về hướng nam, trời đang nắng mà phía mặt trời xuất hiện “móng” gần giống cầu vồng mà không có đầu đuôi; khi kéo lưới thấy có vắn đục, hay cây cối trên đảo xanh hơn mọi ngày, trên mặt nước xuất hiện nhiều quang sáng thì chắc chắn sẽ có bão hay các hiện tượng thời tiết bất thường. Họ cũng biết trông Sao Bắc Đẩu để xem thuỷ triều lên, có gáo xuống thì nước thuỷ triều rút, có gáo bằng thì nước đứng. Ngoài ra còn có những kinh nghiệm như có thể nhìn về hướng tây lúc mặt trời mọc để xem màu mây để xác định xem trong ngày có mưa không hoặc xem bầu trời sao để đoán định mưa gió. Khi đang đánh cá nếu

thấy có cua nổi ở tầng mặt nước thì sắp có mưa.. Đây là những kinh nghiệm quý báu của ngư dân đã đúc kết từ nhiều đời. Những kinh nghiệm này mỗi ngày một nhiều hơn và phong phú hơn.

Không chỉ hiểu biết sâu sắc về thiên nhiên, ngư dân còn rất am hiểu về các loài cá để từ đó có kế hoạch khai thác hiệu quả.

Từ việc quan sát các hiện tượng trong nghề đánh cá bằng ánh sáng đèn có thể rút ra quy luật: cứ 2-3 ngày trước và sau con nước sinh, trước và sau ngày có gió mùa, bao giờ sản lượng cá cũng đạt cao nhất. Nếu không bám biển vào những thời gian này, nghề lưới ánh sáng sẽ thất thu.

Trong nghề lưới vây không dùng ánh sáng, ngư dân thường quan sát màu nước, gợn sóng, màu do cá tạo ra. Màu nước của biển thường xanh biếc. Nhưng màu của cá thường đỏ thẫm hoặc xanh thẫm từng đám còn cá nước (bọn nước) cũng có lúc đỏ như màu của cá nhưng không chuyển động ngang, dọc và trôi ngược dòng nước như đàn cá mà chỉ trôi theo hướng nước chảy. Trường hợp nước đứng không chảy thì đám bọn nước không di động.

Trong một vùng biển màu xanh, nổi lên một đám nước đục có thể do động biển gây ra, cũng có thể do đàn cá đi ăn làm vẩn bùn đất, tằm cá nổi lên gây ra đám đục. Chỗ khác nhau là đám đục do cá gây ra thường di chuyển dần dần. Ngược lại, đục do biển động thường không di chuyển.

Trong một ngày, gió luôn thay đổi hướng cho nên gợn sóng cũng thay đổi lúc nhỏ, lúc to, lúc nhanh, lúc chậm. Trái lại, gợn sóng do màu cá gây nên hướng di chuyển không thay đổi, đi chậm và cao hơn so với gợn sóng mà gió gây ra.

Cá mòi tháng 8 âm lịch thường đi nhô lên mặt nước, di chuyển nhanh, có màu hơi hồng. Cá nhâm tháng 8 âm lịch khi di chuyển luôn nhô lên mặt nước, tạo thành gợn sóng to có màu hơi đỏ.

Cá thường nổi vào lúc nước đứng, gió yên, sóng lặng. Khi nước đứng, thủy triều xuống tới mức thấp nhất, hoặc lên đỉnh điểm. Cũng có lúc dòng nước chảy giao nhau tạo nên một vùng nước đứng. Các vùng trên tạo nơi có nhiều thức ăn, cá tập trung nhiều.

Vùng biển Quảng Ninh từ tháng 1 đến tháng 4 là mùa cá đẻ, trời êm biển lặng, cá nhâm thường nổi ban ngày nhiều hơn ban đêm, thường vào buổi sáng từ 5 đến 7 giờ, buổi chiều từ 15 đến 19 giờ. Mùa này nghề lưới vây chủ yếu hoạt động vào ban ngày, song sản lượng thấp. Vụ bắc, cá đi vỗ béo chuẩn bị cho thời kỳ kết đàn đi đẻ, ban ngày cá nổi ít, đi phân tán, tốc độ nhanh, khó đánh. Thời gian cá nổi chủ yếu lại thường tập trung vào ban đêm.

Hàng năm, cá đi đẻ hoặc đi kiếm mồi thường có xu hướng vào gần bờ. Trời động, nước đục, cá đi nổi và thường dẫn ra, đi thấp xuống. Cuối vụ bắc, cá đi vào và nổi lên trên. Những đêm có trăng, cá trích khó đánh hơn các loại cá khác. Muốn đánh được cá vào những đêm trăng phải tăng nguồn sáng. Cá nục càng lớn thì tập trung càng sâu. Cá nục có liên quan đến chất đáy. Nếu đáy là cát nhỏ hoặc cát vàng, nơi đó có cá nục.

**- Chữa bệnh dân gian:**

Ngư dân làng chài sinh hoạt hoàn toàn trên thuyền, rất ít khi họ đặt chân lên đất liền trừ khi có việc gì quan trọng và ngay cả ở trên biển thì họ cũng thường sản xuất ở những nơi vắng vẻ cô quạnh. Những lúc như thế mà đột nhiên ngã bệnh thì họ không đủ thời gian cập thuyền vào bến mà tìm thầy chữa trị. Bởi vậy, họ tích lũy được nhiều bài thuốc dân gian đơn giản được chế bằng những cây thuốc vốn gần gũi, mọc ngay trên các đảo ở Vịnh Hạ Long để có thể kịp thời ứng cứu người bệnh. Trên biển đột nhiên bị đau bụng người ta nhai lộc lá ổi nhưng phải là giống ổi lửa hay mọc trên đảo đá; nếu ăn cá nóc bị say thì trước tiên phải cạo mùn thớt cho bệnh nhân uống để nôn ra chất độc sau đó lấy lá và vỏ cây Vô Đề ( một loại cây thân gỗ mọc nhiều trên núi đá người ta hay dùng để ăn trầu ) cho người bệnh nhai rồi nuốt lấy nước ấy; Nếu bị cá đuối đốt thì dùng ngay dây buộc chặt lại chỗ đốt không để chất độc lan ra cơ thể, sau đó dùng gạo nếp( xôi nếp ) nhai ra đắp vào vết thương, nếu không thì dùng ngay dây quai chèo (bằng dây chuối khô ) nấu lấy nước nhúng vào chỗ bị đốt; bị sứa độc cắn dùng muối nấu lên sát vào người; Bị bong gân, chẹo chân dùng lá bông hôi vò nát rồi lấy nước tiểu của cha hay mẹ trộn vào nấu lên đắp vào vết thương; Phụ nữ bị băng huyết

dùng trầm- lõi của cây Phất dụ núi già sắc lấy nước uống; Bị đau dạ dày hay tay chân bị những vết thương sâu dùng xương khỉ sao vàng tán nhỏ rắc vào vết thương hay trộn với mật ong ăn dần sẽ mau khỏi.

**- *Hát giao duyên:***

Hát giao duyên của dân chài vùng biển Quảng Ninh có các hình thức: hát đúm, hát ví, hò biển ( hay hò chèo thuyền, hò chèo đò ) và đặc biệt là hát đám cưới. Đặc thù của loại hình hát giao duyên trong thể loại văn hoá dân gian là hát không có nhạc đệm.

+ **Hát đúm** ( còn gọi là hát giai gái): là lối hát đối đáp giữa nam và nữ, thường diễn ra vào lúc nghỉ ngơi, buông neo đợi nước, hay những dịp đình đám, hội hè; song đôi khi cũng diễn ra trên biển giữa các thuyền bên nam và bên nữ khi họ đi hát củi hoặc đánh hà, bắt ngán. Chủ đề của hát đúm chủ yếu là về tình yêu, ca ngợi cuộc sống lao động, tình yêu quê hương đất nước. Khi hát, người ta cũng có thể ứng tác ra các bài, câu hát mới cho phù hợp với nội dung cuộc hát. Về giai điệu, nó gần như một lối ngâm ngợi ( ngâm thơ). Hát đúm trải qua các trình tự: hát chào, hát tìm, hát hỏi, hát gặp và hát giã bạn.

***Hát chào:***

Khi người con trai muốn hát với người con gái, họ không được đột ngột vì bên gái còn có chủ thuyền,cha mẹ hoặc người lớn có tuổi có câu chào.

Hát xin phép ông lái :

Bước chân sang thuyền khó lắm nàng ơi

Biết rằng ông lái là người có lòng

Xin ông lái có lòng chiếu cố

Dưới bạn bè cũng có lòng thay

***Hát tìm:***

Điệu hát tìm thường nói lên tình cảm thiết tha muốn gặp người con gái song trong lời ca thực chất muốn khoe mình biết nhiều tên làng xóm, quê hương.

Tìm em chung bạn làng Quỳnh

Lưu Khê, chợ Quán, Cung Đình, Vị Dương

Hay:

    Tìm em tốn rất nhiều công  
    Anh đi tốc hành tìm vào Cẩm La  
    Cửa lũy anh cũng tìm ra  
    Thần Đầu, Xóm Trại, tìm ra Ba Làng..

***Hát hỏi:***

    Đây vẫn là cách thử tài thử sức. Trong hát hỏi có nhiều bài hát đố  
    giảng, thường bên nữ hỏi bên nam trả lời.

Nữ hỏi: Nhà anh sinh được mấy người  
    Mấy người tài sắc, mấy người sắc phong  
    Mấy người đô đốc, quận công  
    Mấy người nho sĩ ở trong gia tài

...

Nam trả lời:

    Nhà anh sinh được chín người  
    Chín người tài sắc chín người sắc phong  
    Chín người đô đốc quận công

...

    Đôi khi người con gái hỏi những câu khá hóc búa, người con trai phải  
    rất linh hoạt để trả lời.

Hỏi: Nhà chàng cát phượng nan vàng được bao  
    Trong nhà nhất cây nào cao  
    Cột quân cột cái được bao nhiêu hang  
    Bao nhiêu xà dọc xà ngang  
    Mấy cây cái nóc mấy hang đòn tay

...

Trả lời: Nhà anh cửa đóng bức màn  
    Bốn cây gác nóc thượng ban trong nhà  
    Nhà anh tám một cây xà

Bốn hàng cột đứng là nhà tư lương  
Bốn cây ngói nóc dựng hương  
Đòn tay chín chực tỏ tường nàng hay

...

### ***Hát gặp:***

Sau khi thử sức, ướm hỏi bên trai bên gái đã thành quen nhau, gần nhau hơn, có những đôi nam nữ sau nhiều đêm hát đã trở thành đôi bạn tình. Hát gặp bắt đầu là những lời hát giao duyên đậm thắm, riêng tư:

- Nay mừng gặp bạn giữa đường  
Giàu ăn thì hết mà giàu lòng không vơi  
Lấy gì đãi bạn bạn ơi  
Lấy gì đãi bạn cho vui tấm lòng

...

- Gặp nhau ở quãng đường này  
Anh em thì vắng, ba thầy đàng xa  
Lấy ai định liệu cho ta  
Mặt lại nhìn mặt tay đà cầm tay

### ***Những bài hát hoạ:***

Thường cuối các hội giao duyên, bên nam và bên nữ thi nhau các bài hát hoạ, nội dung các bài hát hoạ là kể về một chủ đề là hiện tượng tự nhiên như họa sao, họa mưa, họa nắng... hay chủ đề về rừng, cây, hoa lá, chim, cá hoặc kể tên các địa danh... Trong đó phải kể được càng nhiều càng hay, và phải gieo vần theo thể thơ lục bát cho đúng luật và hợp lý. Trong các bài hát hoạ, ngoài các yếu tố trên, mỗi bài hát thường gửi gắm ý tứ tình cảm nam nữ thí dụ như:

- Vạn Hoa lắm cá xinh thay  
Anh kể ngàn này loại cá dưới sông  
- Ngày xuân bươn lượn vườn hồng  
Nàng dung nhan sắc để lòng anh say



Trong sưu tầm có rất nhiều bài họa hoa, họa cá, họa chim; nhất là những bài họa cá cho thấy người dân chài thông hiểu về cá như thế nào, phản ánh một điều rằng những người dân chài sống ở khu vực Hạ Long có nguồn gốc từ đồng bằng châu thổ sông Hồng. Mở đầu những bài họa về cá bao giờ cũng là giống cá nước ngọt:

Cá mè vốn nó thông xương  
Cá trê, cá ngạnh ở miền đầm ta  
Cá gáy cá diếc ao nhà  
Ở đầm nước ngọt lượn ra lượn vào

...

Tiếp đó có khi “nàng hỏi thấp cao” thì chàng mới kê:

Cá nào nó ở cửa Nam  
Cá thieu, cá đế, cá chim  
Con bống, con dươn ở bên cá vàng  
Ước gì anh lấy được nàng  
Đôi ta giăng lưới Cồn Ngang cá ngư

Các địa danh của vùng biển Quảng Ninh thường được nhắc đến cùng với các loại cá:

- Có cả con song, con thu

Nó vờn quanh cả ở khu sông Rừng

...

- Bò vàng có con cá song

Nó ở Cửa Lục nó vòng sang Vân

Trong các bài họa về cá, giống cá không chỉ ghép tên và ghép vần mà được mô tả với những nét rất đặc trưng và sinh động.

Cá cuồng nó lượn xung xăng

Cá he ngậm nước phun bằng giòi mưa

Kìa như con cá đuổi sao

Vì nó vẫy chào mừng gặp cá ông

Cuối mỗi bài họa thường có câu kết nhưng cũng là để mở đầu cho một bài họa mới của bạn hát. Thí dụ:

Anh tài anh đã họa rồi  
Tài em, em họa một bài mà nghe

Hoặc:

Cá thì anh đã họa rồi  
Còn hoa em họa một bài anh nghe.

Hội vui đến mấy rồi cũng phải tàn, đó là lúc các điệu hát già bạn ( ra về ) được cất lên. Những lời hát già bạn cũng quyến luyến, cũng những lời ước hẹn hay hẹn ước, nhấn nhủ như già bạn trong hát quan họ:

Nam:           Lời thề nín dựng biển sâu  
                  Thủy chung tới tận bạc đầu không phai  
                  Cầm tay anh nắm cổ tay  
                  Anh nắm anh bóp anh xoay cho tròn

Nữ:           Xin chàng buông tay em ra  
                  Để em còn vội, làm chi bận lòng  
                  Biết chàng có thương em không  
                  Mà em quả quyết có công chờ chàng?

+ **Hò biển:** ( Còn gọi là hát chèo thuyền, hát chèo đường, hát ví, hát véo, hát đố giảng ). Gọi là “ hát chèo đường” không phải là điệu hát chèo mà ý nói điệu hát khi đi đường (đường biển).

Về lời ca, hò biển cũng chính là những bài hát giao duyên đối đáp như hát đúm.

Về giai điệu của lời hát này gần với giai điệu của giọng hò miền Trung nhưng mềm mại, chậm rãi, mênh mang, trữ tình hơn. Sau tiếng “ơ” ngân rất dài là lời hát gần như hát đúm, tiết tấu chậm, âm vực thấp, ai cũng có thể hát. Đây là những cuộc đối đáp giao duyên thường diễn ra rất tự nhiên trên vùng non nước Hạ Long kỳ diệu giữa các thuyền ngư dân. Giữa vùng non xanh nước biếc, những khi chung bến chung bờ, những khi buông neo chờ gió đợi nước, những khi động biển động trời, xin nhau miếng trâu, mời

nhau chén nước, nhất là những lúc chiều xuống trăng lên, ánh trăng rải vàng trên mặt vịnh, thuyền này hát gọi, thuyền kia đáp lời. Tiếng hát vang vọng ngân dài ẩn giấu lời tỏ tình bóng bẩy. Dầu chẳng nên duyên vợ chồng vợ thì cũng giải bày cho khỏi phụ lòng nhau. Nếu hợp cảnh hợp tình thì hát hỏi hát đáp, thử tài thử tình cho đến trắng đêm, sáng ra nhìn tỏ mặt tình nhân. Nhiều đôi thuyền hát hết đêm này đến đêm khác suốt một tuần trăng mới thật ngã lòng. Chính vì vậy hát giao duyên trên biển là những khúc hát say đắm nhất. Say đắm như trong lời hát:

Ồ...Hò !

Trên mây sa, dưới hòn Gà Chọi  
Anh hát câu này anh gọi nàng ra  
Những lời mình hát đêm qua  
Đêm này hát nữa mau ra hát cùng  
Hát cho con gái bỏ chồng  
Đàn ông bỏ vợ, nạ dòng bỏ con...

Khi những con thuyền đang đơn độc, bất chợt gặp một chiếc thuyền nô ra trước đảo đá, người con gái hò:

Gặp nhau ở quãng sông này  
Có cho chung mẹ chung thầy không anh ?

Người con trai đáp:

Mẹ cha anh đã hỏi rồi  
Chỉ chờ hai đứa chúng mình kết duyên.

Đôi khi lời hát cũng phảng phất nỗi buồn:

Sông sâu nước chảy về nguồn  
Anh về em ở thật buồn lắm thay

Người con trai an ủi:

Cất lên một tiếng cho vui  
Cất lên hai tiếng chúng mình quen nhau.

Người con trai muốn làm quên với cô gái, anh ta cất lên giọng hò.

Người con gái hò đáp lại dò hỏi:

Thuyền nào mà véo mà von  
Trời còn chưa tối, đầu non trăng mờ  
Có lòng thì đợi thì chờ  
Có lòng nhớ bên thương bờ thì neo

Người con trai hò trả lời:

Thuyền anh neo đã thả rồi  
Thương bờ nhớ bến đứng ngồi không yên  
Vì tình vì nghĩa vì duyên  
Ước gì chung một mạn thuyền đêm nay

Nữ hò:

Song song hai chiếc thuyền kê  
Bên ấy có chạt thì về bên đây  
Thuyền em chiếu giải màn vây  
Sao anh chèo chiếc thuyền này không sang ?

Nam đáp:

Sang chơi anh cũng muốn sang  
Bồ nông sánh với phượng hoàng nên chăng ?  
Ước gì chung gối chung chăn  
Chung mềm chung bát chung khăn đội đầu

Xưa kia, dân chài không có làng xóm trên bờ, các con thuyền nhỏ bé lênh đênh chỉ quen nhau, thân thiết với nhau qua giọng hò câu hát. Phần lớn trai gái dân chài nên vợ nên chồng từ tiếng hát. Hò biển trở thành phương tiện giao lưu, thành nhu cầu tình cảm nên hò biển có lời ca hết sức phong phú, đủ các cung bậc tình của tình yêu, có kín đáo duyên dáng lại có mê đắm suồng sã, có chân tình thuỷ chung lại có cả ghen tuông, giận hờn.

#### **+ Hát đám cưới:**

Hát đám cưới là tục lệ có từ lâu đời ở vùng các dân tộc thiểu số và cả vùng đồng bào Kinh. Song mỗi nơi có cách hát trong đám cưới khác nhau. Sách Đại Nam nhất thống chí chép: “ Về lễ giá thú thì mỗi nơi một khác. Tục huyện Hoành Bồ đến kỳ cưới, thì họ nhà gái đưa dâu ra cửa, con trai đi trước con gái đi sau, khi hôn lễ đã thành, hai họ cùng nhau hát xướng tặng

nhau bằng tiền; Tục châu Tiên Yên, nhà trai đến nhà gái, ở cửa có đặt bàn chần cửa trên treo hoa lá, ở bàn để trà cau, mỗi thứ một đôi và một đĩa hoa, lại có một cái đĩa để không, nhà trai nhà gái mỗi bên hai người lần lượt xướng hoạ, nhà trai lấy tiền đưa những người hát đối nhau.” Loại hình diễn xướng này gọi là hát cưới trên thuyền.

Hát cưới trên thuyền chính là một “ hội hát giao duyên”. Có thể gọi là một lễ hội mà phần lễ là đám cưới, phần hội là hát. Đám cưới thường được tổ chức vào những ngày giữa tháng âm lịch trong mùa cưới, từ tháng tám năm trước đến tháng ba năm sau. ( Những đêm giữa tháng, trăng sáng, cá ăn tãi, dân chài thường nghỉ đánh bắt nhưng lại là những đêm nước non lung linh kỳ ảo rất gọi tình ).

Nhà trai thường đi đón dâu bằng vài ba thuyền lớn. Thuyền nhà gái neo đậu sát nhau, trong đó có một thuyền lớn có bàn thờ gia tiên ở trong khoang giữa. Bên ngoài, trên mặt sạp phía mũi thuyền có chằng ba giải lụa thứ tự từ phía mũi thuyền về phía khoang giữa.

- Giải lụa màu xanh: Tượng trưng cho ngô khách
- Giải lụa màu vàng: Tượng trưng cho ngô cheo
- Giải lụa màu đỏ: Tượng trưng cho ngô hoa

Ở cửa vào trong khoang giữa còn treo một đôi chim bằng bông hoặc đan bằng tre dán giấy ( hình chim phượng hoặc chim câu ).

Dẫn đầu nhà trai là một vị cao niên trong họ được gọi là chánh sứ. Cuộc hát bắt đầu từ hát dậy gánh. Chẳng hạn chánh sứ hát:

Bây giờ đã đến giờ thân

Nào trai nào gái nhanh chân xuống thuyền!

Cũng có thể gia chủ hát, chẳng hạn:

Bây giờ đã đến giờ mùi

Xin mời chánh sứ, xin mời bù đa !

Đọc đường đi các chàng trai vui vẻ hát chúc chú rể nhưng chủ yếu là luyện giọng, sắp xếp đội hình, dự tính các tình huống để quyết thắng trong cuộc hát đấu với nhà gái.

Khi đến gần thuyền nhà gái, thuyền nhà trai lượn một vòng thuyền nhà gái, nhà trai cất tiếng dạo:

Lơ thơ buồn lá dạo ngoài  
Lạ lùng chẳng biết lạch ngòi ở đâu ?

Nhà gái giả vờ như không biết sự kiện trọng đại là đón dâu, nghe tiếng nhà trai, cất lời đáp lại:

Em còn mãi gió trông mây  
Ai ngờ tiên đã tới đây bao giờ

Khúc hát dạo này còn rất nhiều bài đối đáp, dân làng gọi là hát “ bớ lờ” ( giả tảng như tình cờ không biết).

Nhà trai:

Ở đây đất rộng người hiền  
Sao mà chẳng thấy người tiên ra chào  
Chẳng ngang điều đỏ phát phơ  
Hỏi rằng cửa thánh hay cò tào công  
Ai ra giữ cửa cho thông  
Hỏi rằng cửa thánh tài công mấy lần

Nhà gái:

Nê rằng đón khách hàng ngang  
Ngây thơ phận gái em xin ra chào

Lúc này mũi thuyền nhà trai đã buộc chặt đối diện với mũi thuyền nhà gái. Hai người ( thường là người hát ) bên họ nhà gái bước lên giữ chặt 2 đầu dải lụa xanh.

Nhà gái:

Khách nào mà tới làng ta  
Xem chừng viễn vọng bao la quản đường

Nhà trai:

Nhà anh ở huyện ba thường  
Cách làng ba xã anh thì tới đây

Nhà gái lại hỏi tiếp và nhà trai trả lời; sau vài câu trả lời hợp lẽ nhà trai cởi được “ ngõ khách”.

Nhà trai tiếp tục hát để mở “ngõ cheo”. Hát mở ngõ cheo cũng là hát đối đáp ý nhị. Chẳng hạn nhà trai chất vấn:

Đường đi thăm thăm neo thông  
Vi cây dây quán nhọc lòng đến đây  
Cớ sao chỉ mở ngõ nhoài  
Đường quang lại gặp chông gai chắn đường?  
Đã là giao kết thông thương  
Cớ sao rào giậu chắn đường nhà trai ?

Nhà gái cũng “đáo đẽ”:

Xin đừng ăn nói đơn sai  
Nhà quan cửa đóng then cài thâm nghiêm  
Đâu phải suồng sã buông tuồng  
Phải đâu bãi sù trãm đường vào ra !

Cuối cùng thì nhà gái cũng cởi dải lụa thứ hai, mở ngõ cheo. Cũng có khi chú bác cô dì...phải đưa tiền phong bao thay lời hát, nhất là khi không đối đáp nổi. Khi đưa tiền, thường có lời hát cách điệu, tượng trưng:

Ngày vui bác cũng mừng cho  
Một trăm nén bạc, mười bò gạo thơm...  
Dì cho mùi mẫn ruộng liền  
Một trăm sải lưới một thuyền gõ lim

Hát đám cưới hay nhất vẫn là **hát ngõ hoa**. Lúc này trăng đã lên rải vàng mặt vịnh, đôi bên toàn thanh niên đối đáp thi tài. Nhà trai là khách mua hoa, nhà gái là người bán hoa. Ẩn giấu trong những lời hỏi giá và mặc cả giằng co là tình yêu đôi lứa tha thiết đậm thắm mang đậm tính nhân văn.

Nhà trai hát mở “ngõ hoa”:

Hoa này em bán làm sao  
Đề anh định giá bước vào mua hoa

Nhà gái:

Hoa hồng bán một định mười  
Hoa lan hoa huệ bán đôi lạng vàng

Nhà trai:

Xin nàng cứ bán hoa ra  
Người đời cứ thế chẳng lo gì tiền  
Soạn tiền mua lấy hoa hồng  
Dem về kể tiếp tổ tông muôn đời

Nhà gái:

Em nay sắp bán hoa hồng  
Một trăm quan quý một đồng chẳng sai

Trong hát ngõ hoa thường có hát đố hát giảng. Bắt đầu là hỏi về các loài hoa, cách trồng hoa rồi miên man dẫn đến hỏi nhà, hỏi họ hàng, hỏi về thuyền, về cá, về các nghề trên cạn dưới nước, hỏi về các kiến thức thiên văn, địa lý, về lịch sử và văn chương. Có đến hàng trăm câu đố giảng về truyện Kiều và về các truyện thơ nôm mà dân chài rất thuộc. Có những câu hát đố rất giàu chất trí tuệ mà nếu không biết trước hoặc có thầy thợ bày cho cách giải thì rất dễ thua cuộc, chẳng hạn:

Đến đây hỏi khách tương phùng  
Con gì một cánh bay cùng nước non ?

Lời giải là :

Tương phùng nhắn bạn tương tri  
Con thuyền một cánh buồm đi tít trời !

Hay câu đố :

Nơi nào mà cao hơn trời  
Mà sâu hơn biển mà dài hơn tơ !

Lời giải là :

Trán người thì cao hơn trời  
Lòng sâu hơn biển, đường dài hơn tơ !

Trong hát đố giảng, đôi bên cũng hay dùng những nghệ thuật ngoa ngữ. Chẳng hạn hỏi chàng đã mấy lần đổ trạng nguyên, mấy lần đi sứ Tàu sang Tây, hỏi chàng có mấy ngàn mẫu ruộng, mấy trăm kẻ hầu người hạ, vàng bạc chàng chứa bao kho.. Lời giảng hay là ở cách biến báo thật nhanh, đặt lời vừa thông minh vừa tinh tú.



Say sưa đối đáp đến trắng đêm, cuộc hát lại quay về chuyện mua hoa, bán hoa. Một cô gái bung ra một mâm hoa tươi đủ loại hoa hái trong vườn, trên rừng. Một cô gái khác dùng đôi đũa dài thường làm bằng gỗ mun hoặc gỗ kim giao, gỗ mần láoi, gắp từng bông hoa bỏ vào vạt áo dài chàng trai và hát :

Chàng nâng vạt áo chàng ơi

Hoa rầu hoa dập tũ người bán hoa...

Cũng có đám, các cô lần lượt bán hoa cho từng người và mỗi bông hoa kèm một câu hát:

Hoa này đẹp cửa đẹp nhà

Hoa này thơm cả đường ra lối vào!

Hoa này chàng hãm chè Tàu

Hoa này chàng cắm bên lầu ngâm thơ!

Hoa này giữ trọn lời thề

Thủy chung chỉ quyết một bề thủy chung!

Hoa này nên vợ nên chồng

Nên tình nên nghĩa ở trong hoa này!

Trước khi bán hoa kết hoa hoặc trao luôn cả mâm hoa, đám cưới nào cũng có đoạn than hoa rất cảm động. Những người dự hát cưới trên thuyền bao giờ cũng đặc biệt chú ý đoạn than hoa của cô dâu hoặc phù dâu. Giọng hát hay đến mức nào và diễn xướng xúc động đến mức nào luôn là chỗ để hai họ tán thưởng và bình luận. Lời hát than hoa muôn vẻ nhưng bao giờ cũng bắt đầu bằng câu: “ Hoa hỡi hoa hỡi là hoa” và sau đó thường gửi gắm nỗi niềm xót xa phải xa mẹ xa cha bước sang thuyền người, lênh đênh vô định:

Hoa hỡi hoa hỡi là hoa

Từ đây hao có còn là tốt tươi

Hoa thơm trong vạt áo người

Rồi ra héo hắt rã rời cánh hoa  
Mai ngày hương sắc phôi pha  
Hoa tàn nhị rữa kiếp hoa lià cành  
Phải tay vùi giập phũ phàng  
Ong chê bướm chán bẽ bàng đời hoa...

- Hoa hỡi hoa hỡi là hoa  
Tiếc công hôm sớm mẹ cha vun trồng  
Từ đây nhà vắng vườn không  
Hoa trôi hoa giạt hải hùng nắng mưa...

- Hoa hỡi hoa hỡi là hoa  
Hôm nay chàng quý mai là còn yêu  
Hôm nay ngon ngọt trăm điều  
Mai này hoa khác làm xiêu lòng chàng  
Hôm nay tay đón tay nâng  
Mai ngày chàng giã bên đàng chàng đi!

Đương nhiên, trước nỗi dẫn đo day dứt xúc động ấy, chàng rể hoặc các phù dâu cũng có lời hát thề nguyện tốt đẹp:

Đã thề thắm thiết với hoa  
Bể sâu núi dựng với là trăng soi  
Yêu mình lắm lắm mình ơi  
Đôi ta ra lộng vào khơi chung tình..

Nhiều đám cưới ngoài hát mua hoa còn có hát mua chim. Cũng là mong loan phượng có đôi, mong chim được nuôi trong nước trong gạo trắng, và cuối cùng cũng là than cảnh cá chậu chim lồng. Nhiều cuộc hát đám cưới say đắm không phân thắng bại, thực chất là cuộc hát giao duyên chưa muốn kết thúc mà trời đã sáng, nhà trai đành xin phép nhà gái trao tấm khăn hoặc

chiếc nón đưa về lấy ngày rồi tìm thầy tìm thợ để đêm sau hát tiếp. Có đám cưới hát tròn ba đêm mới đón được cô dâu sang thuyền. Cũng có lúc muốn dứt điểm ngay.

Bên nhà trai hát:

Trăm hoa anh đã mua rồi

Yêu hoa mua cả mấy người bán hoa

Rồi bung cả đĩa hoa đổ vào vạt áo. Cởi được ngô hoa nhà trai thường

hát:

Bây giờ quá Ngọ sang Mùi

Xin bên họ gái đưa dâu ra ngoài

Bên nhà gái lại hát dùng dằng:

Bây giờ đã đến giờ đâu

Mà anh lại vội đón dâu về phòng

Nhà trai hát dục:

Đường đi thăm thăm nẻo ngang

Đường về lẽ tỏ tơ hồng còn xa

Nhà gái lại hát:

Ở đây cách một khúc sông

Sao anh không chém cây thông làm cầu

Nhà trai ứng xử rất nhanh:

Anh về xẻ ván còn lâu

Anh đưa vạt áo bắc cầu em sang

Nhà gái chụi thua và đồng ý để đón dâu:

Bà cô ông chú đi đâu

Ra mà đón lấy nàng dâu này về

Đôi bên nội ngoại tương về

Ra mà đón lấy nàng dâu về bái tiên

Lúc này lễ tiễn cô dâu bắt đầu. Nhà trai nhà gái dìu cô dâu và hát:

Bước chân ra mũi mà về

Phận gái ai cũng một thì mà thôi

Cô dâu sang thuyền nhà trai, nhà trai hát chúc cô dâu. Bà mỗi cũng thường hát chúc những bài rất dài:

...

Trong xã nổi tiếng nức danh  
Chồng khôn vợ khéo đã thành thất gia  
Giai thì thi đỗ đấng khoa  
Gái thì được chữ bước ra nhà người

Nhà gái dặn dò nàng dâu:

Về làm con cái nhà người  
Tần tảo khuya sớm nhà người chớ vong  
Tề gia nội trợ tam tông  
Kính nhường cha mẹ bên chồng cho minh.

....

Trước khi sang thuyền nhà trai, bao giờ cô dâu cũng hát lạy ông bà, cha mẹ, hát từ biệt anh chị em bằng giọng than sùi nước mắt.

Trên đường đón dâu về, hai họ vẫn hát đối đáp. Đến nhà trai trong tiệc cưới lại hát mừng, hát chúc gia chủ và đôi vợ chồng trẻ.

Như vậy, phần hát chủ yếu trong đám cưới trên thuyền là hát giao duyên. Những lời hát đối đáp, hát đố giáng ở ngõ hoa trong đám cưới cũng thường gặp trong hát chèo đường và ngược lại.

Rất tiếc là tục hát đám cưới trên thuyền với hình thức hát qua ba lần mở ngõ và hát mua hoa bán hoa, mua chim bán chim không duy trì được. Một phần vì hoàn cảnh chiến tranh, việc cưới xin được đơn giản hoá, một phần vì không ít người cho là hủ tục lạc hậu, nhất là từ những năm 1960, các xóm chài lên đênh được định cư trên bờ để xây dựng các hợp tác xã nghề cá, điều kiện để giao duyên khác trước, các loại hình sinh hoạt văn hoá mới được phổ biến đã đẩy lùi loại hình nghệ thuật dân gian này vào quên lãng.

Qua những gì đã trình bày ở trên có thể đánh giá, làng chài Cửa Vạn là nơi có nguồn tài nguyên phát triển du lịch phong phú, độc đáo thể hiện nhiều tiềm năng kinh tế lớn:

Một là: tiềm năng đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trên Vịnh Hạ Long, là nơi cung cấp một phần hải sản phục vụ khách du lịch, một phần cho xuất khẩu đem lại lợi nhuận cao.

Hai là: tiềm năng giao thông đường thủy; với hệ thống luồng lạch dày đặc, rất thuận lợi cho việc giao thông, tàu bè đi lại dễ dàng.

Ba là: Cửa Vạn là nơi có những giá trị văn hoá bản địa độc đáo mang sắc thái của biển, là một trong những địa điểm tin cậy, hấp dẫn với du khách đến tham quan Vịnh Hạ Long.

Như vậy, làng chài Cửa Vạn là nơi lưu giữ những nét Việt Nam độc đáo và khác biệt, có một môi trường thiên nhiên tuyệt vời, lại nổi tiếng sẵn như Vịnh Hạ Long, làng chài Cửa Vạn có đầy đủ các điều kiện để trở thành một địa chỉ văn hoá hấp dẫn. Cùng với sự phát triển kinh tế chung của thành phố Hạ Long và tỉnh Quảng Ninh, chắc chắn nền kinh tế làng chài sẽ phát triển để người dân có điều kiện sống tốt hơn; cùng với đó là việc gìn giữ và bảo tồn những nét văn hoá độc đáo của làng chài.

## **2.3: Hiện trạng phát triển du lịch ở làng chài Cửa Vạn.**

### **2.3.1: Hiệu quả kinh doanh:**

Hiện nay, phương tiện chủ yếu để đi thăm Vịnh Hạ Long vẫn là tàu du lịch, loại hình mới là ngắm Vịnh Hạ Long từ trên cao bằng trực thăng mang lại cảm giác mới lạ và toàn diện hơn nhưng do chi phí cao và không quan sát được cụ thể nên vẫn chưa phổ biến.

Các chuyến tàu đi thăm Vịnh đã hình thành các tuyến tham quan chủ yếu là:

- 1- Tuyến 1: Cảng tàu du lịch Bãi Cháy ( hoặc cảng bến được ghi trong giấy phép rời cảng)- Động Thiên Cung - Hang Đầu Gỗ - Hòn Đỉnh Hương- Hòn Trống Mái.
- 2- Tuyến 2: Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Động Thiên Cung - Hang Đầu Gỗ- Hòn Đỉnh Hương - Hòn Trống Mái - Hang Sừng Sốt - Bãi tắm Ti- Tốp ( hoặc bãi Soi Sim).

- 3- Tuyến 3: Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Bãi Soi Sim - Động Mê Cung -làng Chài Cửa Vạn- Hồ Ba Hầm.
- 4- Tuyến 4: Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Động Thiên Cung - Hang Đầu Gỗ- Hòn Chó Đá - Hòn Đinh Hương - Hòn Trống Mái - Hang Sừng Sốt- Bãi tắm Ti - Tốp ( hoặc bãi Soi Sim)- Hang Tam Cung ( hoặc Mê Cung).
- 5- Tuyến 5: Bến tàu khách Cẩm Phả - Đảo Thỏ Vàng - Vịnh Hạ Long.
- 6- Tuyến 6: Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Cửa Ông( Cẩm Phả)- Bãi Dài ( Vân Đồn).
- 7- Tuyến 7: Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Đảo Quan Lạn
- 8- Tuyến 8: Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Đảo Cát Bà ( Hải Phòng)

Việc sắp xếp các đối tượng thành tuyến tham quan trên Vịnh là căn cứ vào vị trí địa lý thuận tiện của chúng và thời gian trung bình tham quan để du khách lựa chọn theo sở thích và hoàn cảnh. Việc sắp xếp các tuyến tham quan chỉ là ước lệ, không tuân thủ một cách cứng nhắc. Du khách có thể hoàn toàn tham quan tự do theo sở thích. Thực tế hiện nay khách du lịch chủ yếu đi theo tuyến 1 và 2 ( chiếm khoảng từ 75- 80 % tổng số khách thăm Vịnh Hạ Long), tuyến 7 chiếm khoảng 10%, các tuyến khác lượng khách đi rất ít.

Tuyến 3 và 4, tại các điểm Mê Cung, làng chài Cửa Vạn và Hồ Ba Hầm dịch vụ còn quá nghèo nàn, chưa có đội ngũ quản lý như các điểm khác, đồng thời là tuyến đi có thời gian dài ( từ 6 đến 8 tiếng), thực tế chưa phù hợp với chương trình tour mà các hãng lữ hành đã chào bán cho khách từ trước ( giá tour thấp); mặt khác các chủ tàu cũng muốn đưa khách đi tuyến ngắn để quay vòng tàu trong ngày (đảm bảo đi được 2 chuyến), do đó 2 tuyến này hầu như vắng khách( tỷ lệ dưới 1%).

Trong các tuyến tham quan trên chỉ có tuyến 3 và tuyến 8 đi đến làng chài Cửa Vạn:

- Nếu đi theo tuyến 3, tàu đi theo lịch Cửa Vạn đến Vũng Tàu Đầm chiêm ngưỡng hòn Con Cóc, sau đó sẽ tiến ra Cửa Vạn, rẽ về phía Đông-Nam để đến thăm Hồ Ba Hàm.

- Với tuyến 8, trên đường đến Cát Bà tàu sẽ đi qua Cửa Vạn.

Ngoài ra, còn có một lượng khách nhỏ đến từ những tuyến lẻ do họ tự đặt ra hành trình. Lượng khách này rất hạn chế về số lượng nhưng lại chủ yếu là khách có thu nhập cao, khả năng chi trả lớn như những nhà nghiên cứu, khách đi du lịch tuần trăng mật,..

Theo “ Báo cáo tình hình kinh tế, văn hoá- xã hội của cư dân làng chài Cửa Vạn” ngày 14/01/2005 của Ban Quản lý Vịnh Hạ Long, thì Số lượng khách du lịch đến Cửa Vạn từ ( 2001-2004) như sau:

Đơn vị tính: Lượt khách

| Năm                     | 2001 | 2002 | 2003 | 2004 |
|-------------------------|------|------|------|------|
| Tổng số Khách           | 2869 | 3425 | 4315 | 6024 |
| Trong đó: Khách quốc tế | 1051 | 1894 | 2312 | 3054 |

Về thị phần khách du lịch: Khách tham quan chủ yếu đến Cửa Vạn là khách Pháp, Ý, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ và Việt Nam. Do cơ chế chính sách của Nhà Nước ban hành như miễn Visa cho khách du lịch Nhật Bản, Hàn Quốc đến Việt Nam và cho phép hàng không Việt Nam và một số hãng quốc tế mở đường bay trực tiếp từ Việt Nam đến các thị trường tiềm năng như Nhật, Hàn Quốc, Mỹ tạo cho du lịch Quảng Ninh những cơ hội phát triển mới do có sự bùng nổ của thị trường khách du lịch từ các quốc gia này.

Thời gian thăm quan chủ yếu là vào mùa hè. Thời gian lưu trú của khách là từ 1 đến 2 tiếng đồng hồ.

Mục đích tham quan:

- Ngắm cảnh, chụp ảnh: chiếm 90%
- Tìm hiểu đời sống ngư dân: chiếm 39%

- Nghiên cứu: chiếm 4%
- Mua hải sản : chiếm 3%

Mặc dù có nhiều đoàn khách tới thăm quan Cửa Vạn, song do ở đây chưa có một dịch vụ hay cơ sở lưu trú nào để đón khách nên các đoàn tham quan chỉ ghé qua một vài giờ là đi ngay, khó có thể để lại ấn tượng sâu sắc cho du khách.

Hiệu quả kinh doanh du lịch tại Cửa Vạn còn rất thấp, chủ yếu là từ việc bán hải sản và dịch vụ bán hàng hoá phục vụ khách du lịch và kinh doanh dịch vụ ăn uống, chưa có sản phẩm đa dạng. Nguyên nhân chính là do chưa có chương trình du lịch nào khai thác những nét văn hoá độc đáo của làng chài nên các giá trị văn hoá ở Cửa Vạn chưa được giới thiệu đến du khách. Công trình trung tâm văn hóa nổi ở Cửa Vạn với số vốn đầu tư hơn 1 tỉ đồng được đi vào hoạt động thực sự là một sự đầu tư khoa học và phù hợp với thực tiễn trong tiến trình khai thác tài nguyên du lịch ở Cửa Vạn phát triển du lịch.

Hiện nay, các gia đình ngư dân Cửa Vạn chủ yếu sống bằng nghề nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản để bán, hoạt động chở đò, bán hàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền..

Hoạt động mang lại thu nhập cao nhất cho ngư dân chính là đánh bắt, nuôi trồng hải sản và kinh doanh dịch vụ ăn uống. Hiện nay, ở Cửa Vạn có 5 nhà hàng nổi, có quy mô vừa phải (đón được từ 60- 95 khách). Điều kiện thuận lợi của các nhà hàng này là có nguồn hải sản tươi sống sẵn có, giá cả phải chăng do mua tận gốc hoặc do tự nuôi. Trung bình mỗi ngày các nhà hàng này đón từ 400- 560 khách, chủ yếu là vào mùa hè. Mức độ tiêu thụ sản phẩm khá, doanh thu của mỗi nhà hàng ước tính đạt mỗi tháng 470 triệu ( vào những tháng cao điểm ).

Hoạt động chèo đò chở khách hoặc cho thuê đò mang lại doanh thu 365 triệu ( năm 2003) và 412 triệu ( năm 2004) cho làng chài.

Các hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng nhỏ ( 14%) trong tổng số thu nhập của làng chài. Mức thu nhập trung bình của mỗi hộ gia đình ở làng chài Cửa Vạn là 1.325.000đ/ tháng. Đây là mức thu nhập khá cao do có



nguồn khách ổn định và hải sản thời gian gần đây tăng cao hơn. Tuy nhiên, ở thôn vẫn có những hộ rất nghèo, chỉ đủ ăn do chưa phát triển được kinh tế.

### **2.3.2. Tác động của hoạt động du lịch và sự quan tâm của địa phương đến môi trường tự nhiên, xã hội ở Cửa Vạn.**

#### **2.3.2.1. Tác động của du lịch đến môi trường tự nhiên Cửa Vạn:**

Vịnh Hạ Long là một trong những môi trường biển điển hình của Việt Nam, chứa đựng trong lòng các nguồn tài nguyên phong phú và có giá trị đặc biệt về: cảnh quan thiên nhiên, địa chất - địa mạo, đa dạng sinh học và văn hoá - lịch sử. Từ những giá trị đặc biệt đó, Vịnh Hạ Long có nhiều tiềm năng to lớn (để phát triển kinh tế - xã hội địa phương và toàn vùng), đó là giao thông - cảng biển, đánh bắt nuôi trồng thủy sản và đặc biệt là phát triển dịch vụ du lịch. Tuy nhiên, Vịnh Hạ Long cũng là môi trường hết sức nhạy cảm cần được bảo vệ.

Một trong những hoạt động có nguy cơ lớn đe dọa trực tiếp đến môi trường cảnh quan của Vịnh Hạ Long hiện nay là hoạt động phát triển dịch vụ- du lịch. Với tốc độ phát triển du lịch khá nhanh trong khu vực Di sản hiện nay nếu không được quản lý, kiểm soát chặt chẽ chắc chắn sẽ dẫn đến tình trạng cảnh quan môi trường bị xâm hại, ô nhiễm do hậu quả các chất thải sinh hoạt, phương tiện và ý thức kém của du khách.

Ngoài hoạt động dịch vụ - du lịch trên, hiện nay trong khu Di sản còn có một số hoạt động ảnh hưởng khác như: các dự án phát triển đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, nuôi cá lồng bè, nuôi ngọc trai, đặc biệt là hiện tượng phát triển gia tăng dân cư sinh sống trên các nhà bè nổi hiện nay tại một số khu vực Vịnh Hạ Long.

Hoạt động du lịch tại làng chài Cửa Vạn cũng ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường Vịnh với số lượng khách đông, lượng rác thải do du khách mang lại mỗi ngày ở khu vực làng chài cũng lên tới 530m<sup>3</sup> ( bao gồm cả chất thải rắn và lỏng). Các hoạt động mua bán xăng dầu trên Vịnh của bà con ngư dân cũng là một mối lo vì nó đe dọa sự ô nhiễm giống như khả năng xảy ra các sự cố trên Vịnh như loang dầu hay đắm tàu. Do đó, lượng rác thải của người dân làng chài Cửa Vạn là rất lớn.

Trước đây, nhận thức của người dân còn kém, theo kết quả nghiên cứu về nhận thức của ngư dân về môi trường sống của chính họ đã thu được kết quả như sau: 50,5% không biết về Vịnh Hạ Long, 53,4% biết rằng Vịnh Hạ Long được công nhận là di sản thế giới và tỏ ra đặc biệt tự hào về điều này. Số người biết Vịnh Hạ Long được công nhận là di sản vì có phong cảnh đẹp là 46,3% và vì giá trị địa chất là 10,5%. 24,7% biết rằng Vịnh Hạ Long được công nhận năm 1994; 13,6% biết được công nhận năm 2000. Ngoài ra, còn một tỷ lệ nhỏ khác cho rằng Vịnh Hạ Long được công nhận di sản thế giới bởi có nước biển sạch, giá trị đa dạng sinh học.

11,5% số hộ được hỏi cho rằng môi trường Vịnh Hạ Long không bị ô nhiễm; 42,3% cho rằng bình thường; 24,3% thấy có nguy cơ bị ô nhiễm và 16,6% cho rằng môi trường Vịnh Hạ Long bị ô nhiễm.

Hoạt động nuôi trồng và đánh bắt hải sản cũng rất cần được quan tâm. Việc sử dụng các công cụ đánh bắt trái phép như kíp mìn hay dùng điện hoặc đánh bắt hải sản trái phép không chỉ ảnh hưởng đến môi trường Vịnh mà còn gây hậu quả đối với con người.

Việc dùng các phương tiện di chuyển theo hướng hiện đại hoá từ thuyền nan, thuyền thúng sang thuyền gắn động cơ như hiện nay cũng rất dễ làm tổn hại đến môi trường. Tiếng ồn, khói và khả năng thất thoát dầu xuống biển là không thể tránh khỏi.

Trên các vách núi đá và trong hang động ở núi Ngọc và hồ Ba Hầm, việc tham quan của du khách và cả người dân làng chài khiến cho cảnh quan mất dần vẻ hoang sơ tự nhiên. Việc lấy các tiêu bản tự nhiên như phong lan, nhũ đá, côn trùng và động vật cũng làm cho môi trường Vịnh kêu cứu. Những dấu ấn của du khách và ngư dân để lại như chữ viết, hình vẽ làm xấu cảnh quan của Vịnh rất nhiều. Tại các điểm du lịch này, tình trạng rác thải bừa bãi cũng không tránh khỏi mặc dù đã có sự đầu tư cho những thiết bị chứa rác, biển báo kêu gọi giữ gìn vệ sinh.

Hiện nay, vấn đề bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long đang được tiến hành với mức độ ưu tiên cao nhất và nhiều chiến lược, kế hoạch cụ thể.

Đầu tiên là việc nghiêm cấm các hành động xả rác và nước thải chưa xử lý xuống Vịnh. 100% các hộ dân trong làng chài đã ký cam kết bảo vệ môi trường. Họ được trang bị dụng cụ vớt rác và các dụng cụ chứa rác và nước thải trên thuyền. Tại thôn Cửa Vạn có 3 thùng rác lớn có dung tích 300m<sup>3</sup>, hàng ngày đều có tàu của Công ty môi trường đô thị đến thu gom vào lúc 16h30' chiều.

Các hình thức xử lý vi phạm nghiêm khắc bằng hành chính và pháp luật cũng góp phần giảm thiểu việc vi phạm. Nhưng quan trọng nhất là ý thức người dân Cửa Vạn đã được cải thiện rất nhiều trong vấn đề bảo vệ môi trường.

Để phục vụ cho việc nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục về di sản, tính đến nay, Ban quản lý Vịnh đã xuất bản được 12 đầu sách, 3 loại bản đồ và hàng loạt các băng, đĩa CD, VCD, CDROM, phim tài liệu nghệ thuật về Hạ Long. Việc đưa công tác giáo dục, bảo vệ môi trường di sản cho đối tượng là học sinh trong trường học cũng là một giải pháp đúng đắn, hiệu quả, có tính định hướng, bền vững và lâu dài.

Ban Quản lý Vịnh Hạ Long đã mở 06 đợt vận động các tầng lớp nhân dân tham gia làm sạch, đẹp các bờ biển, khu du lịch vào các dịp ngày lễ lớn, ngày môi trường thế giới 30/4, 19/5, 05/6, 02/9.

Đặc biệt từ năm 1999 đến nay, Ban đã liên tục phối hợp với báo Quảng Ninh, đài phát thanh truyền hình Quảng Ninh mở chuyên mục về di sản. Cuối năm 2004, Trung tâm văn hoá nổi Cửa Vạn đã được xây dựng và đưa vào hoạt động từ năm 2005 đến nay đã góp phần làm giảm tải áp lực về môi trường từ phái ngư dân làng chài Cửa Vạn. Ngoài ra, Ban Quản lý Vịnh Hạ Long đã kết hợp với cảng tàu du lịch trên Vịnh và thành lập đội thu gom rác tại mỗi làng chài với sự tham gia của chính các ngư dân. Rác thu gom được sẽ đem lên chân núi đốt hoặc thu gom về các thùng rác lớn đặt tại làng chài Cửa Vạn, hàng ngày đều có tàu của Ban quản lý Vịnh ra thu gom vào đất liền. Được tuyên truyền giáo dục, họ nhận ra lợi ích của việc bảo vệ môi trường sống cho chính mình. Vì vậy, trường hợp xả rác xuống biển từ các tàu du lịch và tàu thuyền ở Cửa Vạn không còn nữa. Nước thải ra Vịnh bước

đầu đã được xử lý, làm cho môi trường biển của Vịnh Hạ Long trong sạch hơn.

Theo thông tư hướng dẫn bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long số 2891, ngày 19/12/1996 của Bộ KH-CN và môi trường thì: “ Các phương tiện giao thông trên biển và trên không qua lại khu vực bảo vệ tuyệt đối phải có các thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm môi trường như: két chứa nước thải, thùng chứa rác thải, bình chứa dầu rò rỉ không xả chất thải, nước thải xuống khu vực bảo vệ tuyệt đối ” và theo quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm sông do tàu gây ra của Bộ GTVT tại phụ lục 11 có quy định: “ Cấm thải bất kỳ chất có hại nào trên tàu xuống vùng nước của vùng đệm và vùng phụ cận của Vịnh Hạ Long”.

Thực hiện Quyết định số 2055/ QĐ- UB của UBND tỉnh, thành phố đã triển khai dự án thu gom rác trên biển ( Tổng dự án: 350 triệu đồng ), mua sắm 02 tàu thu gom rác trên biển ( trong dự án thoát nước và VSMT thành phố Hạ Long với tổng giá trị: 700 triệu đồng ).

Việc hạn chế và đi đến ngăn cấm việc phát triển của loại hình bè mảng kinh doanh dịch vụ ăn uống trên Vịnh cũng mang lại hiệu quả lớn về môi trường.

Thời gian qua, trước sức ép lớn về môi trường từ các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, Tỉnh luôn nỗ lực thực hiện các giải pháp cơ bản nhằm cải thiện tình hình và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ, quản lý môi trường Vịnh Hạ Long. Cụ thể như, đưa toàn bộ hoạt động vận chuyển và chế biến than ra khỏi trung tâm thành phố Hạ Long, lập dự án nghiên cứu đánh giá tác động của sản xuất than và du lịch tới môi trường di sản; xúc tiến thực hiện quy hoạch quản lý môi trường Vịnh Hạ Long đến năm 2010; triển khai thực hiện dự án cấp thoát nước thành phố Hạ Long và thị xã Cẩm Phả, có chính phủ Đan Mạch tài trợ xây dựng Trung tâm xử lý nước thải thành phố đặt tại khu vực Bãi Cháy; quy hoạch làng chài nổi trên Vịnh nhằm quản lý tốt môi trường, vận động nhân dân tham gia chương trình bảo vệ di sản. Đặc biệt, Tỉnh đã kiến nghị với Chính phủ về việc di chuyển cảng nổi Trà Bàu ra khỏi khu vực di sản, phân công trách

nhiệm quản lý cho các cơ quan đơn vị, nhà máy xí nghiệp đóng trên địa bàn Vịnh Hạ Long và vùng phụ cận.

Hiện nay, Ban Quản lý Vịnh Hạ Long đang khẩn trương triển khai dự án thu gom chất thải rắn trên Vịnh, đặc biệt là tại các khu vực hang động, bãi tắm, các làng chài trong khu di sản, tiếp tục tiến hành các chương trình giáo dục cộng đồng bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long. Đến năm 2010, các dịch vụ vệ sinh môi trường Vịnh Hạ Long phải được đưa vào hoạt động.

Hoạt động đánh bắt cá trái phép cũng bị xử lý, tháng 7/2003, người dân Cửa Vạn đã giao nộp 11 kíp mìn và 2 lưới điện. Từ đó đến nay, hoạt động đánh bắt cá chưa xảy ra tình trạng vi phạm nào.

Cùng với Ban quản lý Vịnh Hạ Long và Công ty Môi trường Đô thị của thành phố Hạ Long, 5 hộ dân trong làng chài đã tự nguyện làm công tác thu gom rác quanh thôn và các chân đảo gần làng chài. Chính việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân đã giúp họ hiểu rằng: Bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long chính là ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực từ các hoạt động của con người và tự nhiên làm ô nhiễm và suy thoái môi trường, giá trị Vịnh Hạ Long.

#### **2.3.2.2. Tác động đến môi trường kinh tế- xã hội của làng chài Cửa Vạn:**

##### **+) Tác động về kinh tế:**

Vào những năm 90 về trước, ngư dân làng chài chủ yếu sinh sống trên những thuyền nhỏ, ít thuận lợi cho sinh hoạt. Ngày nay, 42% số hộ dân đã có những nhà bè khang trang và tiện lợi để sinh sống, vừa phục vụ việc nuôi trồng vừa sinh hoạt. Theo số liệu khảo sát mới nhất của Ban Quản lý Vịnh Hạ Long thì 79% số hộ dân được hỏi cho rằng mức sống của gia đình họ khá hơn từ 5 năm trở lại đây, chủ yếu là nhờ mức giá cả hải sản tăng và nghề mới nuôi cá lồng. Rất ít hộ có nguồn thu nhập phụ. Đánh bắt hải sản và nuôi cá lồng bè vẫn là phương kế chủ yếu của cộng đồng làng chài.

16,4% nhận xét rằng: đời sống của họ không thay đổi gì. Các hộ này chủ yếu sống bằng nghề đánh bắt, ít vốn, không đủ sức nuôi cá lồng nên thu nhập hoàn toàn phụ thuộc vào sản lượng đánh bắt.

56% số hộ thấy được sự thay đổi về văn hoá xã hội; 68,1% cho rằng có sự thay đổi về giáo dục và 11,5 % cho rằng có sự thay đổi về y tế. Điều này cho thấy đời sống của người dân làng chài đã thực sự được nâng lên một bước do có sự quan tâm của Đảng và Nhà Nước, đồng thời cũng do sự phát triển tất yếu của du lịch trên Vịnh Hạ Long.

Ở làng chài Cửa Vạn, 78,2% số hộ được hỏi có nhu cầu chuyển đổi công việc; 3,8% không có nhu cầu và 20,5% chưa định hướng được nghề nghiệp cho mình.

Khi được hỏi: “ Nhu cầu chuyển đổi công việc là gì?” thì 29,2% số hộ được hỏi mong muốn được chuyển sang nghề kinh doanh; 3,8% tham gia vào hoạt động dịch vụ, du lịch; 1,2% làm vệ sinh môi trường; 1,2% làm y tế; 13,9% muốn làm đồ thủ công mỹ nghệ; 1,2% muốn tham gia vào các hoạt động văn hoá và 36,7% muốn làm các công việc khác như tham gia vào các hoạt động của trung tâm nuôi trồng thuỷ sản...

Với các hộ sinh sống bằng nghề đánh bắt cá, 65,3% số hộ cho rằng họ chỉ đi đánh bắt gần bờ và 23% đánh bắt xa bờ. Hiện nay, toàn thôn Cửa Vạn chỉ có 15 hộ có phương tiện đánh bắt xa bờ. 75,6% số hộ tiêu thụ hải sản ngay tại các thuyền thu mua trên biển và 29,5% mang về tiêu thụ trong đất liền.

Nhiều hộ gia đình trong thôn rất mong Nhà Nước tăng nguồn vốn cho vay phát triển kinh tế để có đủ điều kiện chuyển sang nuôi cá lồng bè, hiệu quả cáo hơn và ít may rủi hơn.

Trong 176 hộ gia đình ở thôn Cửa Vạn thì 81 hộ có ti vi ( chiếm 46%); 65 hộ có đài ( chiếm 36,5%). Các hộ còn lại chủ yếu dựa vào kinh nghiệm thực tế và vốn hiểu biết xã hội ít ỏi để sinh sống.

Như vậy, hoạt động du lịch và đầu tư của Nhà Nước đã góp phần quan trọng để phát triển kinh tế, nâng cao mức sống của người dân Cửa Vạn, đồng thời qua đó, sự hiểu biết và tiếp thu các nguồn thông tin mới cũng đưa nhận thức của người dân lên một bước mới. Điều đó thực sự là một điều kiện để thúc đẩy du lịch phát triển mạnh mẽ hơn trên địa bàn làng chài.

**+) Tác động đến môi trường xã hội:**

Bên cạnh những tác động tích cực đến mức sống kinh tế của làng chài, hoạt động du lịch cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã ảnh hưởng nhiều đến môi trường xã hội ở đây theo cả hai hướng: tích cực và tiêu cực.

Mặt tích cực là điều kiện học tập, giao lưu và đón nhận những nét văn hoá mới, những thành tựu mới của xã hội được nâng cao. 96% số trẻ em của làng chài được đi học, 38% người lớn chưa biết chữ được theo học các lớp xoá mù. Điều này giúp cho nhận thức của người dân được cải thiện, dễ tiếp cận và học hỏi những kiến thức mới mẻ.

Việc xoá mù chữ cho người dân Cửa Vạn đã được tiến hành từ năm 1998 và thu được nhiều kết quả tốt đẹp. Hiện nay, Tỉnh Quảng Ninh đang phấn đấu hoàn thành phổ cập tiểu học cho làng chài để tiến tới phổ cập trung học cơ sở.

Việc UBND thành phố Hạ Long trang bị cho thôn một ti vi màu, 1 tổng đài điện thoại mini đặt tại nhà trưởng thôn đã giúp người dân biết đến các thông tin với đất liền một cách cập nhật và nhanh chóng.

Khi tiến hành thăm dò với người dân làng chài Cửa Vạn, Ban Quản lý Vịnh đã thu được kết quả như sau:

- 69,6% số người được hỏi cho rằng họ thường xuyên sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như đài, tivi, 31,3% không thường xuyên sử dụng và 19% không bao giờ sử dụng các loại hình này.

- 62,9% đối tượng quan tâm đến chương trình thời sự, 68,5% thích chương trình thể thao văn hoá; 30,4% quan tâm đến chương trình thời tiết và 1,2% thích các chương trình khác như: khuyến ngư, kinh tế, câu lạc bộ người cao tuổi.

Gần đây làng chài cũng có thêm các loại hình giải trí như: văn nghệ, các cuộc thi đấu do UBND Tỉnh và Ban Quản lý tổ chức: thi chèo thuyền, thi nấu cơm,..Các hoạt động lễ hội, văn hoá, tín ngưỡng cũng được chính quyền quan tâm, tạo điều kiện tổ chức hoặc hỗ trợ kinh phí cho việc tôn tạo, phục hồi.

Từ tháng 8/2002, UBND tỉnh Quảng Ninh đã chỉ đạo Ban Quản lý Vịnh Hạ Long thực hiện việc nghiên cứu và khôi phục nền văn hoá ở các làng chài trên Vịnh Hạ Long. Đội dự án làng chài Cửa Vạn được thành lập và đã hoạt động rất hiệu quả trong suốt 3 năm qua. Hoạt động của Đội dự án được UBND và các ban ngành khác quan tâm hỗ trợ, được sự ủng hộ của chính bà con ngư dân ở các làng chài nên kết quả thu được rất lớn. Đội dự án đã tái dựng lại những hoạt động sinh hoạt văn hoá của làng chài từ xa xưa, dựa trên những thông tin và nguồn tư liệu quý giá là chính những người già trong thôn. Các thông tin này đã được tập hợp, nghiên cứu và khôi phục lại, ghi lại bằng hình ảnh, âm thanh, các kỹ thuật hiện đại để lưu giữ. Các tài liệu này cũng được ban hành và phổ biến trên truyền hình, truyền thanh để mang đến một nét văn hoá mới cho cộng đồng. Đồng thời, Ban Quản lý đã có sự hỗ trợ để khuyến khích bà con làng chài lưu giữ những nét văn hóa đó trong đời sống của mình, trong sinh hoạt và các dịp lễ tết đặc biệt. Điều quan trọng là tuyên truyền để bà con hiểu tính chất quan trọng của việc bảo tồn nền văn hoá phục vụ du lịch và nghiên cứu khoa học lợi ích về tinh thần và vật chất mà giá trị văn hoá ấy mang lại để họ có ý thức hơn trong việc gìn giữ cho cộng đồng và cho thế hệ sau. Không chỉ hướng vào việc tổ chức, khôi phục lại các hoạt động lễ hội phục vụ du lịch mà cần có sự quy hoạch xây dựng các trung tâm văn hoá để du khách có thể tìm hiểu rõ hơn về nét văn hoá làng chài. Hiện nay, trong dự án Bảo tàng sinh thái Hạ Long, Trung tâm Văn hoá nổi Cửa Vạn đã được đưa vào hoạt động và đạt những kết quả tốt. Trung tâm được hỗ trợ của UBND tỉnh, chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tài trợ chính và do Ban quản lý Vịnh thực hiện. Tại Trung tâm, các hoạt động văn hoá của làng chài được đưa ra giới thiệu với những hiện vật, hình ảnh và tư liệu đầy đủ. Ngoài ra, đây cũng là địa điểm trưng bày và bán những sản phẩm lưu niệm thủ công do người dân làng chài làm ra.

Thanh niên ở làng chài có nhiều cơ hội việc làm với các nghề dịch vụ, du lịch. Họ được tham gia nhiều phong trào và hoạt động mới mẻ, bổ ích như các cuộc thi, hội thao, hưởng ứng các cuộc vận động về môi trường hay



sinh đẻ có kế hoạch. Điều đó giúp cho khả năng hoà đồng và hội nhập của họ tốt hơn.

Tuy nhiên, những ảnh hưởng tiêu cực cũng bắt nguồn từ chính sự giao lưu và phát triển kinh tế đó. Số thanh niên phạm pháp để kiếm sống cũng nhiều hơn.

Tháng 12/2004 và tháng 05/2005, Ban Quản lý Vịnh và các ban ngành chức năng của tỉnh đã kiểm tra và xử lý các đối tượng bám theo tàu du lịch bán hàng rong và hành nghề ăn xin. Xử lý trên 10 trường hợp vi phạm, phạt hành chính 8 triệu đồng, tịch thu phương tiện và hàng hoá. Dẹp bỏ 01 trường hợp kinh doanh xăng dầu trái phép và xử phạt hành chính với hai vụ khai thác, bán san hô trái phép. Tổ chức bắt hai vụ đánh bạc gồm 18 đối tượng (gồm cả người dân Cửa Vạn và người ở nơi khác đến). Bắt quả tang hai vụ trộm cắp tại làng chài, khởi tố đề nghị truy tố.

Đây quả là những báo động về sự xuống cấp của đạo đức con người của ngư dân làng chài Cửa Vạn – nơi mà trước nay chưa hề có các hành vi phạm pháp; vấn đề an ninh và mối quan hệ cộng đồng rất tốt đẹp. Mặc dù hiện nay hiện tượng thanh niên đánh bạc, uống rượu, đánh nhau, mâu thuẫn giữa các thuyền cá ở địa phương khác vào tạm trú tại khu vực Cửa Vạn; hoặc hiện tượng trộm cắp như: cắt lưới lấy trộm cá, thuyền và các ngư cụ đánh bắt không nhiều, những cũng cần chấn chỉnh và giáo dục để môi trường xã hội trong sạch hơn.

## **TIÊU KẾT CHƯƠNG 2:**

Có thể khẳng định cộng đồng cư dân làng chài Cửa Vạn đang giữ trong mình kho tàng những di sản văn hóa phi vật thể quý báu và phong phú của một làng Việt cổ hiếm có được ẩn giấu trong lòng của một Di sản thiên nhiên thế giới. Tuy nhiên, kho tàng di sản văn hóa này đang có nguy cơ biến dạng và mất đi. Việc khai thác du lịch ở Cửa Vạn cần có nhiều sự đầu tư hơn nữa để có một môi trường du lịch tốt, bao gồm cả môi trường tự nhiên và xã hội; đồng thời tạo nên một điểm du lịch hấp dẫn với các “ sản phẩm văn hóa” độc đáo thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

## **CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở LÀNG CHÀI CỬA VẠN**

### **3.1. Giải pháp về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch:**

#### **3.1.1. Về giao thông vận tải và cơ sở lưu trú:**

Đây là một trong những nhân tố chính cho sự phát triển của du lịch, đặc biệt là du lịch quốc tế. Với vị trí địa lý đặc biệt của mình, làng chài Cửa Vạn được bao bọc xung quanh bởi những dãy núi đá vôi, bên cạnh có nhiều luồng lạch; đây là một vị trí lý tưởng cho các tàu bè neo đậu tránh gió bão và giao thông thuận lợi an toàn.

Do đó đối với phương tiện tham gia giao thông chủ yếu trên Vịnh là tàu du lịch cần được gia tăng về số lượng và chất lượng như:

- Mở thêm các điểm neo đậu cho tàu du lịch trên Vịnh
- Có sự kiểm soát gắt gao để các tàu, thuyền không đảm bảo an toàn không được tiếp tục tham gia giao thông. Tạo ấn tượng tốt đẹp bằng cách trang trí đẹp mắt về hình thức. Tiện nghi trên tàu cần được đảm bảo làm vừa lòng khách và tạo tâm lý an toàn như: phải có đủ phao, xuống cứu hộ, có trang bị máy bộ đàm.

- Bổ sung và nâng cấp đội ngũ tàu thuyền du lịch để có khả năng phục vụ cùng lúc 5000 khách du lịch tham quan trên Vịnh Hạ Long. Tăng thêm các tàu du lịch chất lượng cao, đặc biệt là các tàu phục vụ nghỉ đêm trên Vịnh có chất lượng tương đương với khách sạn 3-4 sao trên bờ để đáp ứng nhu cầu của đối tượng khách có thu nhập cao.

- Nâng cao năng lực hoạt động của trung tâm cứu hộ, cứu nạn thông qua việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và tổ chức bộ máy cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao.

- Xây dựng các Trung tâm Thông tin Du lịch để cung cấp các thông tin cần thiết liên quan cho khách du lịch trong đó có những thông tin và yêu cầu liên quan đến an ninh, trật tự.

- Tại làng chài Cửa Vạn cần có dịch vụ lưu trú để giữ chân khách. Do đó cần đầu tư xây dựng những hệ thống nhà nổi trên bè hoặc trên thuyền. Hệ thống lưu trú này vừa độc đáo vừa mang nét truyền thống của làng chài, giản dị, mộc mạc để khách và ngư dân được hoà đồng, những cũng phải đảm bảo tiện nghi cho nhu cầu sinh hoạt của khách. Nên có sự phối hợp và tạo điều kiện để người dân làng chài kinh doanh cơ sở lưu trú dưới sự kiểm soát của Ban Quản lý Vịnh và các ban ngành liên quan. Điều này sẽ tạo cơ hội cho khách du lịch khám phá thực tế và thưởng thức một cách chân thực nhất nền văn hoá của làng chài một cách gần gũi và thân thiện

### **3.1.2. Đầu tư về cơ sở hạ tầng phục vụ cuộc sống của làng chài:**

Với điều kiện sống trên mặt nước, phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên, người dân làng chài Cửa Vạn rất cần sự quan tâm giúp đỡ của Nhà Nước và cơ quan, tổ chức để nâng cao chất lượng cuộc sống của mình.

- Địa phương cần có các chính sách cho ngư dân vay vốn không tính lãi (hoặc với mức lãi thấp) để phục vụ việc tôn tạo tàu bè, đầu tư cho các phương tiện đánh bắt xa bờ. Hỗ trợ ngư dân về vốn và kỹ thuật để nuôi cá lồng, vừa tăng hiệu quả sản xuất vừa hạn chế rủi ro trong đánh bắt.

- Đầu tư xây dựng các công trình công cộng như lớp học, nơi vui chơi giải trí. Có thêm nhiều hoạt động văn hoá văn nghệ phục vụ bà con như: chiếu phim, phát hành sách báo miễn phí.. để phục vụ nhu cầu giải trí và học hỏi của ngư dân.

- Ban Quản lý Vịnh và Sở Tài nguyên Môi trường cần đầu tư thêm cho hệ thống xử lý rác thải như: tàu thu gom rác, thiết bị chứa rác, các dụng cụ thu gom rác,..

## **3.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch:**

### **3.2.1.Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành Du lịch Quảng Ninh:**

- Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển du lịch trước mắt cũng như lâu dài là nhiệm vụ có tính chiến lược. Trọng tâm của công tác này là tập trung đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao cho đội ngũ CBNV hiện

có và đào tạo mới một số ngành nghề còn thiếu và còn yếu trong các cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ bổ sung khác của các doanh nghiệp. Để có được đội ngũ lao động có trình độ nghiệp vụ cao cần củng cố và nâng cao chất lượng của hoạt động đào tạo nguồn nhân lực.

- Sở VH,TT&DL Quảng Ninh cần liên kết với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo chuyên ngành du lịch để thường xuyên mở các lớp đào tạo hướng dẫn viên, nâng cao nghiệp vụ buồng bàn, các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý du lịch và ngoại ngữ. Khuyến khích cán bộ nhân viên trong ngành tập trung đào tạo tại các trường, các cơ sở đào tạo chính quy đảm bảo chất lượng.

- Đầu tư về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy tại các cơ sở để học viên được đào tạo sát thực tế, được thực hành nhiều với các chương trình học có tính ứng dụng cao.

- Biên soạn tài liệu có nội dung thống nhất phục vụ hoạt động thông tin, tuyên truyền hướng dẫn du lịch Hạ Long: Để làm việc này cần thành lập một nhóm biên tập do Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ chủ trì với sự tham gia của đại diện ngành du lịch và Ban Quản lý Vịnh Hạ Long để rà soát lại nội dung các tài liệu đã có. Thống nhất chỉnh sửa những sai sót, nhầm lẫn hoặc những vấn đề nhạy cảm nói trên với từng loại khách du lịch. Kinh phí sử dụng cho hoạt động nói trên có thể trích từ một phần Quỹ quảng bá xúc tiến du lịch, một phần từ nguồn thu của Ban quản lý Vịnh Hạ Long.

- Tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ đào tạo, tập trung cho việc nâng cao trình độ nghiệp vụ du lịch, hướng dẫn và trình độ ngoại ngữ.

- Rà soát lại chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo đã được cấp giấy phép như: định kỳ hàng năm, Sở VH,TT&DL và Ban Quản lý Vịnh Hạ Long cần tổ chức tập huấn hoặc thi hướng dẫn viên để không ngừng nâng cao chất lượng, bổ sung những nội dung mới, đồng thời rút kinh nghiệm, khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém.

- Để nâng cao được chất lượng hướng dẫn viên trước hết cần được nâng cao từ các cơ sở đào tạo, sau đó là khâu tuyển chọn của Ban Quản lý Vịnh Hạ Long và Sở VH,TT& DL Quảng Ninh. Tuy nhiên, đội ngũ hướng

dẫn viên hiện nay được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau do đó cần có những định hướng chung về nội dung và tiêu chuẩn hướng dẫn viên. Đặc biệt cần thường xuyên tổ chức cho đội ngũ hướng dẫn viên được giao lưu học hỏi kinh nghiệm trong nước và quốc tế.

- Sử dụng và giám sát hướng dẫn viên tại các điểm du lịch: Để đảm bảo chất lượng hướng dẫn tại các điểm du lịch, cần có cơ chế giám sát đối với các hướng dẫn viên từ các địa phương khác, nghiêm khắc với yêu cầu ngừng hướng dẫn nếu không đảm bảo nội dung và chất lượng nghiệp vụ, đồng thời sẵn sàng cho thuê hướng dẫn viên tại chỗ để phục vụ mọi đối tượng khách du lịch.

- Huy động sự hỗ trợ về kinh phí từ chính các công ty du lịch, các đơn vị có liên quan để mở các phong trào hoạt động cho ngành du lịch.

- Biểu dương tinh thần của cán bộ nhân viên trong ngành qua các cuộc thi, các dịp lễ hội du lịch của địa phương và quốc gia. Đồng thời, có sự khen thưởng kịp thời để ghi nhận những đóng góp của họ.

- Thu hút những người có trình độ và kinh nghiệm về công tác hoặc giảng dạy trong ngành du lịch về Quảng Ninh với chế độ đãi ngộ thoả đáng.

- Đặc biệt với loại hình du lịch văn hoá tại làng chài thì rất cần có một đội ngũ nhân viên có sự am hiểu, say mê nghiên cứu và nhiệt tình. Các hướng dẫn viên, nhân viên phục vụ tại Trung tâm văn hoá nổi Cửa Vạn cần tìm ra được nét khác biệt độc đáo về văn hoá của ngư dân để giới thiệu cho du khách. Cách tốt nhất là đào tạo được một đội ngũ hướng dẫn viên từ chính con em ngư dân làng chài. Điều này vừa làm tăng sự hứng thú cho du khách, vừa góp phần nâng cao ý thức tự giác của người dân làng chài trong việc bảo tồn văn hoá, bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long.

### **3.2.2. Nâng cao trình độ dân trí cho người dân làng chài**

- Để nâng cao trình độ dân trí của người dân Cửa Vạn, UBND tỉnh Quảng Ninh và các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức, cơ quan ban ngành chuyên môn cần quan tâm đến đời sống của bà con ngư dân làng chài hơn nữa. Tăng cường việc trang bị về mặt vật chất cho làng chài, đặc biệt là

các trang thiết bị nghe nhìn và thông tin liên lạc, để họ cập nhật thông tin của đất liền và có điều kiện học tập khoa học kỹ thuật tiên bộ hơn.

- Sự quan tâm về mặt vật chất cũng cần được huy động trong toàn dân. Mở các đợt quyên góp trong các tổ chức để hỗ trợ người dân làng chài bằng tiền, đồ dùng sinh hoạt, sách vở,..

- Xây dựng các phòng học nổi để học sinh không phải học ca 3. Đầu tư trang thiết bị và đồ dùng dạy học đúng tiêu chuẩn.

- Sở Giáo dục- Đào tạo Quảng Ninh cần kết hợp với Ban Quản lý Vịnh Hạ Long có các hình thức khuyến khích việc đưa trẻ em đến trường đúng độ tuổi, đồng thời vận động người dân thực hiện xoá mù chữ bằng các biện pháp khen thưởng, tuyên dương.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho người dân làng chài học cao hơn, hỗ trợ bằng tiền, có chính sách miễn giảm học phí khi theo học trong đất liền.

- Huy động thêm lực lượng giáo viên có trình độ và nhiệt huyết ra làng chài giảng dạy. Tạo điều kiện cho các giáo viên thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao về trình độ, tăng cường khả năng phổ biến kiến thức. Hỗ trợ thêm về mặt vật chất cho giáo viên.

- Kêu gọi sự đầu tư, tài trợ cho giáo dục ở làng chài bằng các cuộc vận động. Các hoạt động từ thiện, quyên góp, bán đấu giá các sản phẩm thủ công của ngư dân, các bức tranh của các em thiếu nhi.. để xây dựng nguồn kinh phí giáo dục ổn định cho làng chài.

- UBND tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hạ Long cùng với Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch và Ban Quản lý Vịnh Hạ Long cần tăng cường hoạt động tuyên truyền phổ biến trên diện rộng đến bà con ngư dân về tác dụng tích cực của hoạt động xoá mù chữ, của việc bảo vệ môi trường và có thái độ tích cực với hoạt động du lịch tại làng chài. Cụ thể hoá bằng các cuộc ra quân, các lớp tập huấn, các cuộc thi tìm hiểu hoặc các bản cam kết với ngư dân.

### **3.3. Giải pháp bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long.**

### **3.3.1. Một số giải pháp có tính vĩ mô nhằm bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long về trước mắt và lâu dài:**

#### ***a) Giải pháp tăng cường tuyên truyền, quản lý, giáo dục cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường Vịnh.***

Việc tuyên truyền sâu rộng về giá trị Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long và những yêu cầu về bảo vệ môi trường Vịnh là một trong những biện pháp hữu hiệu hàng đầu cần được đặc biệt quan tâm. Công tác này cần hướng tới mọi tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp, các cấp, các ngành và với cả du khách đến tham quan Vịnh Hạ Long. Tỉnh Quảng Ninh chủ trương đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường trên toàn tỉnh và vận động, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia bảo vệ môi trường Vịnh.

- UBND tỉnh, thành phố; Sở VH,TT&DL tỉnh Quảng Ninh và Ban Quản lý Vịnh Hạ Long cần tích cực phối hợp, liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu, các nhà khoa học trong và ngoài nước, triển khai các hoạt động nghiên cứu, từng bước làm sáng tỏ những giá trị của Vịnh Hạ Long như: đa dạng sinh học, văn hoá, lịch sử địa chất, khí hậu, môi trường, thuỷ văn... Từ đó làm cơ sở nền tảng cho việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

- Tăng cường phối hợp với các đài, báo ở Trung ương và địa phương nhằm tuyên truyền, quảng bá rộng rãi về di sản thế giới Vịnh Hạ Long đến người dân trong tỉnh, đến khách du lịch và đặc biệt là ngư dân các làng chài trên Vịnh.

- Đưa công tác giáo dục, bảo vệ môi trường di sản đến các đối tượng học sinh trong trường học để các em sớm có nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Không chỉ bó hẹp trong việc tuyên truyền lý thuyết mà cần tổ chức các hoạt động tham quan, ngoại khoá... để các em có nhận thức được giá trị to lớn của di sản. Để thực hiện tốt được công tác này cần có sự tham gia phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục- đào tạo và Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, các cuộc thi tìm hiểu, thi vẽ, thi văn nghệ về Vịnh Hạ Long và công tác bảo vệ môi trường cho cộng

đồng cư dân, đặc biệt là ngư dân các làng chài trên Vịnh. Tổ chức tuyên truyền cụ thể đến các hộ ngư dân thông qua những buổi họp dân, những dịp lễ, hội..

- Định kỳ tổ chức những buổi ra quân của cộng đồng nhằm tham gia bảo vệ môi trường Vịnh như: thu gom rác thải tại nơi sinh sống, trồng rừng ngập mặn tại các bãi triều,..

- Vận động thành lập những đội thu gom rác thải ở mỗi làng chài với sự hỗ trợ về phương tiện thu gom rác từ Sở Tài nguyên và môi trường, Công ty Môi trường và đô thị cùng Ban Quản lý Vịnh Hạ Long.

**b) *Giải pháp củng cố và tăng cường năng lực quản lý bảo vệ Di sản:***

Củng cố và tăng cường năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến các địa phương, các ngành và của các cơ quan chức năng trực tiếp tham gia bảo vệ Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long là một trong những yêu cầu bắt buộc, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các quy định của Chính phủ Việt Nam và của UBND tỉnh Quảng Ninh về bảo vệ Di sản. Tỉnh sẽ tiếp tục ban hành các quy định về công tác quản lý bảo vệ môi trường đối với các lĩnh vực kinh tế đặc thù trên địa bàn: dịch vụ du lịch, sản xuất than, phát triển đô thị, giao thông vận tải thủy, cảng biển, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản... Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm khắc, các hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

**c) *Giải pháp quy hoạch, kế hoạch và đầu tư sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên bảo vệ môi trường:***

- Đảm bảo thực hiện đồng bộ các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, lồng ghép các yêu cầu bảo vệ môi trường trong các quy hoạch lãnh thổ, quy hoạch ngành và các dự án phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch quản lý chất thải đô thị và các khu công nghiệp. Từng bước có giải pháp đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở bảo vệ môi trường tạo khu vực đô thị cũng như ở các vùng trọng điểm.



- Sử dụng có hiệu quả quỹ môi trường của Tổng Công ty than Việt Nam và các nguồn thu phí bảo vệ môi trường, phí tham quan Vịnh Hạ Long.. trong việc thực hiện các biện pháp quản lý môi trường Vịnh.

- Có chính sách thích hợp thu hút các doanh nghiệp và tư nhân, các đoàn thể xã hội cùng tham gia chương trình bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long. Tăng cường đầu tư cho các chương trình xoá đói giảm nghèo, giảm tăng dân số, hỗ trợ dân cư ven bờ và các làng chài thay đổi tập quán sinh hoạt, sản xuất có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường Vịnh Hạ Long.

### **3.3.2. Một số giải pháp cụ thể về bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long hiện nay:**

#### ***a) Với các loại phương tiện tàu thuyền du lịch hoạt động trên Vịnh:***

- Kiểm chế sự gia tăng số lượng tàu thuyền du lịch trên Vịnh. Tập trung hướng quan tâm vào vấn đề chất lượng, kỹ thuật phương tiện hơn là về số lượng.

- Sở Giao Thông- Vận Tải phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý Vịnh và Sở VH,TT& DL nghiên cứu lập quy hoạch cụ thể, phát triển hoạt động của các loại hình phương tiện vận chuyển chuyên chở khách du lịch trên Vịnh cho phù hợp với yêu cầu Quản lý Di sản cả về trước mắt và lâu dài. Trong đó đặc biệt quan tâm đến tiêu chuẩn hoá tàu thuyền du lịch về tính thẩm mỹ và vệ sinh môi trường.

- Đối với các phương tiện đang hoạt động cần rà soát, kiểm tra đánh giá chất lượng cụ thể, kiên quyết loại bỏ những tàu thuyền cũ nát, không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh môi trường. Đồng thời, chỉ cấp giấy phép hoạt động cho các phương tiện đủ điều kiện, đảm bảo vệ sinh môi trường khi hoạt động phục vụ trên Vịnh, cụ thể như: có hệ thống chứa, xử lý chất thải lỏng đạt tiêu chuẩn môi trường, có đủ phương tiện tham quan xử lý rác thải sinh hoạt trên tàu ...

- Đặc biệt quan tâm đến vấn đề tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm môi trường đối với du khách và nhân viên phục vụ trên tàu du lịch, coi đó là một trong những giải pháp quan trọng thường xuyên không thể thiếu được trong công tác đảm bảo môi trường Vịnh Hạ Long.

***b) Đối với các khu vực hoạt động dịch vụ du lịch, hang động, bãi tắm, vui chơi giải trí và các làng chài trên Vịnh:***

Căn cứ Quyết định số 1821/QĐ-UB, ngày 13/6/2005 của UBND tỉnh Quảng Ninh “ V/v quy định tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Vịnh Hạ Long” và yêu cầu công tác đảm bảo môi trường trên Vịnh hiện nay, trước mắt Ban Quản lý Vịnh sẽ triển khai thực hiện nhiệm vụ theo nội dung dự án “ Thu gom và xử lý chất thải rắn trên Vịnh”. Cụ thể như sau:

**+ Mục tiêu chung:**

- Nâng cao năng lực quản lý môi trường trên địa bàn.  
- Quản lý, kiểm soát được chất thải gây ô nhiễm môi trường Vịnh Hạ Long, đặc biệt là lượng chất thải rắn và lỏng. Hạn chế thấp nhất nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và suy thoái môi trường Di sản Vịnh Hạ Long về trước mắt và lâu dài.

- Thực hiện mục tiêu nhà nước và cộng đồng dân cư cùng tham gia giữ gìn và bảo vệ môi trường Di sản Thế giới Vịnh Hạ Long.

**+ Mục tiêu cụ thể:**

- Thu gom, xử lý được cơ bản các chất thải rắn tại các điểm du lịch, hang động, bãi tắm. Tại các điểm này Ban Quản lý Vịnh Hạ Long sẽ cho lắp đặt hệ thống toilet sinh thái ( mỗi điểm đặt hai hệ thống: Đảo Ti Tốp, Động Mê Cung, Động Tam Cung..) để thay thế cho các toilet theo kiểu cũ ( hố xí thấm dột nước). Đồng thời trang bị đầy đủ hệ thống thùng đựng rác công cộng vừa và nhỏ đặt tại các vị trí thích hợp, thuận lợi cho các du khách đến tham quan.

- Thu gom, xử lý rác thải tại các điểm trên làng chài trên Vịnh: Cửa Vạn, Ba Hang, Bò Nâu, Cặp La, Vông Viêng...Hàng ngày, bà con ngư dân tập trung chất thải vào. Thùng rác công cộng có sức chứa lớn đặt ở khu vực dân cư, sau 3-5 ngày đội quản lý môi trường của Ban sẽ bố trí tàu ra chở về cảng giao cho Công ty Môi trường đem đi xử lý.

- Tại các điểm hoạt động khác trên Vịnh như nhà hàng nổi, dịch vụ, khu nuôi trồng thủy sản.. Những cơ sở này có trách nhiệm tập trung rác thải

vào các thùng rác lớn, Đội quản lý môi trường của Ban sẽ bố trí lực lượng, phương tiện tham quan trên tàu mang về bờ xử lý.

- Yêu cầu các hộ ngư dân kinh doanh dịch vụ ăn uống phải di chuyển khỏi vùng bảo vệ tuyệt đối, khu đệm vùng bảo vệ tuyệt đối và vùng Vịnh Cửa Lục để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến vùng Vịnh. Ban Quản lý Vịnh Hạ Long cần phối hợp với các ban ngành có liên quan triển khai khảo sát, kiểm tra, phân loại và xử lý đối với các hộ ngư dân vi phạm. Tuyên truyền để người dân nắm được sự cấp thiết của việc di dời, đồng thời cũng phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để hình thành điểm neo đậu như biển báo, phao tiêu, các phương án đón tiếp các chủ hộ bè mảng, tàu thuyền khi di chuyển đến để sớm ổn định chỗ ở và cuộc sống.

- Đối với các vùng mặt nước còn lại: Đội quản lý môi trường Ban Quản lý Vịnh Hạ Long sẽ tổ chức thường xuyên việc thu gom, vớt rác trôi nổi bằng các phương tiện chuyên dùng như: tàu vớt rác, lưới, vợt,..

#### + **Tổ chức nhân lực:**

Hiện nay, Ban Quản lý Vịnh Hạ Long đã được UBND Tỉnh cho phép thành lập Đội Quản lý môi trường có nhiệm vụ quản lý môi trường trên phạm vi Vịnh Hạ Long. Dự kiến bước đầu đơn vị này sẽ có hai bộ phận: Bộ phận quản lý và bộ phận trực tiếp thu gom. Tổng số nhân lực: 34 người, trong đó: Bộ phận quản lý: 3 người ( 1 người phụ trách, 2 kế toán phụ trách thu phí, hoá đơn chứng từ..). Bộ phận trực tiếp: 30 người, gồm có: 24 người trực tiếp thu gom tại các điểm trên Vịnh, 6 người quản lý điều khiển phương tiện chuyên dùng. Để phục vụ công tác, Đội quản lý môi trường sẽ được trang bị một số phương tiện cần thiết cho công việc thu gom: gồm có các tàu chuyên chở rác, thùng rác có sức chứa lớn và nhỏ, thuyền nan nhỏ chèo thuyền, vợt vớt rác,...

### **3.4. Xây dựng các chương trình du lịch, các tuor du lịch, những sản phẩm du lịch mới.**

Như chúng ta đã biết, duy trì tính đa dạng là một trong mười nguyên tắc phát triển du lịch bền vững, sự đa dạng trong môi trường thiên nhiên, văn hóa và xã hội là một thế mạnh mang lại khả năng đột biến cho ngành du lịch. Tuy nhiên hiện nay, tour du lịch văn hoá ở làng chài Cửa Vạn chưa chính thức được đưa vào hoạt động, các đoàn khách du lịch đến thăm làng chài Cửa Vạn chỉ là một điểm du lịch trên suốt tuyến du lịch Hạ Long- Bờ Nâu- Cát Bà, hoặc chỉ do tự phát ở vài khách lẻ.

Bên cạnh việc bảo vệ và khai thác tốt những giá trị tiềm năng tự nhiên to lớn của di sản Vịnh Hạ Long, chúng ta cần phải thực sự quan tâm đến việc giữ gìn, khai thác và phát huy có hiệu quả những giá trị về mặt văn hoá- lịch sử của di sản. Đó cũng chính là một nhiệm vụ quan trọng cần được quan tâm giải quyết trong quá trình nghiên cứu xây dựng quy hoạch tổng thể bảo tồn, khai thác phát huy toàn diện giá trị của Vịnh Hạ Long. Theo đó, cần phải đầu tư xây dựng những tuyến tham quan du lịch để du khách có thể tiếp cận được những giá trị lịch sử, văn hoá đa dạng, hấp dẫn, mà làng chài là một nội dung quan trọng.

Tập thể quần thể những địa chỉ như: các di tích lịch sử văn hoá, kiến trúc đình, chùa, đền miếu trên đảo, dấu tích thương cảng Vân Đồn xưa, các điểm hang động có di chỉ khảo cổ tiền sử và những cư dân làng chài trên Vịnh với nét văn hoá truyền thống độc đáo của vùng biển Hạ Long,.. các địa chỉ này sẽ hợp thành một “ Công viên lịch sử - văn hoá” trong lòng di sản, tạo thành một hành trình hấp dẫn và thực sự thú vị với sự pha trộn ngẫu nhiên của di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long.

Trong phương án tổ chức hoạt động trên Vịnh Hạ Long của Sở VH,TT&DL Quảng Ninh có dự án phát triển các điểm du lịch mới trên Vịnh; mà chú ý nhất là dự án khu công viên Thung lũng Biển ( bao gồm khu vực Hồ Ba Hàm, Hang Trai ). Đây là khu vực đặc trưng duy nhất có ở Việt Nam, du khách có thể thưởng thức đặc trưng này bằng các hình thức: Chèo thuyền ngắm cảnh, lặn biển, thăm khu nuôi cấy ngọc trai, tìm hiểu văn hoá làng chài,...

Chương trình cụ thể:

- **Vị trí địa lý:** Nằm lọt giữa đại dương có một thung lũng nước nổi thông với nhau tạo ra nhiều không gian luồn lách dưới vách đá để chui vào thung lũng. Do đó cái tên gọi mở cho du khách đến một thung lũng nước nằm trong lòng biển.

- **Các loại hình có thể tổ chức tại đây như:** tham quan, thám hiểm dưới đáy đại dương, lặn và bơi lội, tắm hiêm, vui chơi dưới nước. Ngoài ra khu vực này tương đối kín gió nên có thể tạo thành nơi cư trú ban đêm.

- **Quy mô:** 6475 ha. Bao gồm: từ đảo Hang Trai- H. Ván Soi- đảo Ba Trái Đào- hòn Ba Răm- hòn Chét Sáp- H. Cặp Gù- Hòn Lã Vọng- đảo Cát Bà- Vịnh Lan Hạ- đảo Đầu Bê.

- **Các khu chức năng chủ yếu:**

+ Khu ngủ trên biển: Đặt tại hòn Gỏi với quy mô 50 phòng, được ghép lại với nhau bằng những con thuyền nhỏ và trên mỗi con thuyền được bố trí 2-3 phòng.

+ Khai thác bãi tắm biển tại hòn Lã Vọng, hòn Cát Dài, hòn Vạn Bội.

+ Khu nuôi ngọc trai: xây dựng một khu trung tâm giới thiệu và bán sản phẩm đặt tại phía tây – hòn Rùa Giống.

+ Khu đua thuyền đặt tại giáp khu vực nuôi ngọc trai.

+ Bố trí bến tàu lặn tại hòn Dút. Hình thành tuyến lặn từ hòn Cát Dưa Con đến hòn Thoi Nhụ.

+ Khu thung lũng biển và nơi tổ chức du lịch leo núi : đặt tại đảo Đầu Bê

+ Tổ chức tuyến tắm nước ngọt tại Hồ Ba Hầm

+ Tổ chức tour thăm quan làng chài Cửa Vạn

+ Bến tàu: Phục vụ du khách từ những điểm khác nhau trong hệ thống tuyến tàu du lịch đến dừng chân.

Hi vọng trong tương lai gần dự án Thung lũng biển sẽ được đưa vào thực tế và trở thành một sản phẩm du lịch mới, góp phần giới thiệu nét văn hoá độc đáo của ngư dân vùng Vịnh- những chủ nhân của di sản thế giới một cách rộng rãi đến du khách trong và ngoài nước.

Việc phát triển tuyến, điểm và sản phẩm du lịch mới, chất lượng cao song song với việc nâng cao chất lượng tuyến, điểm và sản phẩm du lịch đang khai thác. Xuất phát từ quan điểm môi trường và phát triển bền vững, do đó loại hình du lịch cần ưu tiên phát triển tại Hạ Long là du lịch sinh thái và văn hoá. Đây là loại hình du lịch phù hợp vừa bảo tồn, vừa phát huy được các giá trị đặc trưng nhất của khu vực. Du lịch sinh thái và văn hoá là mô hình lý tưởng đối với việc phát triển bền vững vì nó thu hút được sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động phát triển du lịch và bảo tồn di sản. Do đó, có thể phát triển một số loại hình sản phẩm du lịch như:

+ Du lịch tham quan danh thắng, hang động, thưởng ngoạn cảnh vịnh ban đêm,..

+ Du lịch vui chơi giải trí, mua sắm: Tắm biển, nhảy dù, đua thuyền, lướt ván, leo núi, câu cá, chèo thuyền, ngắm cảnh, mua hàng lưu niệm, mua hải sản,..

+ Du lịch lặn biển, thám hiểm, tham quan nghiên cứu khoa học: Bảo tàng Hải Dương học, bảo tàng địa chất, bảo tàng san hô, ..

+ Du lịch văn hoá khảo cổ: tìm hiểu giá trị địa chất, tìm hiểu giá trị văn hoá lịch sử, tìm hiểu nét văn hoá độc đáo, các điệu hò biển, hát đối,.. và cuộc sống ngư dân, tìm hiểu các di chỉ, di tích lịch sử,...

Trên cơ sở trên, có thể xây dựng một số chương trình du lịch tham quan làng chài như:

### **1- Tour du lịch: “ Một ngày ở Cửa Vạn”**

Lịch trình được xây dựng trên cơ sở du lịch Homestay, khách du lịch đến Cửa Vạn được sắp xếp ăn nghỉ ngay tại các hộ ngư dân ở làng chài. Tại đây du khách sẽ được học tập cách sinh hoạt như một dân chài thực thụ.

Du khách sẽ được tham gia vào đời sống sản xuất cùng gia đình ngư dân như hoạt động đánh bắt hải sản: thả lưới, kéo lưới, đan lưới, phân loại cá,.. Trong quá trình tham gia như vậy, khách du lịch sẽ được ngư dân giải thích về đặc điểm môi trường sống của họ, các kinh nghiệm dân gian, các phong tục tập quán của dân vạn chài.

Buổi chiều, khách có thể tham gia cùng các đội tình nguyện của làng đi thu gom rác quanh khu vực Cửa Vạn trên những chiếc thuyền nhỏ. Hoạt động này giúp cho khách du lịch về ý thức bảo vệ môi trường di sản. Sau đó, khách có thể cùng ngư dân làng chài tham gia các hoạt động giải trí như tắm biển, leo núi, chèo thuyền kayak thoả sức chiêm ngưỡng những vẻ đẹp nguyên sơ, thơ mộng của các hang động có lối đi nhỏ mà thuyền lớn không vào được như khu vực Hồ Ba Hầm, đảo Đầu Bê,...

Buổi tối, khách sẽ cùng tham gia sinh hoạt cộng đồng cùng với làng chài như nghe hò biển, câu mực,...

## **2- Tour du lịch tuyến 2 ngày trở lên:**

Bến tàu du lịch Tuần Châu- Động Thiên Cung- Lùm Bò- Làng chài Cửa Vạn- Hồ Ba Hầm- đảo Cát Bà- Bến tàu du lịch Tuần Châu.

Phương tiện : tàu du lịch

Thời gian: 2 ngày 1 đêm ( Nghỉ đêm trên tàu hoặc Cát Bà).

Bên cạnh việc xây dựng các chương trình du lịch mới, cần có sự kết hợp điểm du lịch làng chài Cửa Vạn với các tuyến tham quan đã được hình thành từ lâu và có vị trí thuận lợi gần với làng chài. Việc đó vừa giảm thiểu chi phí cho việc xây dựng tuyến mới lại tăng sự mới mẻ, hấp dẫn cho chương trình du lịch .

## **3.5. Giải pháp xúc tiến và quảng bá du lịch.**

- Tiếp tục đổi mới hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch gắn với chiến lược phát triển thị trường. Không ngừng đổi mới hình thức, chất lượng và phương thức quảng bá xúc tiến để phù hợp với thị trường khách theo hướng từng bước chuyên nghiệp hoá như: Quảng cáo về làng chài và các chương trình du lịch liên quan trên các tạp chí của ngành và trên các phương tiện truyền hình; Gửi các chương trình du lịch tại làng chài đến các công ty du lịch trong và ngoài nước kèm theo hình ảnh sinh động; giới thiệu về điểm du lịch Cửa Vạn trong những lễ hội du lịch, các hoạt động lớn của quốc gia mà tỉnh có tham gia hoặc đứng ra tổ chức,...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin ( mạng Internet, trang Web, Kiot điện tử) cho các hoạt động quảng bá: liên tục cập nhật thông tin về các làng chài trên các trang web giới thiệu về Quảng Ninh, Hạ Long hay xây dựng một trang web riêng về làng chài Cửa Vạn với các hình ảnh đẹp và sinh động.

### **TIỂU KẾT CHƯƠNG 3:**

Những giải pháp trên đều xuất phát từ chính thực trạng phát triển của du lịch Hạ Long nói riêng và du lịch Quảng Ninh nói chung. Đó là hiện trạng của việc phát triển du lịch còn thiếu quy hoạch chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của tuyến, điểm du lịch.

Việc đầu tư nghiên cứu, bảo vệ, khai thác và phát huy những giá trị lịch sử- văn hóa của Vịnh Hạ Long là một việc làm hết sức cần thiết, bởi điều đó sẽ làm góp phần tăng sức hấp dẫn đầy tiềm năng của du lịch Hạ Long. Để các làng chài trên Vịnh nói chung và Cửa Vạn nói riêng trở thành một điểm sáng du lịch thì cần có sự ủng hộ và quan tâm của tất cả mọi người bao gồm các cấp các ngành có liên quan và cộng đồng địa phương; nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc khai thác và bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long cũng như nền văn hoá độc đáo của ngư dân vạn chài Hạ Long.



## PHẦN KẾT LUẬN

Đối với một lĩnh vực nghiên cứu khoa học thì yếu tố khai thác và tìm hiểu những đề tài mới luôn là một khía cạnh được đánh giá cao. Nếu xét toàn diện thì đối với một lĩnh vực rộng và sâu như khai thác văn hoá để làm du lịch thì bản thân đề tài này còn quá nhỏ bé. Tuy nhiên, việc nghiên cứu một không gian văn hoá mới luôn là một nguồn tài nguyên nhân văn độc đáo, là kho tàng khoa học vô tận, kích thích sự hiểu biết, sự thích thú của những con người ham học hỏi. Vạn vật luôn thay đổi, do đó việc đi sâu vào nghiên cứu và thực hiện đề tài thực sự là một nội dung hấp dẫn đối với sinh viên. Những kết quả thu được từ đề tài trên chỉ mong đem lại một cảm nhận mới về Vịnh Hạ Long, đó là ở khía cạnh văn hoá trong tổng thể của Di sản. Qua đó, góp phần khẳng định sự cần thiết của việc nghiên cứu và đầu tư để khai thác một cách toàn diện cảnh quan thiên nhiên và văn hoá ở Vịnh Hạ Long, nhằm phục vụ tốt hơn cho việc phát triển du lịch.

Đối với loại hình du lịch mang nét văn hoá sâu sắc như ở làng chài Cửa Vạn thì luôn cần có sự quan tâm, đầu tư của các ban ngành liên quan từ vấn đề trang bị về cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch mà vẫn bảo vệ được môi trường di sản; đến việc không ngừng quan tâm đến cuộc sống của cộng đồng ngư dân làng chài, giáo dục và nâng cao chất lượng cuộc sống, nhận thức và trách nhiệm của dân địa phương; bởi họ chính là chủ nhân của Di sản và là đối tượng chính của nền văn hoá độc đáo này.

Hy vọng trong tương lai không xa, khi nhắc đến Vịnh Hạ Long, du khách sẽ không thể không đến với một địa chỉ du lịch độc đáo và hấp dẫn mang đậm tính nhân văn này. Qua đó, trong cảm nhận của du khách, Hạ Long chắc chắn sẽ hiện lên với một vẻ đẹp hài hoà của cảnh quan và văn hoá./.

